



NGUYỄN THỊ BÍCH – NGUYỄN HOÀNG LY – ĐẶNG TÚ
TRẦN THỊ QUỲNH NGA – HÀ THỊ THANH NAM – HOÀNG THUY THANH TÂM

Kế hoạch bài dạy

môn

TIẾNG VIỆT

LỚP



[Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa TIẾNG VIỆT 5
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO]

Tập một



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ BÍCH – NGUYỄN HOÀNG LY – ĐẶNG TÚ
TRẦN THỊ QUỲNH NGA – HÀ THỊ THANH NAM – HOÀNG THUY THANH TÂM

Kế hoạch bài dạy môn

TIẾNG VIỆT

Tập một

LỚP

5

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa TIẾNG VIỆT 5 –
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	5
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN CỤ THỂ.....	12
Chủ điểm 1: CHIỀU DƯỚI CHÂN NÚI.....	12
Bài 1: Chiều dưới chân núi	12
Bài 2: Quà tặng mùa hè	20
Bài 3: Tiếng gà trưa	26
Bài 4: Rét ngọt.....	35
Bài 5: Quà sinh nhật	41
Bài 6: Tiếng vườn	48
Bài 7: Chớm thu.....	54
Bài 8: Ban mai	62
Chủ điểm 2: CHỦ NHÂN TƯƠNG LAI.....	69
Bài 1: Trạng nguyên nhỏ tuổi	69
Bài 2: Thư gửi các học sinh	76
Bài 3: Nay em mười tuổi	83
Bài 4: Cậu bé say mê toán học.....	92
Bài 5: Lớp học trên đường.....	99
Bài 6: Luật Trẻ em.....	105
Bài 7: Bức tranh đồng quê	111
Bài 8: Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc.....	119
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I.....	126
Tiết 1	126
Tiết 2	128
Tiết 3	130
Tiết 4	132
Tiết 5	134
Chủ điểm 3: CHUNG SỐNG YÊU THƯƠNG	136
Bài 1: Tết nhớ thương.....	136
Bài 2: Mặn mòi vị muối Bạc Liêu	143
Bài 3: Nụ cười mang tên mùa xuân	150
Bài 4: Mùa vùng	158

Bài 5: Trước ngày Giáng sinh.....	165
Bài 6: Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	171
Bài 7: Về ngôi nhà đang xây.....	177
Bài 8: Hãy lắng nghe	185

Chủ điểm 4: CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ192

Bài 1: Tiếng rao đêm	192
Bài 2: Một ngày ở Đê Ba	199
Bài 3: Ca dao về lễ hội.....	205
Bài 4: Ngày xuân Phở Cáo.....	214
Bài 5: Những lá thư	219
Bài 6: Ngôi nhà chung của buôn làng.....	226
Bài 7: Dáng hình ngọn gió.....	231
Bài 8: Từ những cánh đồng xanh.....	239

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I 246

Tiết 1	246
Tiết 2.....	248
Tiết 3	250
Tiết 4.....	252
Tiết 5	254

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG

Nếu Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2006 được xây dựng theo định hướng nội dung thì Chương trình GDPT 2018 được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực, thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, giúp học sinh (HS) hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường và xã hội kì vọng.

Chúng tôi quan niệm bên cạnh việc hiểu Chương trình GDPT 2018, hiểu quan điểm biên soạn sách giáo khoa (SGK) của nhóm tác giả, xác định được mục tiêu từng bài học cụ thể trong SGK thì việc thể hiện đúng quan điểm biên soạn để đạt được mục tiêu cụ thể của từng bài học tiến tới đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của Chương trình phụ thuộc vào nhiều yếu tố: *Cách thức và khả năng tham gia hoạt động học tập của HS; trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng sư phạm của giáo viên (GV) cũng như những điều kiện dạy học cụ thể (cơ sở vật chất, phương tiện dạy học, môi trường ngôn ngữ,...).*

1. Mục đích biên soạn

Kế hoạch bài dạy (KHBD) môn Tiếng Việt lớp 5, bộ sách Chân trời sáng tạo được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án thiết kế KHBD các bài trong SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* và theo Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn cấp tiểu học.

Đồng thời, với nội dung điều chỉnh dành riêng cho GV thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo, chúng tôi mong muốn KHBD được sử dụng như cẩm nang hỗ trợ GV trong quá trình soạn bài, lựa chọn phương án dạy học phù hợp với đối tượng HS và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Cấu trúc sách

Sách *KHBD môn Tiếng Việt lớp 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* gồm hai phần:

- Phần *Hướng dẫn chung*: Nêu những vấn đề có tính chất chung như mục đích biên soạn; cấu trúc sách; cấu trúc KHBD; một vài lưu ý trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học; hướng dẫn sử dụng sách trước khi trình bày các phương án thiết kế KHBD từng bài cụ thể.
- Phần *Hướng dẫn cụ thể*: Trình bày các phương án thiết kế từng bài học trong SGK.

3. Cấu trúc kế hoạch bài dạy

Có nhiều hình thức trình bày KHBD. Tuy nhiên, cho dù chọn trình bày KHBD theo hình thức nào cũng cần thể hiện được các nội dung chính sau:

- YCCĐ.
- Đồ dùng dạy học.
- Chuỗi các hoạt động học.
 - + Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động học.
 - + Sản phẩm học tập mong muốn (chú trọng tới phẩm chất, năng lực được hình thành) và phương pháp, hình thức đánh giá sản phẩm học tập.
- Phần điều chỉnh sau bài dạy.

Ở tài liệu này, mỗi KHBD được trình bày gồm các phần chính sau:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Một KHBD bao giờ cũng được bắt đầu bằng việc xác định YCCĐ. Có nhiều cách trình bày YCCĐ của một bài dạy. Theo Chương trình GDPT 2018, nhiều nhà khoa học, nhà sư phạm chọn cách trình bày YCCĐ theo phẩm chất và năng lực. Nhóm tác giả sách giáo viên (SGV) *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chọn cách trình bày YCCĐ của từng hoạt động. Mỗi cách trình bày mục tiêu đều có ưu điểm riêng.

Thực tế cho thấy, tất cả các bài học và hoạt động học tập đều đóng góp vào việc hình thành các phẩm chất: *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* cũng như các năng lực chung: *giao tiếp và hợp tác, tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo*. Vì vậy, cách viết này không được hiểu là bài học không hướng tới các YCCĐ về phẩm chất và các năng lực chung, mà chỉ nhằm mục tiêu giản lược những YCCĐ “đương nhiên” mỗi bài học góp phần thực hiện. Để thống nhất với SGV, tạo điều kiện thuận lợi cho thầy cô trong quá trình sử dụng sách, *KHBD môn Tiếng Việt lớp 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chọn cách trình bày YCCĐ theo hoạt động.

Theo đó, YCCĐ cho mỗi bài học thuộc các chủ điểm được trình bày thường gồm các phần:

1. Khởi động

Nêu, kể tên, nói, chia sẻ, trao đổi, giới thiệu, bày tỏ ý kiến, chơi trò chơi, giải đố, thi,... về nội dung liên quan tới văn bản đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc thành tiếng (đọc đúng và đọc diễn cảm); hiểu nội dung, ý nghĩa của bài đọc; học thuộc lòng (đối với văn bản thơ).

– Thực hành đọc mở rộng, viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ về bài đọc theo chủ đề và gợi ý thể loại (bài 3 và bài 7).

2.2. Luyện từ và câu (bài 1, bài 3, bài 4, bài 5, bài 7 và bài 8)

YCCĐ ở hoạt động này được trình bày gắn với nội dung dạy học cụ thể, gắn với các mạch kiến thức tiếng Việt được Chương trình quy định:

– **Ngữ âm và chữ viết:**

+ Quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài.

+ Một số trường hợp viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

– **Từ vựng:**

+ Vốn từ theo chủ điểm.

+ Từ điển: Cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.

+ Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng.

+ Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa”.

+ Từ đồng nghĩa: Đặc điểm và tác dụng.

+ Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản.

– **Ngữ pháp:**

+ Đại từ và kết từ: Đặc điểm và chức năng.

+ Câu đơn và câu ghép: Đặc điểm và chức năng.

+ Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu), dấu gạch nối (nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng).

– **Hoạt động giao tiếp:**

+ Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: Đặc điểm và tác dụng.

+ Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết: Đặc điểm và tác dụng.

2.3. Nói và nghe (bài 2 và bài 6)

YCCĐ ở hoạt động này được trình bày dựa vào sự cụ thể hoá một hoặc một số YCCĐ được Chương trình quy định và nội dung dạy học cụ thể:

– **Nói:**

+ Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

+ Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.

+ Biết dựa trên gợi ý để giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi.

– **Nghe:**

+ Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.

+ Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.

– **Nói, nghe tương tác:**

Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại; biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

2.4. Viết

YCCĐ ở hoạt động này được trình bày dựa vào sự cụ thể hoá quy trình gắn với từng kiểu bài cụ thể:

– **Quy trình viết:**

+ Biết viết theo các bước: Xác định mục đích và nội dung viết (Viết để làm gì? Về cái gì?); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính, lập dàn ý cho bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

+ Viết được đoạn văn, bài văn, văn bản; thể hiện rõ ràng và mạch lạc chủ đề, thông tin chính phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn liên kết với nhau.

– **Thực hành viết:**

+ Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.

+ Viết được bài văn tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.

- + Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.
- + Viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống.
- + Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ).
- + Viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu.

3. Vận dụng

Thực hành hoạt động học tập vận dụng kiến thức, kĩ năng được trang bị qua bài học vào giải quyết một vấn đề trong học tập hoặc một vấn đề gắn với thực tiễn cuộc sống.

Lưu ý: YCCĐ cho mỗi tiết ôn tập được trình bày gồm các yêu cầu nhỏ, cụ thể, gắn với từng hoạt động của tiết học.

Trên thực tế, GV có thể căn cứ vào các YCCĐ của môn học, điều kiện thực tiễn của địa phương và đối tượng HS để linh hoạt điều chỉnh các yêu cầu sao cho phù hợp với HS lớp mình giảng dạy ở các giai đoạn học tập khác nhau.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chúng tôi chia đồ dùng dạy học thành đồ dùng của GV và đồ dùng của HS. Nhiều đồ dùng dạy học có tính chất bắt buộc, gắn với đặc trưng, được sử dụng ở hầu hết các giờ học Tiếng Việt có thể không được kê ra cụ thể, chi tiết. GV cần xác định đồ dùng dạy học sử dụng cho mỗi bài dạy phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và đối tượng HS. Đồ dùng cần dễ làm, dễ chuẩn bị, dễ sử dụng và có hiệu quả nhất định đối với mỗi bài dạy.

1. Giáo viên

- Tranh ảnh minh họa trong SGK phóng to hoặc các file ảnh gốc sử dụng trên máy tính, màn hình, bảng thông minh,...
- Thẻ từ, thẻ câu, bảng phụ,...
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác/...
- Tập âm thanh, hình ảnh, video clip,...
- ...

2. Học sinh

- Tranh, ảnh liên quan tới nội dung bài học.
- Văn bản đọc mở rộng, *Nhật kí đọc sách*,...
- ...

Ngoài ra, ở mỗi chủ điểm hoặc bài học, chúng tôi cũng chú trọng tới những thiết bị dạy học GV tự làm, HS tự chuẩn bị để mang tới lớp, phù hợp với nội dung bài và chuỗi hoạt động học gợi ý.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Phần này nhóm tác giả trình bày theo từng bài học (có gợi ý phân chia tiết học). Tuy nhiên, sự phân chia các tiết và gợi ý thời gian tổ chức từng hoạt động học chỉ mang tính tương đối. Trên thực tế, tùy thuộc vào đối tượng HS, điều kiện thực tế của địa phương, GV có thể linh hoạt phân phối thời gian cho các hoạt động trong một bài học.

TIẾT 1

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (... phút)		
...	...	

Phần *Các hoạt động dạy học chủ yếu* được chia thành ba cột:

– Cột 1: Trình bày chuỗi các hoạt động dạy học, trong đó đặc biệt chú trọng hệ thống câu hỏi và phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động. Cùng một hoạt động ở các bài học khác nhau được gợi ý bằng các phương pháp, hình thức tổ chức phong phú, đa dạng, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

– Cột 2: Trình bày YCCĐ của HS tương ứng với mỗi hoạt động. Nội dung này được trình bày bám vào YCCĐ của môn học và YCCĐ của bài học đã xác định. Với cách trình bày này, nhóm tác giả mong muốn GV xác định được con đường hình thành năng lực, phẩm chất cho HS, khác biệt với tiết dạy được trình bày theo hướng tiếp cận nội dung (chú trọng vào câu trả lời của HS).

– Cột 3: Đây là cột để GV thể hiện sự sáng tạo của bản thân phù hợp với đối tượng HS và điều kiện thực tế dạy học. GV có thể trình bày những phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động học tập, thiết bị dạy học/ học liệu,... khác với gợi ý, phù hợp với đối tượng HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

Ở phần này, GV có thể chủ động đưa ra những nội dung rút kinh nghiệm sau giờ dạy để có thể dạy tốt hơn những bài sau hoặc dạy tốt hơn bài học này ở những năm học tiếp theo.

SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* được chia thành hai tập:

- Tập 1 gồm 4 chủ điểm, 1 tuần *Ôn tập giữa học kì I* và 1 tuần *Ôn tập cuối học kì I*.
- Tập 2 gồm 4 chủ điểm, 1 tuần *Ôn tập giữa học kì II* và 1 tuần *Ôn tập cuối năm học*.

Theo đó, KHBD được biên soạn gồm:

DAY HỌC THEO CHỦ ĐIỂM:

Mỗi chủ điểm được thiết kế gồm 8 bài học trong 28 tiết. Cấu trúc mỗi bài học gồm 3 hoạt động chính: *Khởi động*, *Khám phá và luyện tập*, *Vận dụng*. Bên cạnh hoạt động *Khởi động*, *Vận dụng*, hoạt động *Khám phá và luyện tập* ở mỗi bài được cấu trúc gồm một chuỗi các hoạt động:

- Bài 1 và bài 5 (4 tiết):
 - + Đọc hiểu văn bản truyện + Cùng sáng tạo (2 tiết)
 - + Luyện từ và câu (1 tiết)
 - + Viết đoạn văn, bài văn (1 tiết)

- Bài 2 và bài 6 (3 tiết):
 - + Đọc hiểu văn bản thông tin hoặc văn bản miêu tả (1 tiết)
 - + Nói và nghe (1 tiết)
 - + Viết đoạn văn, bài văn (1 tiết)
- Bài 3 và bài 7 (4 tiết):
 - + Đọc hiểu văn bản thơ + Đọc mở rộng (2 tiết)
 - + Luyện từ và câu (1 tiết)
 - + Viết đoạn văn, bài văn (1 tiết)
- Bài 4 và bài 8 (3 tiết):
 - + Đọc hiểu văn bản miêu tả hoặc văn bản thông tin (1 tiết)
 - + Luyện từ và câu (1 tiết)
 - + Viết đoạn văn, bài văn (1 tiết)

PHẦN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ VÀ CUỐI HỌC KÌ:

Mỗi học kì có 1 tuần ôn tập giữa học kì và 1 tuần ôn tập cuối học kì. Các tuần ôn tập có cấu trúc thống nhất, được thiết kế thành 7 tiết:

- Tiết 1: Ôn luyện kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu trên một văn bản mới.
- Tiết 2 + 3: Ôn luyện từ và câu.
- Tiết 4 + 5: Ôn viết đoạn văn, bài văn.
- Tiết 6 + 7: Đánh giá định kì.

SGK giới thiệu đề đánh giá định kì được biên soạn theo hướng dẫn tại thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT Ban hành *Quy định đánh giá HS tiểu học* ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như một phương án tham khảo cho HS và GV với mong muốn hỗ trợ GV một phương án tổ chức đánh giá các kiến thức, kĩ năng được rèn luyện tính đến thời điểm đánh giá.

4. Một vài lưu ý trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học

4.1. Yêu cầu cần đạt của bài dạy

YCCĐ của bài dạy được xác định dựa vào YCCĐ đối với HS lớp Năm được quy định trong Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn cấp tiểu học và ma trận kiến thức, kĩ năng của SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*. Tuy nhiên, trên thực tế, YCCĐ của bài dạy có thể được điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng HS, đặc biệt HS có năng khiếu hoặc HS gặp khó khăn về đọc, viết, nói và nghe.

4.2. Chuỗi hoạt động dạy học

Nhìn trên KHBĐ đã thiết kế, GV có thể thấy những hoạt động dạy học chủ yếu ở mỗi kiểu bài được trình bày hầu như không xuất hiện hoạt động ổn định tổ chức, kiểm tra bài cũ, củng cố, dặn dò.

Trên thực tế, tùy thuộc đối tượng HS trong lớp cũng như nội dung các hoạt động đã thiết kế, GV chủ động quyết định có thực hiện các hoạt động trên hay không. Chúng tôi quan niệm: Tùy thuộc vào nội dung và hình thức thiết kế, hoạt động *Khởi động* có thể thay thế một cách có hiệu quả cho hoạt động ổn định tổ chức, hoạt động *Vận dụng* cũng có thể thay thế một cách có hiệu quả cho hoạt động củng cố.

Hoạt động kiểm tra bài cũ không nhất thiết phải được tách ra thành một hoạt động độc lập. Kiến thức, kĩ năng được hình thành ở bài trước có thể được GV kiểm tra, đánh giá trong một hoặc một số hoạt động của một hoặc nhiều bài sau đó.

4.3. Phân phối thời gian tổ chức các hoạt động dạy học

Trong KHBD, việc phân chia thời gian theo tiết học chỉ mang tính gợi ý. Trên thực tế, GV có quyền chủ động, linh hoạt phân chia các tiết học, thời lượng cho các hoạt động sao cho phù hợp với đối tượng HS và đảm bảo việc hoàn thành mục tiêu bài học đã xác định.

Ở các tuần *Ôn tập, đánh giá định kì*, GV linh hoạt thời gian tổ chức các bài ôn tập, thời gian ôn tập bổ sung và thời gian tổ chức đánh giá định kì.

4.4. “Mềm hoá” quy trình dạy học

Trong cùng một kiểu bài, ở các bài học khác nhau, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động học cho HS để mỗi hoạt động học luôn mới, là thách thức để HS hứng thú trải nghiệm. Cần hạn chế tối đa việc tổ chức hoạt động học cho HS theo một quy trình cứng, hạn chế cảm xúc và sự sáng tạo của người dạy cũng như người học.

4.5. Linh hoạt trong đánh giá học sinh

Việc đặt ra YCCĐ/ tiêu chí đánh giá HS cũng cần linh hoạt sao cho phù hợp với từng đối tượng HS trong lớp. GV chú ý cho HS tự đánh giá, đánh giá bạn trước khi GV đánh giá và thực hiện đánh giá theo tinh thần nhân văn, vì sự tiến bộ của HS.

5. Hướng dẫn sử dụng sách

Như mục tiêu nhóm tác giả đã xác định, chúng tôi mong muốn KHBD trở thành cẩm nang cho GV trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt. Mỗi GV có thể linh hoạt điều chỉnh, thể hiện sự sáng tạo của mình để KHBD vừa có sự thống nhất, đáp ứng YCCĐ của Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 cấp tiểu học đối với lớp Năm, vừa mang màu sắc riêng của GV. Hơn nữa, nếu GV điều chỉnh tốt KHBD, việc soạn giảng trở nên nhẹ nhàng, không đối phó, GV có nhiều thời gian hơn để tập trung cho quá trình tổ chức hoạt động học của HS tại lớp, giúp việc dạy học thực chất, hiệu quả.

Qua mỗi năm học, KHBD đã điều chỉnh có thể được chia sẻ, đóng góp ý kiến, tiếp tục được hoàn thiện, góp phần hỗ trợ GV nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt trong nhà trường.

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

CHỦ ĐIỂM 1: KHUNG TRỜI TUỔI THƠ

Chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận được về thế giới tươi đẹp của tuổi thơ, biết trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ và trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; biết trân trọng, giữ gìn những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ; biết yêu thiên nhiên, vạn vật, con người; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân về cuộc sống, về tương lai,...*

BÀI 1: CHIỀU DƯỚI CHÂN NÚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được về một hoạt động mà em đã tham gia cùng người thân hoặc bạn bè vào dịp hè.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kỉ ức tuổi thơ của tác giả hiện lên sống động trong một buổi cùng con trải nghiệm vẻ đẹp của rừng chiều. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tuổi thơ của mỗi người thường rất đẹp, rất đáng yêu. Cần biết trân trọng kỉ niệm tuổi thơ và trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện và biết cách sử dụng từ đồng nghĩa.

2.3. Viết

Nhận diện được cấu tạo bài văn tả phong cảnh, biết được trình tự miêu tả phong cảnh.

3. Vận dụng

Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh em thích trong bài “Chiều dưới chân núi” và lí do em thích mỗi hình ảnh đó.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh chiều mùa hè trong rừng (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Còn bây giờ” đến “đỏ lớn lên?”.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh chụp khi còn nhỏ (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về hoạt động đã tham gia vào dịp hè (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Chiều dưới chân núi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – Chuẩn bị: HS cùng GV trang trí lớp học hoặc góc học tập của nhóm bằng tranh, ảnh khi còn nhỏ của HS và gia đình, bạn bè,... – HS bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc khi xem tranh, ảnh về tuổi thơ của mình và các bạn. – HS bày tỏ suy nghĩ về tên chủ điểm “Khung trời tuổi thơ”. (Gợi ý: <i>Gợi nhớ về những kỉ niệm tươi đẹp của tuổi thơ bên gia đình, bạn bè, thầy cô,...</i>) → Giới thiệu chủ điểm: “Khung trời tuổi thơ”. * Giới thiệu bài – HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một hoạt động mà em đã tham gia cùng người thân hoặc bạn bè vào dịp hè (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). (Gợi ý: <i>Tên, thời gian, địa điểm, người tham gia, cảm xúc khi được tham gia hoạt động,...</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Chiều dưới chân núi”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>phấp phới; lộng lẫy; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Hầu như ngày nào cũng vậy,/ khi mặt trời bắt đầu lặn/ thì tôi đi từ trên núi về nhà/ với một bó củi khô trên vai.//;</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài.	

• <i>Còn bây giờ,/ chúng tôi rón rén ngồi xuống cỏ/ khi thấy một con cánh cam màu đỏ óng ánh/ đang bò rất chậm chạp/ trên chiếc lá to mới rụng.//;</i> • <i>Trong thứ ánh sáng lộng lẫy của mặt trời cuối ngày/ và bên màu xanh biếc tràn đầy sức sống của những tán lá,/ chúng tôi tựa vào nhau/ ngắm lũ côn trùng đang tìm đường về nhà/ và thấy thật yêu mến cuộc đời này.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, ví dụ (VD): <i>đèn dầu</i> (đèn cháy sáng nhờ dầu hoả, hoặc dầu lạc,...);... + Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “cuối ngày...”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “nấu cơm”. • Đoạn 3: Tiếp theo đến “đề lớn lên?”. • Đoạn 4: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Ba mẹ con đi chơi ở đâu? Khung cảnh ở đó được miêu tả như thế nào? (Gợi ý: <i>Ba mẹ con đi chơi trong rừng. Khung cảnh ở đó được miêu tả rất đẹp và yên tĩnh: Khu rừng yên tĩnh đầy những cây thông to dưới chân một ngọn núi. Mùi nhựa thông đâu đó rất thơm. Và những bông hoa li ti đang bắt đầu cụp cánh vào lúc cuối ngày...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Cảnh ba mẹ con trong khu rừng vào buổi chiều mùa hè đầy thú vị.</i> 2. Người mẹ nhớ lại những kỉ niệm nào về tuổi thơ của mình? (Gợi ý: <i>Người mẹ nhớ lại những kỉ niệm tuổi thơ của mình gắn với những buổi chiều, khi mặt trời bắt đầu lặn, người mẹ từ trên núi về nhà với một bó củi khô trên vai; nhớ ngôi nhà ở chân núi, mái ngói nâu thẫm lẫn giữa những tán cây; nhớ ngọn khói vờn bay lên từ căn bếp nhỏ; nhớ hình ảnh mẹ của mình từ vườn về và nhóm bếp để nấu cơm.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Những kỉ ức về tuổi thơ êm đềm của người mẹ vào mỗi buổi chiều.</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

3. Ba mẹ con làm gì khi thấy con cánh cam? Những việc làm đó nói lên điều gì? (Gợi ý: <i>Khi thấy con cánh cam, ba mẹ con rón rén ngồi xuống cỏ, thì thầm trò chuyện, hai bạn nhỏ lo lắng về chỗ ngủ của con cánh cam khi đêm xuống,...</i> → <i>Rất yêu thiên nhiên, quan tâm và có ý thức giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên.</i>) 4. Vì sao người mẹ kể cho các con nghe kí ức đang sống động trong tâm trí mình? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Người mẹ kể cho các con nghe kí ức đang sống động trong tâm trí mình vì đó là những kí ức tươi đẹp của mẹ, mẹ muốn chia sẻ với các con về cuộc sống tuổi thơ êm đềm và đầy thú vị của mình nơi thung lũng, núi rừng trước đây: không có điện, trường rất xa, chỉ có những cánh rừng mênh mông bất tận,... nhưng bình yên và đầy sức sống.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>sống động</i> (đầy sức sống với nhiều dáng vẻ khác nhau với những biểu hiện mạnh mẽ của sự sống);... → Rút ra ý đoạn 3: <i>Cuộc gặp gỡ với con cánh cam đã gợi ra những kí ức tuổi thơ của mẹ.</i> 5. Theo em, vì sao ba mẹ con cảm thấy thật yêu mến cuộc đời này? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Ba mẹ con cảm thấy thật yêu mến cuộc đời này vì họ cảm nhận được sức sống mãnh liệt của thiên nhiên, sự yên bình của cảnh vật,...</i>) → Rút ra ý đoạn 4: <i>Cảm xúc của ba mẹ con trước cảnh vật tuyệt đẹp của khu rừng lúc cuối ngày.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, vui tươi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Còn bây giờ,/ chúng tôi <u>rón rén</u> ngồi xuống cỏ/ khi thấy một con cánh cam màu <u>đỏ óng ánh</u>/ đang bò rất <u>châm chap</u>/ trên chiếc lá <u>to mới rụng</u>./</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>Nhi thì thảo hỏi tôi://</i> – <i>Đêm xuống/ thì nó sẽ <u>ngủ ở đâu</u> hả mẹ?//</i> – <i>Đâu đó quanh đây/ <u>chắc</u> sẽ có <u>nhà của nó</u>.// – Tôi đáp.//</i> <i>Và/ tôi kể cho các con nghe/ kí ức <u>sống động</u> trong tâm trí mình.// Bọn trẻ <u>luôn muốn biết rằng/ mẹ đã sống thế nào/ trong cái thung lũng <u>không có ánh điện</u>,/ chỉ <u>thắp sáng bằng đèn dầu</u>.// Mẹ đã <u>đi học thế nào/ khi trường ở rất xa</u>?// Mẹ <u>làm thế nào để trở về nhà/ từ những cánh rừng <u>mênh mông/ bất tận</u></u>?// <u>Thậm chí là/ mẹ đã ăn gì để lớn lên</u>?//</u></i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tưởng tượng, kể tiếp cuộc trò chuyện của ba mẹ con.</i> – HS nghe GV gợi ý thực hiện hoạt động: + Theo em, ba mẹ con sẽ tiếp tục trò chuyện về điều gì? + Mỗi người thể hiện tình cảm, cảm xúc gì khi trò chuyện về điều đó? + ... – HS thực hiện yêu cầu trong nhóm 3. – 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp để kể tiếp cuộc trò chuyện. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Hợp tác với bạn để đóng vai, kể tiếp cuộc trò chuyện của ba mẹ con, nội dung cuộc trò chuyện kết nối với nội dung bài. – Thể hiện giọng và cảm xúc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được nội dung đóng vai của nhóm mình và nhóm bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Hình thành khái niệm từ đồng nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của bài tập (BT) 1. – HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện các yêu cầu của BT. (Đáp án: + <i>Các từ in đậm trong từng đoạn thơ, đoạn văn có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT.	

+ Các từ in đậm trong đoạn thơ không thể thay thế cho nhau vì mỗi từ gọi tả các sắc độ khác nhau của màu đỏ; các từ in đậm trong mỗi đoạn văn có thể thay thế cho nhau vì nghĩa của các từ đó giống nhau.) – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về từ đồng nghĩa. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Rút ra được khái niệm từ đồng nghĩa.	
2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các câu văn và các từ in đậm. – HS làm bài vào vở bài tập (VBT). (Gợi ý: a. xinh, xinh xắn, dễ thương,...; b. bao la, bát ngát, mênh mông,...; c. gồ ghề, khắp khênh,...; d. nhỏ bé, nhỏ xíu, tí xíu,...) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được từ đồng nghĩa phù hợp để thay thế cho từ in đậm trong mỗi câu văn. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Luyện tập tìm từ đồng nghĩa (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm 3 theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>: Một HS tìm từ đồng nghĩa với từ “trẻ thơ”, một HS tìm từ đồng nghĩa với từ “gắn bó”, một HS tìm từ đồng nghĩa với từ “yêu mến” → chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm. (Gợi ý: + trẻ thơ: trẻ em, trẻ nhỏ, thiếu nhi,... + gắn bó: gắn kết, đoàn kết,... + yêu mến: yêu quý, mến yêu, quý mến,...) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm được từ đồng nghĩa phù hợp. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Đặt câu với các từ đồng nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS nói câu với hai từ đồng nghĩa tìm được ở BT 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS viết câu vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Đặt được câu với hai từ đồng nghĩa tìm được. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV.	

TIẾT 4

Viết: Bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện bài văn tả phong cảnh (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn. – HS trao đổi trong nhóm 4 để xác định cấu tạo và trình tự của bài văn tả phong cảnh (có thể ghi lại kết quả bằng sơ đồ vào <i>Phiếu học tập</i>). (Gợi ý: a. <i>Bài văn tả phong cảnh ở quê Bác.</i> b. <i>Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn:</i> + <i>Mở bài: Từ đầu đến “đi về quê Bác”.</i> + <i>Thân bài: Tiếp theo đến “màu xanh khác nữa”.</i> + <i>Kết bài: Còn lại.</i> c. <i>Tác giả tả từng bộ phận của cảnh.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn. – HS trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ. (Gợi ý: a. <i>Tác giả tả cảnh biển Cửa Tùng theo trình tự thời gian.</i> b. <i>Trình tự ấy phù hợp vì vào mỗi buổi trong ngày, nước biển cửa Tùng thay đổi màu sắc khác nhau, mang vẻ đẹp riêng.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để xác định được cấu tạo của bài văn tả phong cảnh, trình tự miêu tả phong cảnh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo bài văn tả phong cảnh (05 phút) – HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV: + Theo em, bài văn tả phong cảnh thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì? → HS nghe GV rút ra cấu tạo của bài văn tả phong cảnh: <i>Bài văn tả phong cảnh thường gồm ba phần:</i> • <i>Mở bài: Giới thiệu chung về cảnh.</i> • <i>Thân bài: Tả đặc điểm nổi bật của cảnh hoặc sự thay đổi của cảnh theo thời gian.</i>	– Hợp tác với bạn để rút ra ghi nhớ về cấu tạo của bài văn tả phong cảnh, trình tự miêu tả. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

• Kết bài: <i>Nêu nhận xét, tình cảm, cảm xúc,... về cảnh hoặc liên hệ thực tế.</i> + Em có thể tả cảnh theo trình tự nào? → HS nghe GV rút ra trình tự tả: Ở bài văn “<i>Phong cảnh quê Bác</i>”, tác giả chọn tả những đặc điểm nổi bật của cảnh, được gọi là trình tự không gian. Ở đoạn văn tả bãi biển Cửa Tùng, tác giả tả sự thay đổi màu sắc của nước biển vào từng buổi trong ngày, được gọi là trình tự thời gian. Khi viết bài văn tả phong cảnh có thể kết hợp cả hai trình tự trên. – HS rút ra những điều em cần ghi nhớ về bài văn tả phong cảnh. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.		
3.3. Luyện tập xác định cấu tạo bài văn tả phong cảnh (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc bài văn. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, thực hiện các yêu cầu của BT. (Gợi ý: a. <i>Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn:</i> + <i>Mở bài:</i> Từ đầu đến “<i>rừng cọ trập trùng</i>”. + <i>Thân bài:</i> Tiếp theo đến “<i>chẳng uớt đầu</i>”. + <i>Kết bài:</i> Còn lại. b. <i>Đoạn thứ nhất:</i> Miêu tả đặc điểm của cây cọ, rừng cọ. <i>Đoạn thứ hai:</i> Nói về sự gắn bó giữa rừng cọ với tác giả.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS làm bài vào VBT. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để xác định được mở bài, thân bài, kết bài của bài văn tả phong cảnh và nội dung của các đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại 1 – 2 hình ảnh em thích trong bài “Chiều dưới chân núi” và lí do em thích mỗi hình ảnh đó.</i> – HS ghi vào vở, sổ tay hoặc phiếu ghi chép theo yêu cầu. – HS chia sẻ kết quả ghi chép trong nhóm nhỏ. (Lưu ý: GV có thể hướng dẫn để HS thực hiện việc ghi chép ở nhà.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh em thích trong bài “Chiều dưới chân núi” và lí do em thích mỗi hình ảnh đó. – Biết chia sẻ, nhận xét nội dung ghi chép của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: QUÀ TẶNG MÙA HÈ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn về một chương trình truyền hình mà em thích.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Chương trình “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go với các thể loại phim đa dạng, hấp dẫn là món quà mùa hè đặc biệt dành tặng cho các em nhỏ.*

2.2. Nói và nghe

Kể được về một kỉ niệm đáng nhớ.

2.3. Viết

Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

3. Vận dụng

Nói được 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

– Tranh, ảnh giới thiệu chương trình “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go; tên một số phim hoạt hình Việt Nam (VD: *Vàng sáng âm áp; Ngôi sao xanh kì lạ; Bước qua hai thế giới; Sơn Tinh, Thủy Tinh; ...* – nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tuần phim gồm” đến “kĩ năng sống”.

2. Học sinh

– Tranh, ảnh hoặc video clip về kỉ niệm của em với người thân, bạn bè, thầy cô, ... (nếu có).

– Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Quà tặng mùa hè

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Phóng viên nhí</i> theo nhóm nhỏ, chia sẻ về một chương trình truyền hình mà em thích dựa vào gợi ý: + Tên chương trình (Gợi ý: <i>Giọng hát Việt nhí, Cuốn sách của em,...</i>) + Đơn vị tổ chức (Gợi ý: <i>Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), kênh HTV7,...</i>) + Mục đích (Gợi ý: <i>Phát hiện, bồi dưỡng tài năng ca hát nhí; giới thiệu những cuốn sách phù hợp với lứa tuổi HS,...</i>) + ... – HS đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Quà tặng mùa hè”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và hoạt động khởi động.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV hoặc HS khá, giỏi đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>VTV Go</i> (đọc là vê-tê-vê-gô);... + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Đây là món quà mùa hè đặc biệt/ mà Đài Truyền hình Việt Nam/ phối hợp cùng Hãng phim Hoạt hình Việt Nam/ thực hiện để dành tặng cho các em nhỏ.//;</i> • <i>Chuỗi phim được công chiếu/ tạo nên một “thư viện hình ảnh” sống động/ vừa mang tính giải trí,/ vừa đem lại những bài học giáo dục có ý nghĩa cho trẻ em.//;...</i> + Luyện đọc thông tin dạng bảng. + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>phim 2D</i> (phim sử dụng một chuỗi liên tiếp các hình ảnh hay bức tranh được vẽ và thể hiện trên mặt phẳng hai chiều để tạo ra một chuyển động của nhân vật); <i>phim 3D</i> (phim được thiết kế ba chiều với hình ảnh được dựng lên sống động như thật với sự trợ giúp của các phần mềm đồ họa vi tính); <i>phim cắt giấy</i>	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>vi tính</i> (phim được thiết kế với các nhân vật làm bằng giấy, sử dụng các phần mềm máy tính để tạo ra một chuyển động của nhân vật); <i>tổng hợp</i> (nghĩa trong bài: bao gồm nhiều loại phim);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “dành tặng cho các em nhỏ”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “kĩ năng sống”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.											
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp cùng Hãng phim Hoạt hình Việt Nam dành tặng cho các em nhỏ món quà gì vào mùa hè? (Gợi ý: Vào mùa hè, Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp cùng Hãng phim Hoạt hình Việt Nam dành tặng cho các em nhỏ “Tuần phim hoạt hình Việt”. Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1: Thông báo “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go. 2. Kể tên các thể loại phim hoạt hình được công chiếu. (Gợi ý: Các thể loại phim hoạt hình được công chiếu gồm 2D, 3D, cắt giấy vi tính với thời lượng phim ngắn 10 phút, phim dài 20 đến 30 phút, phim nhiều tập.) 3. Ghi lại chủ đề và lịch chiếu của 2 – 3 phim em thích. (Gợi ý: Khuyến khích HS ghi bằng bảng đơn giản, VD: <table border="1" data-bbox="108 1350 845 1536"> <thead> <tr> <th>Chủ đề</th><th>Ngày</th><th>Giờ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Phim giả tưởng</td><td>01/6</td><td>Sáng từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút. Tối từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.</td></tr> <tr> <td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr> </tbody> </table> → Rút ra ý đoạn 2: Thông tin về lịch chiếu và các thể loại phim được công chiếu. 4. Nói về ý nghĩa của một bộ phim hoạt hình dành cho thiếu nhi mà em thích. (Gợi ý: HS chọn một bộ phim hoạt hình dành cho thiếu nhi mà em thích và nói về ý nghĩa của bộ phim đó, VD: Phim “Sơn Tinh, Thủy Tinh” nói lên ước mơ chinh phục thiên nhiên của con người;...)	Chủ đề	Ngày	Giờ	Phim giả tưởng	01/6	Sáng từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút. Tối từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.	...	...	...	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nói được về ý nghĩa của một bộ phim hoạt hình dành cho thiếu nhi mà em thích.	
Chủ đề	Ngày	Giờ									
Phim giả tưởng	01/6	Sáng từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút. Tối từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.									
...	...	...									

→ Rút ra ý đoạn 3: Ý nghĩa của các bộ phim được công chiếu. → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.																										
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → Toàn bài đọc với giọng thông thả, tươi vui. + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: Nhấn giọng ở những từ ngữ thông tin về chương trình, tên phim, đặc điểm của các bộ phim, ý nghĩa của chương trình,...) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: Tuần phim gồm 50 bộ phim/ thuộc các thể loại 2D,/ 3D,/ cắt giấy vi tính/ với thời lượng phim ngắn 10 phút,/ phim dài 20 đến 30 phút,/ phim nhiều tập.// Chương trình được phát sóng vào các khung giờ:// Sáng/ từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút.// Tối/ từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.// Chủ đề phim đa dạng,/ thay đổi mỗi ngày.// <table><tr><th>Ngày</th><th>Chủ đề</th></tr><tr><td>01/6</td><td>Phim giả tưởng</td></tr><tr><td>02/6</td><td>Phim viễn tưởng</td></tr><tr><td>03/6</td><td>Chùm phim tổng hợp 1</td></tr><tr><td>04/6</td><td>Phim sự tích, cổ tích</td></tr><tr><td>05/6</td><td>Phim lịch sử</td></tr></table> <table><tr><th>Ngày</th><th>Chủ đề</th></tr><tr><td>06/6</td><td>Chùm phim tổng hợp 2</td></tr><tr><td>07/6</td><td>Phim về đề tài môi trường</td></tr><tr><td>08/6</td><td>Chùm phim tổng hợp 3</td></tr><tr><td>09/6</td><td>Phim về đề tài gia đình</td></tr><tr><td>10/6</td><td>Phim về đề tài cuộc sống hiện đại, kỹ năng sống</td></tr></table> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	Ngày	Chủ đề	01/6	Phim giả tưởng	02/6	Phim viễn tưởng	03/6	Chùm phim tổng hợp 1	04/6	Phim sự tích, cổ tích	05/6	Phim lịch sử	Ngày	Chủ đề	06/6	Chùm phim tổng hợp 2	07/6	Phim về đề tài môi trường	08/6	Chùm phim tổng hợp 3	09/6	Phim về đề tài gia đình	10/6	Phim về đề tài cuộc sống hiện đại, kỹ năng sống	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
Ngày	Chủ đề																									
01/6	Phim giả tưởng																									
02/6	Phim viễn tưởng																									
03/6	Chùm phim tổng hợp 1																									
04/6	Phim sự tích, cổ tích																									
05/6	Phim lịch sử																									
Ngày	Chủ đề																									
06/6	Chùm phim tổng hợp 2																									
07/6	Phim về đề tài môi trường																									
08/6	Chùm phim tổng hợp 3																									
09/6	Phim về đề tài gia đình																									
10/6	Phim về đề tài cuộc sống hiện đại, kỹ năng sống																									

TIẾT 2

Nói và nghe: Kể về một kỉ niệm đáng nhớ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Kể về một kỉ niệm (28 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý. – HS sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị để chia sẻ kỉ niệm trong nhóm 3 dựa vào gợi ý: + Em chọn chia sẻ kỉ niệm nào? (VD: <i>Kỉ niệm với người thân hoặc bạn bè, thầy cô, ...</i>) + Kể lại kỉ niệm đó: • Giới thiệu kỉ niệm: Thời gian, địa điểm, ... • Kể lại kỉ niệm: Mở đầu, diễn biến, kết thúc. • Suy nghĩ, cảm xúc của em. – 4 – 5 HS chia sẻ trước lớp, HS khác lắng nghe, quan sát và nhận xét phần kể của bạn theo các tiêu chí: + Nội dung kể sâu sắc. + Hình thức kể hấp dẫn. + Giọng kể truyền cảm. + ... – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kĩ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung kể của bạn theo tiêu chí đã có.	
2.2. Bình chọn bài nói (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm để bình chọn bài nói yêu thích nhất trong số các bài được chia sẻ trong nhóm hoặc được chọn chia sẻ trước lớp dựa vào các tiêu chí đã đặt ra. – Các nhóm chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nhận xét, đánh giá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả phong cảnh (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.		

– HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi a, b, hoàn thành sơ đồ gợi ý ở câu c vào VBT. (Gợi ý: <i>a. Bài văn tả cảnh trăng lên.</i> <i>b. Khi mới lên, mặt trăng tròn, to và đỏ; khi lên cao, mặt trăng nhỏ lại, sáng vàng vạc.</i> <i>c. Dưới ánh trăng, tác giả quan sát được những sự vật:</i> + Khi trăng mới lên: • Trăng: Tròn, to và đỏ. • Mây: Sợi, vắt ngang qua, mảnh dần rồi đứt hẳn. • Gió: Hiu hiu, thoảng những hương thơm ngát. + Khi trăng lên cao: • Trời: Trong vắt, thăm thẳm và cao. • Trăng: Nhỏ, sáng vàng vạc, ánh trăng trong chảy khắp cành cây, kẽ lá, tràn ngập trên con đường trắng xoá. • Bức tường hoa: Sáng trắng lên. • Lá lựu: Dày và nhỏ, lấp lánh như thuỷ tinh, lá rung động, lấp lánh ánh trăng như ánh nước.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. → HS nhận xét về trình tự miêu tả cảnh trăng lên. – HS trao đổi trong nhóm đôi, trả lời câu hỏi d, e. (Gợi ý: <i>d. Tác giả quan sát cảnh vật bằng thị giác và khứu giác (cảm nhận thoang thoảng những hương thơm ngát).</i> <i>e. Hình ảnh so sánh: Lá lựu dày và nhỏ, lấp lánh như thuỷ tinh; lá rung động lấp lánh ánh trăng như ánh nước → Gợi tả vẻ đẹp của sự vật dưới ánh trăng.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra cách quan sát một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.	– Phát triển kỹ năng nhận xét để học tập tác giả cách quan sát, chuẩn bị cho việc quan sát, tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn tả phong cảnh. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	
3.2. Thực hành quan sát cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý. – HS nghe GV hướng dẫn thêm: + Xác định cảnh sẽ tả. + Nhớ lại thời điểm và trình tự quan sát cảnh đẹp đó. + Nhớ lại, với mỗi giác quan, em cảm nhận được những gì về cảnh. + ... – HS nhớ lại cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị),	– Sử dụng phối hợp các kỹ năng quan sát trên cơ sở tái hiện lại những hình ảnh đã có kết hợp với tranh, ảnh,... để tìm ý cho bài văn tả cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.	

làm bài vào VBT. GV khuyến khích HS chọn trình tự quan sát phù hợp, chú trọng sử dụng từ ngữ gợi tả,... – HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa từ ngữ, mở rộng, phát triển ý, hoàn thiện phần ghi chép. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nhận xét, đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Nói 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà, chia sẻ với bạn hoặc người thân: + Nhớ lại một bộ phim hoạt hình Việt Nam đã xem mà em thích. (Lưu ý: Nếu HS chưa xem, khuyến khích các em chọn một phim trong “Tuần phim hoạt hình Việt” để xem.) + Chọn một nhân vật em thích. + Nói 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em với một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem. (Gợi ý: <i>Ngoại hình, tính cách,...</i>) – HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.	– Nói được 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem với bạn hoặc người thân dựa vào hướng dẫn của GV. – Nội dung nói phù hợp với yêu cầu, ngữ điệu nói phù hợp, thái độ mạnh dạn, tự tin.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: TIẾNG GÀ TRƯA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tiếng gà người cháu nghe thấy trên đường hành quân đã gợi nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp,*

êm đềm bên bà. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tình cảm bà cháu chan chứa yêu thương và những kỉ niệm đẹp, hạnh phúc của tuổi thơ được sống bên bà.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một truyện viết về trải nghiệm thú vị của thiếu nhi, một giấc mơ hoặc một ước mơ đẹp của thiếu nhi hoặc truyện khoa học viễn tưởng viết cho thiếu nhi, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, giải thích được lí do em thích.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập nhận diện và sử dụng được từ đồng nghĩa.

2.3. Viết

Lập được dàn ý cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

3. Vận dụng

Trao đổi được với bạn về cảm nhận của tác giả đối với sự thay đổi của mỗi sự vật trong đoạn thơ khi nghe tiếng gà.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Audio tiếng gà; tranh, ảnh, video clip về cảnh bà cháu ở vùng nông thôn; quả na, bụi tre, mâm măng, buồng chuối chín, lúa uốn câu, gà mái mơ, gà mái vàng (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Khung trời tuổi thơ”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

Truyện phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Tiếng gà trưa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Ô bi</i> hoặc <i>Băng chuyền</i>, lần lượt chia sẻ phán đoán về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ. – 2 – 3 HS chia sẻ phán đoán về nội dung bài trước lớp. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Tiếng gà trưa”.	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và tranh minh hoạ.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>cục tác cục ta; xao động; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Nghe/ xao động nắng trưa/ Nghe/ bàn chân đỡ mỏi/ Nghe/ gọi về tuổi thơ.//;</i> • <i>Cháu/ chiến đấu hôm nay/ Vì/ lòng yêu Tổ quốc/ Vì/ xóm làng thân thuộc/ Bà ơi,/ cũng vì bà/ Vì/ tiếng gà cục tác/ Ổ trứng hồng/ tuổi thơ.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba. • Đoạn 3: Khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Âm thanh tiếng gà trưa trong khổ thơ đầu đem đến cho anh chiến sĩ những cảm xúc gì? (Gợi ý: <i>Âm thanh tiếng gà trong khổ thơ đầu đã gợi cho anh chiến sĩ nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ với tình cảm xao xuyến, xúc động; khiến anh chiến sĩ cảm thấy ánh nắng buổi trưa như xao động, khiến bao mệt mỏi tan biến.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>nghe</i> (nghĩa trong bài: cảm thấy, nhận thấy); <i>xao động</i> (ý trong bài nói về trạng thái tình cảm xúc động);...	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

→ Rút ra ý đoạn 1: <i>Tiếng gà trưa gợi nhớ về tuổi thơ tươi đẹp.</i> 2. Tìm trong khổ thơ 2 và 3 các chi tiết, hình ảnh nói về những kỉ niệm của thời thơ ấu mà tiếng gà trưa gợi lại. (Gợi ý: <i>Các chi tiết, hình ảnh nói về những kỉ niệm của thời thơ ấu mà tiếng gà trưa gợi lại: Ổ ươm – hồng những trứng, con gà mái mơ – khắp mình hoa đốm trắng, con gà mái vàng – lông vàng như màu nắng, giấc mơ – hồng sắc trứng.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Những kỉ niệm êm đềm, thân thương thời thơ ấu mà tiếng gà trưa gợi lại.</i> 3. Theo em, vì sao tiếng gà lại có ý nghĩa đối với anh chiến sĩ? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Tiếng gà có ý nghĩa đối với anh chiến sĩ vì đây là âm thanh gắn liền với tuổi thơ của anh, gợi cho anh nhớ đến hình ảnh của bà kính yêu,...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.) → Giải nghĩa từ: <i>giấc ngủ hồng sắc trứng</i> (vừa gợi màu sắc của quả trứng vừa gợi liên tưởng về tương lai tốt đẹp);... → Rút ra ý đoạn 3: <i>Tiếng gà trưa mang lại hạnh phúc, niềm tin, ước mơ về một ngày mai tươi đẹp, hạnh phúc đang đến của anh chiến sĩ trẻ.</i> 4. Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần có tác dụng gì? (Gợi ý: <i>Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần có tác dụng khẳng định: Tiếng gà gắn với tuổi thơ của tác giả; tiếng gà mang đến hạnh phúc, niềm tin, ước mơ về một ngày mai tươi đẹp; tiếng gà còn mang đến niềm vui và sức mạnh cho cháu – anh chiến sĩ trẻ trên đường hành quân.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, tươi vui, đoạn sau hơi trầm, thể hiện suy tư.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật,...</i>)	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.	

– HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Tiếng gà trưa/ Ổ rom/ hồng những trứng/ Này/ con gà mái mơ/ Khắp mình/ hoa đốm trắng/ Này/ con gà mái vàng/ Lông/ óng như màu nắng.//</i> <i>Tiếng gà trưa/ Mang/ bao nhiêu hạnh phúc/ Đêm/ cháu về nằm mơ/ Giấc ngủ/ hồng sắc trứng.//</i> – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	
---	---	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ đề “Khung trời tuổi thơ”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc truyện – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ đề “Khung trời tuổi thơ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên truyện, tên tác giả hoặc nguồn truyện: + Kể về một trải nghiệm thú vị (Gợi ý: <i>Đất rừng phương Nam</i> – Đoàn Giỏi, <i>Những bí mật trong Tuần thiên nhiên</i> – Phan Hà Anh, <i>Cây bánh tét của người cô</i> – Phạm Hồ, <i>Con mèo và chú bé lưỡi</i> – Nguyễn Quang Sáng,...) + Nói về một giấc mơ hoặc một ước mơ đẹp (Gợi ý: <i>A-lít-xơ ở xứ sở thần tiên</i> – Lu-ít Ke-rôn, <i>Lời ước dưới trăng</i> – Phạm Thị Kim Nường, <i>Những giấc mơ xanh</i> – Nguyễn Công Kiệt,...) + Khoa học viễn tưởng (Gợi ý: <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i> – Giuyn Véc-nơ, <i>Tới Hệ Mặt Trời xa lạ</i> – Lê Toán, <i>Tiền của thần cây</i> – Võ Diệu Thanh, <i>Chuột chít và hai chiếc giày đến</i>	Hình thành thói quen đọc sách, kĩ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	

<i>từ xứ Tít Mù Tắp – Vũ Thị Thanh Tâm, Quả trứng vuông – Viết Linh,...)</i> + ... – HS chuẩn bị truyện để mang tới lớp chia sẻ.		
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện: tên truyện; tên tác giả; tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa của truyện; chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện; lí do em thích;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i>.	
1.2.3. Chia sẻ về truyện đã đọc (20 phút) – HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện và lí do em thích. Ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về nhân vật, tình tiết em thích,... – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi tiết yêu thích và giải thích lí do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Ghi chép lại các sự việc chính (05 phút) HS có thể ghi chép một vài thông tin chính về một truyện được bạn chia sẻ mà em thích: tên truyện; tên tác giả; tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa của truyện;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc một truyện được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc truyện. – HS thực hành tìm đọc truyện ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kỹ năng tìm đọc truyện được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đồng nghĩa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm từ đồng nghĩa (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn thơ. – HS thực hiện yêu cầu thứ nhất của BT trong nhóm đôi. (Đáp án: mẹ, bầm, má.) – HS chơi trò chơi <i>Chuyền hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS hoạt động nhóm 4 theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> , tìm thêm 2 – 3 từ đồng nghĩa với các từ vừa tìm được ở yêu cầu thứ nhất, viết kết quả vào VBT. (Gợi ý: u, mẹ, bu, mẹ, ...) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được từ đồng nghĩa phù hợp với yêu cầu của đề bài. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu BT. (Gợi ý: + <i>Từ dùng lặp lại</i> : a. bát ngát; b. giúp đỡ; c. quê hương. + Thay “bát ngát” bằng “bao la/ mênh mông/...”; thay “giúp đỡ” bằng “chia sẻ/ tương trợ/ hỗ trợ/...”; thay “quê hương” bằng “quê nhà/ quê quán/ quê cha đất tổ/...”. + Sau khi thay thế từ ngữ, đoạn văn tránh được việc lặp lại từ ngữ, giúp cho việc diễn đạt trở nên cụ thể hơn, sinh động hơn, ...) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ đồng nghĩa phù hợp thay cho từ dùng lặp lại trong mỗi đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm và nêu tác dụng của việc sử dụng từ đồng nghĩa (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các đoạn thơ, câu văn. – HS làm bài cá nhân vào VBT. – HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm đôi. (Gợi ý: a. giá rét – lạnh buốt. b. bé – bông. c. nơi – chốn; quả – trái. → Sử dụng từ ngữ đồng nghĩa trong đoạn thơ, câu văn tránh được việc lặp lại từ ngữ một cách đơn điệu, giúp cho việc diễn đạt trở nên cụ thể, sinh động hơn, ...) 	– Tìm và nêu được tác dụng của việc sử dụng từ đồng nghĩa trong các đoạn thơ, câu văn. – Hợp tác với bạn để chia sẻ, thống nhất kết quả. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.4. Viết câu có sử dụng từ đồng nghĩa (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm 3, chỉ ra các từ đồng nghĩa đã sử dụng; nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 3 – 4 câu nói về một truyện thiếu nhi mà em thích, trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa. – Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu đề bài và xác định đối tượng miêu tả (03 phút) – HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: <i>Miêu tả.</i>) + Đề bài yêu cầu tả gì? (Đáp án: <i>Một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.</i>) + Em chọn tả cảnh gì? Ở đâu? (Gợi ý: HS trả lời dựa vào kết quả tìm ý ở BT 2 trang 18 (<i>Tiếng Việt 5, tập một</i>).) – 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu đề bài. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài.	
3.2. Lập dàn ý cho bài văn (17 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc lại BT 2 trang 18 (<i>Tiếng Việt 5, tập một</i>), kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý. – HS làm bài vào VBT, GV lưu ý HS chọn lọc, sắp xếp ý và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ, hình ảnh. (Gợi ý: + <i>Mở bài:</i> Giới thiệu cảnh chọn tả: • <i>Cảnh gì? Ở đâu?</i> (VD: <i>Cảnh đồi núi, dòng sông, biển cả,... ở quê hương em, nơi em ở.</i>)	– Phát triển kỹ năng lập dàn ý. – Lập được dàn ý cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở. – Nhận xét được sản phẩm của mình và tự điều chỉnh.	

• Vào thời điểm nào? (VD: bình minh, hoàng hôn,...) • ... + Thân bài: Tả cảnh (HS có thể chọn tả từng đặc điểm nổi bật của cảnh hoặc tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian). + Kết bài: Nêu nhận xét, tình cảm, cảm xúc,... về cảnh chọn tả hoặc liên hệ thực tế.) – HS đọc lại, tự chỉnh sửa dàn ý đã lập.		
3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ dàn ý trong nhóm 3 theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý theo một số gợi ý: + Trình tự miêu tả, sắp xếp các ý. + Sử dụng từ ngữ, hình ảnh so sánh, nhân hoá. + Phát triển, mở rộng ý. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ dàn ý trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Trao đổi với bạn: Tác giả cảm nhận mỗi sự vật trong đoạn thơ sau thay đổi như thế nào khi nghe tiếng gà?</i> – HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu của hoạt động. (Gợi ý: <i>Quả na mở mắt, hàng tre đâm măng, buồng chuối chín, hạt đậu nảy mầm, bông lúa chín uốn câu.</i>) Lưu ý: GV có thể kết hợp cho HS quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nói được về cảm nhận của tác giả về sự thay đổi của mỗi sự vật trong đoạn thơ khi nghe tiếng gà. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: RÉT NGỌT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn về một món ăn mà em nhớ nhất.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những món quà quê bình dị và tình yêu của bà giúp cho những ngày đông rét mướt trở nên ấm áp.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm chan chứa yêu thương của bà đã đem đến cho các cháu một tuổi thơ ngọt ngào, đầy ý nghĩa.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa.

2.3. Viết

Viết được đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh.

3. Vận dụng

Tim được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cách làm chè lam (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về nếp nhung, sây thóc,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Mùa đông” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

Tranh, ảnh về món ăn mà em nhớ nhất (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Đọc: Rét ngọt

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi, chia sẻ với bạn về một món ăn mà em nhớ nhất dựa vào gợi ý: Tên món ăn, hương vị, lí do em nhớ món ăn đó,... (Gợi ý: <i>Món cháo trứng gà tía tô do</i>	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

<i>bà nấu cho khi em bị cảm, món bánh ngọt mẹ tự tay làm vào ngày sinh nhật em, ...)</i> – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Rét ngọt”.	– Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>sảy; vỏ trấu; bóng nếp; giã dổi; phen; rền; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Bóng nếp xay mịn,/ mặt mía với mạch nha trộn nước/ nấu trên lửa liu riu đến khi sánh lại,/ trộn đều với gừng nướng chín thái mỏng,/ thảo quả tán nhỏ/ cùng với lạc rang giã dổi.//;</i> • <i>Ăn một miếng chè lam bà làm,/ cảm nhận vị dẻo,/ dai của bột nếp,/ vị ngọt ngào của mật,/ một chút cay cay của gừng,/ một chút bùi bùi của lạc/ mà thấy cả tháng Chạp xôn xao,/ rét bỗng dịu lại.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>nếp</i> nhưng (loại lúa nếp thường được gieo trồng ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; cho hạt gạo to, tròn, màu trắng đục – có thể kết hợp với quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị); <i>sảy</i> (dùng met, nia làm sạch chất hạt bằng động tác hắt nhẹ cho hạt lép, rác bắn bay về phía trước – có thể kết hợp với quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị); <i>mảy hạt</i> (hạt to và chắc);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “bỗng dịu lại”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Những chi tiết nào trong đoạn đầu cho thấy món chè lam được bà làm rất công phu? (Gợi ý: <i>Những chi tiết cho thấy món chè lam được bà làm rất công phu: Chọn thóc nếp cái hoa vàng hoặc nếp nhung đem rang với cát cho đến khi nổ bỏng xoè hoa rồi sấy lại; bỏng nếp xay mịn, mật mía với mạch nha trộn nước nấu trên lửa liu riu đến khi sánh lại, trộn đều với gừng nướng chín thái mỏng, thảo quả tán nhỏ cùng với lạc rang giã dối; nhào kĩ chè lam, chia ra từng phen bánh, lăn cho đều và phẳng, phủ bên ngoài một lớp bột mỏng để chè lam khô.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.) 2. Các bạn nhỏ cảm nhận được những gì khi ăn món chè lam của bà? (Gợi ý: <i>Các bạn nhỏ cảm nhận được vị dẻo, dai của bột nếp, vị ngọt ngào của mật, vị cay của gừng, vị bùi bùi của lạc khi ăn món chè lam của bà. Nhờ vậy, cái rét tháng Chạp bỗng dịu lại.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Món chè lam của bà được làm rất công phu, đậm đà hương vị.</i> 3. Vì sao nói “bữa tiệc cánh đồng” trở nên rất thịnh soạn? (Gợi ý: <i>Nói “bữa tiệc cánh đồng” trở nên rất thịnh soạn vì ngoài những món ăn của bà, các bạn nhỏ còn được nhận những món quà của người lớn đi làm đồng ngang qua cho – cũng chính là tình cảm mộc mạc của người dân quê với mấy bà cháu.</i>) 4. Theo em, những việc làm của bà có ý nghĩa như thế nào đối với tuổi thơ của các cháu? (Gợi ý: <i>HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Những việc làm của bà giúp tuổi thơ của các bạn nhỏ thêm sinh động, đáng nhớ; những việc làm ấy trở thành kỉ niệm đẹp về tuổi thơ êm đềm của các cháu;...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Niềm vui của các bạn nhỏ với “bữa tiệc cánh đồng”.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	
---	--	--

1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ nói về cách làm, đặc điểm của các món ăn, hoạt động, trạng thái của con người, ...</i>) + Lời của bà và các cháu đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng bà ấm áp, yêu thương; giọng các cháu trong trẻo, vui tươi.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Mùa đông <u>ngọt chè lam</u>,/ <u>ngọt khoai lang nướng</u>,/ <u>mặt đĩa</u> nào cũng <u>lem nhem</u>/ như <u>mọc râu mèo</u>,/ <u>tiếng cười giòn</u>/ <u>vỡ vang cả cánh đồng</u>.// Người lớn đi làm đồng ngang qua/ <u>ngủ chân cười theo</u>,/ <u>vui vẻ</u> cho thêm <u>mấy bắp ngô nếp</u> <u>mẩy hạt</u>,/ <u>mấy củ khoai mới dõ</u>.// Góc rạ được gom về,/ <u>đống lửa to hơn</u>,/ “<u>bữa tiệc cánh đồng</u>” trở nên <u>rất thịnh soạn</u>.// Bà nhìn <u>mặt các cháu lem nhem</u> <u>khói bụi ra rơm</u>,/ <u>cười hỏi</u>:// “<u>Rét có ngọt không?</u>”// Các cháu <u>đồng thanh thật to</u>:// “<u>Ngọt, /ngọt lắm cơ/ bà ạ!</u>”//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, bước đầu thể hiện giọng đọc các nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
---	---	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đồng nghĩa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm và đặt câu với từ đồng nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1a. – HS tìm từ trong nhóm 4 theo kỹ thuật <i>Mảnh ghép và Khăn trải bàn</i>: + 1/2 số nhóm trong lớp tìm từ chỉ hương thơm. (Gợi ý: <i>thoang thoảng, dịu dịu, ngan ngát, nồng nàn, ngào ngạt, ...</i>) + 1/2 số nhóm trong lớp tìm từ chỉ không gian rộng lớn. (Gợi ý: <i>mênh mông, bao la, rộng lớn, bát ngát, ...</i>)	– Hợp tác với bạn để tìm được từ đồng nghĩa theo yêu cầu. – Đặt được câu với các từ đồng nghĩa tìm được.	

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. (Lưu ý: Nếu cần, có thể giải nghĩa một số từ tìm được.) – HS xác định yêu cầu của BT 1b. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét về việc sử dụng từ, góp ý để phát triển, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn. – HS thảo luận nhóm nhỏ, làm bài vào VBT. (Đáp án: <i>mênh mông, kéo kệt, kéo, đầy ắp, giản dị.</i>) Lưu ý: Nếu cần, có thể giải nghĩa một số từ để việc lựa chọn được chính xác hơn.) – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ phù hợp thay thế cho mỗi . – Phát triển kỹ năng chọn lọc từ phù hợp với ngữ cảnh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Luyện tập nhận diện và sử dụng từ đồng nghĩa (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn. – HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: a. <i>vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, vàng tươi.</i> b. <i>Các từ đồng nghĩa tìm được ở BT a không thể thay thế cho nhau, vì mỗi từ gợi tả một sắc độ khác nhau của màu vàng, chỉ phù hợp với sự vật được miêu tả.</i> Lưu ý: Nếu cần, có thể giải nghĩa một số từ bằng hình ảnh để việc nhận xét được chính xác hơn.) – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ đồng nghĩa, nhận xét về cách sử dụng. – Phát triển kỹ năng chọn lọc từ phù hợp với ngữ cảnh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu có sử dụng từ đồng nghĩa (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS hoạt động nhóm nhỏ, nói câu trong nhóm và nghe bạn nhận xét về cách sử dụng từ đồng nghĩa, phát triển, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 2 – 3 câu bày tỏ cảm xúc của em khi mùa xuân đến, trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa.	

	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2. – HS hoạt động nhóm 4, đọc từng đề bài và hai đoạn mở bài tương ứng với từng đề bài rồi xếp vào nhóm thích hợp. (Đáp án: a. Nhóm 1: Đoạn văn ②; nhóm 2: Đoạn văn ①. b. Nhóm 1: Đoạn văn ①; nhóm 2: Đoạn văn ②.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS trả lời một số câu hỏi của GV: + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: Nhóm 1 giới thiệu chung về cảnh; nhóm 2 nêu các sự vật, hiện tượng có liên quan để dẫn vào giới thiệu cảnh.) + Theo em, có những cách nào để viết đoạn mở bài trong bài văn tả phong cảnh? – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.	– Hợp tác với bạn để thực hiện nhiệm vụ. – Nhận diện được đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp.	
3.2. Thực hành viết đoạn mở bài (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS viết đoạn mở cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở theo một trong hai cách dựa vào gợi ý vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn mở bài cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Chỉnh sửa, hoàn thiện được bài làm dựa vào góp ý của bạn.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.</i> – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, thi tìm các thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình. (Gợi ý: <i>Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra; Chị ngã em nâng; Một giọt máu đào hơn ao nước lã; Lên non mới biết non cao/ Nuôi con mới biết công lao mẹ thầy; ...</i>) – HS chơi trò chơi <i>Ai nhanh tay hơn?</i> để chia sẻ kết quả trước lớp: Chia số HS trong lớp thành hai đội. Thành viên mỗi đội thi nhau bấm chuông để giành quyền nêu câu trả lời. Đội nào có số câu trả lời đúng nhiều hơn là đội chiến thắng. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với bạn để tìm được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: QUÀ SINH NHẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được 2 – 3 câu về một việc làm có ý nghĩa của một người bạn dành cho em.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

- Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Món quà sinh nhật là tấm lòng quý mến, trân trọng của Trinh dành cho Trang.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm đáng quý giữa những người bạn chơi với nhau từ thuở bé.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện và biết cách sử dụng từ đa nghĩa.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

3. Vận dụng

Đóng vai nhân vật Trang trong bài “Quà sinh nhật”, nói được lời cảm ơn Trinh khi nhận được món quà đặc biệt.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cây ổi găng, hoa ổi găng; rừng núi vào buổi sáng; Sa Pa vào mùa hè;... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Và bây giờ” đến hết.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (nếu có).
- Giấy màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Quà sinh nhật

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS hoạt động nhóm, nói 2 – 3 câu về một việc làm có ý nghĩa của một người bạn dành cho em. (Gợi ý: <i>Bạn cho em mượn vở để chép bài khi em nghỉ học vì bị ốm; bạn tặng em một hộp ngôi sao bằng giấy mà bạn tự gấp trong dịp sinh nhật;...</i>) – HS chơi trò chơi <i>Hơi ấm trái tim</i> để chia sẻ trước lớp: Mỗi nhóm cử 1 – 2 HS đại diện chia sẻ. Mỗi HS sẽ đặt tay lên tim khi nói về việc làm của bạn dành cho mình. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Quà sinh nhật”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>lặng mây; xuyết xoa; găng;...</i>	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Một,/ hai,/ ba...// sáu,/ bảy,/ tám.../ phải hơn chục hoa là ít.// Mà lại nở chum vào một đầu cành/ mới thích chứ!//;</i> • <i>Nó/ là cả một tâm lòng trân trọng của Trinh/ đã ấp ủ/ nâng niu,/ hằng nghĩ đến bao ngày nay.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “góc ao đầy!”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “sự bất ngờ”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (25 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Trinh tặng bạn những gì nhân dịp sinh nhật? Những chi tiết nào cho thấy Trinh rất coi trọng món quà? (Gợi ý: <i>Trinh tặng bạn mấy bông hồng vàng, một cành ổi còn nguyên cả lá và lúc lỉu đến năm, sáu quả. Chi tiết cho thấy Trinh rất coi trọng món quà: Thận trọng lấy ra mấy bông hồng vàng, khẽ nâng cành ổi.</i>) 2. Tìm những từ ngữ nói lên tình cảm, cảm xúc của các nhân vật khi nhìn thấy món quà của Trinh. • Các bạn (Gợi ý: <i>Xúm lại, trầm trồ nhìn ngắm, xuýt xoa → thích thú, hâm mộ.</i>) • Tôi (Gợi ý: <i>“À” lên một tiếng, mi mắt nong nóng, nâng chum ổi trên tay, giọng run run → cảm động.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Những món quà dễ thương mà Trinh dành tặng cho bạn của mình.</i> 3. Kể tóm tắt dự định của Trinh về món quà tặng sinh nhật bạn bằng 3 – 4 câu. (Gợi ý: Khuyến khích HS kể tóm tắt bằng lời của mình, tham khảo trình tự kể: <i>Trinh phát hiện ra chum ổi đặc biệt → dự định để dành tặng sinh nhật bạn → khoe với bạn chum ổi đặc biệt → hái tặng bạn vào ngày sinh nhật.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được những điều em học được từ mỗi nhân vật trong truyện.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Dự định bí mật của Trinh khi thấy Trang chăm chú nhìn cành ổi.</i> 4. Vì sao nói món quà “là cả một tấm lòng trân trọng của Trinh đã ấp ủ nâng niu”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Nói món quà “là cả một tấm lòng trân trọng của Trinh đã ấp ủ nâng niu” vì Trinh ấp ủ dự định tặng món quà cho nhân vật tôi từ khi cành ổi còn là một chùm hoa. Đó là chùm hoa rất đặc biệt của một cây ổi có hương vị đặc biệt. Dự định ấy được ấp ủ qua bao ngày tháng, từ khi còn là hoa đến khi kết thành quả chín.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Tình bạn đẹp giữa Trinh và Trang.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. 5. Em học được điều gì từ mỗi nhân vật trong truyện? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Học được cách chọn và tặng quà cho bạn bè và người thân – món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người tặng; học được cách ứng xử phù hợp khi nhận quà; ...</i>) → Rút ra ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng chậm rãi, thông thả.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật, ...</i>) + Lời nhân vật tôi đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng cảm động, run run, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Và <u>bây giờ</u> thì <u>chùm ổi</u> đã <u>chín vàng</u> trên <u>hai bàn tay</u> tôi.// Nâng <u>chùm ổi</u> trên tay,/ giọng tôi <u>run run</u>://</i> – <i>Dự định Trinh nói <u>dao ấy</u> là <u>chuyên này đây</u> phải không?//</i> <i>Trinh vẫn <u>lặng lẽ</u> cười,/ chỉ gật đầu không nói.// <u>Cảm ơn Trinh</u> quá.// Món quà Trinh mang đến cho tôi/ mời <u>quý giá</u> làm sao!// Nó/ là <u>cả một tấm lòng trân trọng</u> của Trinh/ đã <u>ấp ủ</u>/ <u>nâng niu</u>,/ <u>hằng nghĩ đến</u> bao ngày nay.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
1.4. Cùng sáng tạo (10 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Đặt mình vào vai nhân vật tôi, ghi lại cảm xúc khi nhận được món quà của Trinh.</i> – HS đóng vai nhân vật tôi, chia sẻ cảm xúc trong nhóm 3. – HS ghi lại cảm xúc khi nhận được món quà vào giấy màu. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Hợp tác với bạn để đóng vai, ghi lại cảm xúc khi nhận được món quà của Trinh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Hình thành khái niệm từ đa nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện các yêu cầu của BT. (Gợi ý: a. Từ “mũi” được trình bày ba nghĩa: + Bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi. + Bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của một số vật. + Mỏ đất nhô ra biển. b. Nghĩa chỉ “bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi” được trình bày đầu tiên. c. Nghĩa 2 và 3 giống nghĩa 1 ở chỗ đều có ý “nhô ra phía trước”.) – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về từ đa nghĩa. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Rút ra được khái niệm từ đa nghĩa.	

2.2. Luyện tập xác định từ đa nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm 3, mỗi HS xác định nghĩa của từ trong hai đoạn thơ. (Đáp án: <i>a. Từ “cửa” trong đoạn thơ thứ nhất được dùng với nghĩa gốc, trong đoạn thơ thứ hai, thứ ba được dùng với nghĩa chuyển.</i> <i>b. Từ “ngon” trong đoạn thơ thứ nhất và thứ ba được dùng với nghĩa chuyển, trong đoạn thơ thứ hai được dùng với nghĩa gốc.</i>) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để xác định được từ mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển dựa vào nội dung đoạn thơ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chơi trò chơi <i>Truyền điện</i> để tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa. (Gợi ý: <i>a. Lá:</i> + chiếc lá, nón lá, vạch lá tìm sâu, ... + lá thư, lá bài, lá cờ, ... <i>b. Dầu:</i> + cái dầu, dầu em bé, ... + dầu tàu, dầu máy bay, dầu tú, ...) – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Tìm được các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa đã cho. – Đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Viết đoạn văn cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu cách tả đặc điểm nổi bật của cảnh (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm nhỏ (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị), thực hiện yêu cầu theo kỹ thuật <i>Mảnh ghép</i>:	– Hợp tác với bạn để tìm hiểu được cách tả đặc điểm nổi bật của một cảnh đẹp.	

+ 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu đoạn văn a. (Gợi ý: • <i>Đoạn văn tả cảnh núi rừng vào lúc tảng sáng.</i> • <i>Tác giả chọn tả các sự vật:</i> → <i>Vòm trời: Cao, xanh mênh mông.</i> → <i>Gió: Tràn xuống, mát rượi.</i> → <i>Khoảng trời sau dãy núi phía đông: Ừng đỏ.</i> → <i>Nắng: Hắt chéo qua thung lũng, trải thành vệt sáng màu lá mạ tươi tắn.</i> → <i>Cây lim: Trổ hoa vàng.</i> → <i>Cây vải thiều: Đỏ ối những quả.)</i> + 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu đoạn văn b. (Gợi ý: • <i>Đoạn văn tả cảnh ở Sa Pa vào mùa hè.</i> • <i>Tác giả quan sát cảnh vật bằng nhiều giác quan:</i> → <i>Thị giác: Mây – vén lên, sóng núi – nhấp nhô vô tận, rừng – sáng xanh lên trong nắng, hoa – tung bừng nở, suối – dào dạt nước, búp hoa – xòe nở, cảnh vật – biếc xanh.</i> → <i>Thính giác: Sấm động, suối rì rào, thác xối, chim mở đàn hợp xướng, mưa ồn ào.</i> → <i>Xúc giác: Không khí trong lành, mát rượi.</i> • <i>Sử dụng nhiều hình ảnh nhân hoá: Màn mây vén lên, chim mở đàn hợp xướng, mưa ồn ào, núi rừng cỏ cây tắm gội,... → Khung cảnh thiên nhiên trở nên sinh động.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Viết đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em muốn tả cảnh đẹp nào? + Cảnh đẹp đó có gì nổi bật? (Gợi ý: <i>Cây cỏ, chim muông, con người, ...</i>) + Em có thể sử dụng hình ảnh so sánh, nhân hoá nào? + ... – HS làm bài vào VBT.	Viết được đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.	
3.3. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết (03 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

3.4. Chia sẻ với bạn những điều em thích trong đoạn văn của mình (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, chia sẻ bài viết theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. (Gợi ý: <i>Từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, hình ảnh nhân hoá, ...</i>) – 1 – 2 nhóm HS kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Chia sẻ được với bạn những điều em thích trong đoạn văn của mình. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Đóng vai nhân vật Trang trong bài “Quà sinh nhật” để nói lời cảm ơn Trinh khi nhận được món quà đặc biệt.</i> – HS hoạt động nhóm nhỏ, đóng vai theo yêu cầu, nghe bạn nhận xét, góp ý dựa vào các tiêu chí: + Nội dung nói đúng chủ đề. + Giọng nói, cử chỉ, điệu bộ. + Biểu cảm phù hợp. – 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Đóng được vai nhân vật Trang trong bài “Quà sinh nhật” để nói lời cảm ơn Trinh khi nhận được món quà đặc biệt. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: TIẾNG VƯỜN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được 2 – 3 câu về vẻ đẹp của một khu vườn mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

- Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cây cối đâm chồi nảy lộc và tiếng dế, tiếng*

chim đã làm cho khu vườn vào xuân tràn đầy sức sống. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Thiên nhiên mùa xuân tươi mới, trong trẻo với những vẻ đẹp độc đáo.*

2.2. **Nói và nghe**

Giới thiệu được về một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi.

2.3. **Viết**

Viết được đoạn kết bài cho bài văn tả phong cảnh.

3. **Vận dụng**

Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh hoặc từ ngữ gợi tả âm thanh mà em thích trong bài đọc “Tiếng vườn” và lí do em thích.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh về khu vườn, cây muỗm, hoa nhài, hoa bưởi, lá chè non, tán xoan,... lúc vào xuân (nếu có).
- Audio tiếng dế, tiếng chim vành khuyên, chim gáy, chim chào mào,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Và trong những tầng lá” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. **Học sinh**

- Tranh, ảnh, video clip về một khu vườn (nếu có).
- Ảnh, video clip về một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi (nếu có).

III. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

TIẾT 1

Độc: Tiếng vườn

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu về vẻ đẹp của một khu vườn mà em biết (có thể kết hợp với tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị). – HS chơi trò chơi <i>Con số may mắn</i> để chia sẻ trước lớp: GV quay vòng quay số thứ tự, vòng quay dừng ở số của bạn nào thì bạn đó chia sẻ. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa	

→ Nghe GV giới thiệu bài học: “Tiếng vườn”.	vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>muồm; vòng hoa; tua tua; sức nước; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài miêu tả cảnh vật: • <i>Từng chùm hoa buời cánh trắng,/ có những tua nhị vàng/ ngán lên giữa lòng hoa,/ chẳng khác gì những bóng thủy tiên thu nhỏ.//;</i> • <i>Và trong những tầng lá/ những tán cây vườn ấy,/ tôi nghe thấy/ những chú蝶 gọi nhau trong kẽ gạch.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>vòng</i> ((cành) cong lên như hình cung);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “tiếng vườn gọi”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “búp trên cành”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Vẻ đẹp, sự thay đổi của cây cối trong vườn khi mùa xuân đến được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? • Cây muồm (Gợi ý: <i>Khoe vòng hoa mới, hoa tua tua trở thẳng lên trời.</i>) • Hoa nhài (Gợi ý: <i>Nở trắng xoá, hoa xinh, trắng tinh khôi, hương ngào ngạt sức nước.</i>) • Hoa buời (Gợi ý: <i>Đua nhau nở, cánh trắng, những tua nhị vàng ngán lên giữa lòng hoa, giống những bóng thủy tiên thu nhỏ.</i>) • Vườn chè (Gợi ý: <i>Bắt đầu ra búp, một tôm hai lá, tôm màu lá mạ, ngán một màu xanh non.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được cảm xúc của em đối với những âm thanh trong vườn.	

2. Vì sao tác giả ấn tượng nhất với những tán xoan? (Gợi ý: <i>Tác giả ấn tượng nhất với những tán xoan vì cách xoan báo mùa xuân rất đặc biệt: Hơi xuân chớm đến, trên những cành cây khô bỗng vỡ oà những chùm lộc biếc. Lộc xoan có màu ngọc lục rất đẹp.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1, 2: <i>Cây cối trong vườn đua nhau khoe sắc khi mùa xuân đến.</i> 3. Tìm từ ngữ gợi tả mỗi âm thanh trong vườn cây. Những âm thanh ấy đem đến cho em cảm xúc gì? (Gợi ý: <i>Từ ngữ gợi tả mỗi âm thanh trong vườn cây: Những chú dế gọi nhau, chim vành khuyên lích chích, tiếng chim gáy gù gù, đàn chim chào mào riu rít</i> → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Những âm thanh sinh động, đầy sức sống của chim muông khi trời vào xuân đem đến cảm xúc vui tươi, náo nức, tràn ngập sức sống,...</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng audio đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Những âm thanh rộn ràng, vui vẻ trong khu vườn xuân.</i> 4. Theo em, vì sao khi mùa xuân về, tác giả nói “Tôi nghe tiếng vườn gọi.”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Vì khi mùa xuân về, vườn đầy sức sống: Sức sống của cây cối, của loài vật. Sức sống ấy thể hiện ở màu sắc, ở hương thơm, ở âm thanh náo nức, tươi mới của vạn vật. Sức sống ấy vô cùng hấp dẫn như gọi mời con người hoà vào thiên nhiên để cùng náo nức, vui tươi;...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, vui vẻ.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả âm thanh, hoạt động của các loài vật, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Và trong <u>những tầng lá/ những tán cây</u> vườn ấy,/ tôi nghe thấy/ <u>những chú dế gọi nhau</u> trong kẽ gạch.// Chim vành</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>khuyến khích tìm sâu/ trong các bụi chanh.// Trên chùm hoa bưởi,/ những cánh ong mật quay tít.// Tiếng chim gáy gù gù trong bụi tre gai.// Đàn chim chào mào ríu rít trên các cành xoan,/ vừa đứng ở vườn này/ đã chạy sang vườn khác.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Giới thiệu một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2. – HS hoạt động nhóm nhỏ, giới thiệu một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi theo kỹ thuật <i>Lẩu băng chuyền</i> (có thể kết hợp sử dụng một số ảnh, video clip đã chuẩn bị) dựa vào một số gợi ý: + Tên chương trình truyền hình hoặc hoạt động em muốn giới thiệu là gì? Do cá nhân hoặc đơn vị nào tổ chức? + Chương trình truyền hình hoặc hoạt động đó diễn ra vào lúc nào? Ở đâu? + Nội dung của chương trình truyền hình hoặc hoạt động là gì? + Chương trình truyền hình hoặc hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào? + ... – HS ghi lại một số thông tin về chương trình truyền hình hoặc hoạt động được nghe bạn giới thiệu mà em thấy thú vị (khuyến khích HS ghi chép bằng sơ đồ đơn giản). – 3 – 4 HS chia sẻ trước lớp, HS khác lắng nghe, quan sát và nhận xét phần giới thiệu của bạn theo các tiêu chí: + Nội dung giới thiệu. + Trình tự giới thiệu. + Hình thức giới thiệu (tốc độ, âm lượng nói, yếu tố phi ngôn ngữ,...).	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung nói của bạn theo tiêu chí đã có.	

+ Sử dụng phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu.		
+ ...		
– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn kết bài cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn kết bài không mở rộng và đoạn kết bài mở rộng (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2. – HS hoạt động nhóm 4, đọc từng đề bài và hai đoạn kết bài tương ứng với từng đề bài rồi xếp vào nhóm thích hợp. (Đáp án: a. Nhóm 1: Đoạn văn ②; nhóm 2: Đoạn văn ①. b. Nhóm 1: Đoạn văn ①; nhóm 2: Đoạn văn ②.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS trả lời một số câu hỏi của GV: + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: Nhóm 1 nêu nhận xét, đánh giá chung về cảnh hoặc nêu tình cảm, cảm xúc của người tả với cảnh; nhóm 2 có thể liên hệ về người, vật có liên quan và tưởng tượng những điều xảy ra trong tương lai,...) + Theo em, có những cách nào để viết đoạn kết bài trong bài văn tả phong cảnh? – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài.	– Hợp tác với bạn để thực hiện nhiệm vụ. – Nhận diện được đoạn kết bài không mở rộng và đoạn kết bài mở rộng.	
3.2. Thực hành viết đoạn kết bài (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS viết đoạn kết bài cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở theo một trong hai cách dựa vào gợi ý vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn kết bài cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở theo một trong hai cách. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

	– Chỉnh sửa, hoàn thiện được bài làm dựa vào góp ý của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại 1 – 2 hình ảnh hoặc từ ngữ gọi tả âm thanh mà em thích trong bài đọc “Tiếng vườn” và lí do em thích.</i> – HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu (khuyến khích HS ghi chép bằng sơ đồ đơn giản). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học.	– Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh hoặc từ ngữ gọi tả âm thanh mà em thích trong bài đọc “Tiếng vườn” và lí do em thích. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 7: CHỚM THU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn 1 – 2 dấu hiệu của thời tiết nơi em ở vào một mùa trong năm.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Con đường bước đến ngày mai của bạn nhỏ gắn với những năm tháng tuổi thơ, với cảnh vật mùa thu và những người thân. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tuổi thơ với những cảnh vật tươi đẹp đã góp phần nuôi dưỡng, chắp cánh cho mỗi người trên con đường bước tới tương lai.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được thông báo, quảng cáo hoặc bản tin về hoạt động chào mừng năm học mới, hoạt động hè hoặc chương trình nghệ thuật dành cho thiếu nhi, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về thông tin và hình thức của thông báo, quảng cáo hoặc bản tin đã đọc.

2.2. Luyện từ và câu

Biết cách sử dụng từ điển.

2.3. Viết

Viết được bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

3. Vận dụng

Ghi lại được những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Chớm thu”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Tranh, ảnh về áo toí, giàn trầu, hoa cúc trắng, cánh đồng lúa chín,... (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Thông báo, quảng cáo hoặc bản tin phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Từ điển Tiếng Việt (nếu có).
- Tranh, ảnh về một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Chớm thu

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Bốn mùa tươi đẹp</i> để chia sẻ với bạn: HS bốc thăm một mùa bất kì và chia sẻ về dấu hiệu của thời tiết nơi em ở vào mùa đó. (Gợi ý: <i>Mùa xuân thời tiết se se lạnh, mùa hè thời tiết nóng bức, ...</i>) – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Chớm thu”.	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>ngỡ; dầm; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Trầu già/ giầu nắng đầy cây/ Cỏ bông cúc/ trắng như mây giữa trời/ Cỏ con đường/ cỏ xanh tươi/ Cỏ dòng nước lặng/ chờ người qua sông.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>cuốc</i> (loài chim nhỏ, thường sống ở những vùng có nước, trong các lùm cây, bụi rậm, bờ ao, ruộng lúa, bờ tre; cuốc là loài chim quen thuộc, biểu tượng cho người nông dân làm việc vất vả khuya sớm); <i>heo may</i> ((gió heo may) gió hơi lạnh và khô thổi vào mùa thu); <i>tảo tần</i> ((phụ nữ) làm lụng vất vả, đảm đang mọi việc nhà trong cảnh sống khó khăn),... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ ba, thứ tư. • Đoạn 3: Khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút)		
– HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tìm trong hai khổ thơ đầu những dấu hiệu báo mùa thu đến. (Gợi ý: <i>Dấu hiệu báo mùa thu đến: Không còn tiếng chim cuốc, có gió heo may, trầu giầu nắng đầy cây, hoa cúc nở trắng như mây, cỏ lên xanh tươi, nước dòng sông lặng trôi.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Những dấu hiệu báo mùa thu đến.</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được suy nghĩ của	

2. Theo em, vì sao “mùa đơm hạt thóc trên đồng” được gọi là “mùa vui”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: “<i>Mùa đơm hạt thóc trên đồng</i>” gọi là “mùa vui” vì thóc đơm hạt là kết tinh những nỗi vất vả, nhọc nhằn của người nông dân; thóc được mùa đem đến no ấm cho mọi người;...) 3. Khi nhìn hạt gạo, nhành hoa, tác giả nghĩ về công lao của những ai? Vì sao? (Gợi ý: <i>Khi nhìn hạt gạo, nhành hoa, tác giả nghĩ về công lao của mẹ cha, của đất đai chan hoà</i> → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Vì cha mẹ (cũng như những người nông dân) đã cày cù, sớm hôm vất vả để tạo ra hạt gạo, để chăm chút cho từng nhành hoa tươi thắm;...</i>) → Giải nghĩa từ: <i>đơm</i>¹ (nảy sinh ra từ cơ thể thực vật → nghĩa trong bài: lúa kết hạt); <i>đơm</i>² (làm cho dính liền → nghĩa trong bài: bóng dáng của mẹ gắn với đồng ruộng, mùa màng);... → Rút ra ý đoạn 2: <i>Niềm vui, sự gắn bó của người nông dân với mùa màng, đất đai.</i> 4. “Con đường bước đến ngày mai” được nhắc đến ở khổ thơ cuối gợi cho em suy nghĩ gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Tương lai của bạn nhỏ sẽ đẹp đẽ, tươi sáng hơn nhờ những năm tháng học tập chăm chỉ, nhờ sự chăm sóc của mẹ, sự dạy dỗ của cô giáo và những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp bên bạn bè, người thân,...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Con đường bước tới ngày mai của bạn nhỏ dệt từ trang sách, bóng mẹ, dáng cô và những năm tháng tuổi thơ.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	em từ hình ảnh “con đường bước đến ngày mai” được nhắc đến ở khổ thơ cuối.	
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, tha thiết.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, màu sắc, hoạt động của các sự vật,...</i>)	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.	

– HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại ba khổ thơ cuối: <i>Mùa <u>đơm hạt thóc</u>/ <u>trên đồng</u>/</i> <i><u>Đơm thêm bóng mẹ</u>/ <u>chờ trông tháng ngày</u>/</i> <i>Mùa <u>vui</u>/ <u>lúa vẽ đường cày</u>/</i> <i>Vẽ nên <u>vóc dáng</u>/ <u>đôi tay tảo tần</u>./</i> <i>Từ trong/ <u>hạt gạo trắng ngần</u>/</i> <i>Là bao <u>hôm sớm</u>/ <u>ân cần</u> mẹ cha/</i> <i>Từ trong/ <u>thơm thảo nhành hoa</u>/</i> <i>Là bao <u>tình nghĩa</u>/ <u>chan hoà đất đai</u>./</i> <i>Con đường/ <u>bước đến ngày mai</u>/</i> <i>Dệt từ <u>trang sách</u>/ <u>dăm dùi ước mơ</u>/</i> <i>Dệt từ <u>bóng mẹ</u>/ <u>dáng cô</u>.../</i> <i>Cùng bao <u>năm tháng tuổi thơ</u>/ <u>ngot lành</u>./</i> – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp ba khổ thơ cuối và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	
--	---	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Khung trời tuổi thơ”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một thông báo, quảng cáo hoặc bản tin phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet thông báo, quảng cáo hoặc bản tin phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên thông báo, quảng cáo hoặc bản tin: + Về một hoạt động chào mừng năm học mới + Về một hoạt động hè của thiếu nhi + Về một chương trình nghệ thuật dành cho thiếu nhi + ... – HS chuẩn bị thông báo, quảng cáo hoặc bản tin để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kĩ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin: tên thông báo, quảng cáo hoặc bản tin; tên tác giả; thông tin chính; điều ấn tượng;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung thông báo, quảng cáo hoặc bản tin.	Hình thành kĩ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kĩ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i>.	
1.2.3. Chia sẻ về thông báo, quảng cáo hoặc bản tin đã đọc (20 phút) – HS đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin hoặc trao đổi thông báo, quảng cáo hoặc bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về hình thức của thông báo, quảng cáo hoặc bản tin mà em thích. – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kĩ năng hợp tác nhóm, kĩ năng chia sẻ thông tin. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Ghi chép lại các thông tin quan trọng (05 phút) HS có thể ghi chép một vài thông tin quan trọng về thông báo, quảng cáo hoặc bản tin được bạn chia sẻ mà em thích: tên thông báo, quảng cáo hoặc bản tin; tên tác giả; thông tin quan trọng;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin. – HS thực hành tìm đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kĩ năng tìm đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Sử dụng từ điển

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm hiểu cách sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ đa nghĩa (13 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc thông tin trong bảng. – HS thực hiện yêu cầu thứ nhất của BT trong nhóm đôi. (Đáp án: Từ “kết” được trình bày năm nghĩa; “kết¹” là nghĩa gốc; “kết^{2,3,4,5}” là nghĩa chuyển.) – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Biết cách sử dụng từ điển để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ. – Đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ đa nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu BT. (Gợi ý: a. Nghĩa của các từ in đậm: + <i>Mắt¹</i>: cơ quan để nhìn của người hay động vật; <i>mắt²</i>: bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ của một số quả. + <i>Cổ¹</i>: bộ phận của cơ thể, nối đầu với thân; <i>cổ²</i>: bộ phận của áo, bao quanh cổ. b. Từ “mắt¹” và “mắt²” đều chỉ bộ phận lõm vào trên bề mặt. - Từ “cổ¹” và “cổ²” đều chỉ bộ phận hình trụ thon eo lại so với phần nối liền nó, nối giữa đầu với thân.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm hiểu và so sánh các nghĩa của từ đa nghĩa. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Viết bài văn tả phong cảnh (Bài viết số 1)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (25 phút) – HS đọc và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại gì? (Đáp án: <i>Miêu tả.</i>) + Đề bài yêu cầu tả gì? (Đáp án: <i>Một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.</i>) + Bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở có bố cục mấy phần? Nội dung mỗi phần là gì? (Gợi ý: • <i>Mở bài: Giới thiệu cảnh chọn tả.</i> • <i>Thân bài: Tả cảnh (tả đặc điểm nổi bật của cảnh (hình ảnh, màu sắc, âm thanh,...) hoặc tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian (bình minh → mặt trời lên cao → ...)).</i> • <i>Kết bài: Nêu nhận xét, đánh giá, bày tỏ tình cảm, cảm xúc; liên hệ mở rộng.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS có thể xem lại dàn ý đã làm để ghi nhớ các ý chính, có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị. – HS thực hành viết bài văn vào VBT. – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.	Viết được bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.	
3.2. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi bài trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Chớm thu”.</i> – HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu (khuyến khích HS ghi chép bằng sơ đồ đơn giản).	– Ghi lại được những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Chớm thu”.	

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
--	---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 8: BAN MAI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được 1 – 2 câu về cảnh ban mai ở quê hương em hoặc nơi em ở.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh bình minh tươi đẹp của quê hương tác giả và niềm ước ao có màu vẽ để vẽ lại cảnh đẹp tuyệt vời ấy. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ngợi ca vẻ đẹp thanh bình, đầy sức sống của thiên nhiên trên quê hương lúc ban mai và bày tỏ tình yêu tha thiết với quê hương của tác giả.*

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Tuổi thơ*.

2.3. Viết

Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả một danh lam thắng cảnh.

3. Vận dụng

Đặt được tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về tuổi thơ; mở được triển lãm “Khung trời tuổi thơ”.
Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tôi vừa chạy vừa quan sát” đến “thì nhau lao vun vút”.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về hồ T’Nung; các danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh, video clip về cảnh ban mai ở quê hương em hoặc nơi em ở (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về một danh lam thắng cảnh em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... (nếu có).
- Tranh, ảnh về tuổi thơ của em (VD: *Ảnh chụp cùng người thân, bạn bè, thầy cô,...; ảnh sinh nhật; tranh, ảnh về những chuyến đi chơi; ...*).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Ban mai

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, giới thiệu với bạn về cảnh ban mai ở quê hương em hoặc nơi em ở (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Ban mai”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>quất tanh tách; cúc thi xa; hau hâu; xúm xít; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Cỏ linh lăng ướt đầm/ lành lạnh/ quất tanh tách vào đôi chân trần,/ đăm đăm nhói vào hai bàn chân nứt nẻ/ nhưng/ tôi vẫn cảm thấy thích thú.//;</i> • <i>Chao ôi,/ nếu tôi có màu vẽ/ thì tuyệt quá,/ tôi sẽ vẽ cả vàng mặt trời buổi sáng này,/ cả dãy núi xanh/ điểm những vệt trắng kia,/ cả cánh đồng cỏ linh lăng/ long lanh sương</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>sớm này,/ cả cây hướng dương/ mọc hoang bên bờ kênh kia!//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>quả nang</i> (một loại quả khô – phân biệt với quả thịt, khi chín thì vỏ khô, cứng và mỏng – thường xuất hiện ở các loài thực vật có hoa);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “vẫn cảm thấy thích thú”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “lao vun vút”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: Câu hỏi phụ: Nhân vật tôi đi đâu? Vào buổi nào? (Gợi ý: <i>Ra bờ sông vào buổi sáng sớm.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Nhân vật tôi chạy ra bờ sông vào buổi sớm mai.</i> 1. Nhân vật tôi cảm nhận được những gì trên đường chạy ra bờ sông? (Gợi ý: <i>Trên đường chạy ra bờ sông, nhân vật tôi cảm nhận được cỏ linh lăng ướt đầm sương đêm, mặt trời vươn mình nhô lên, hướng dương vươn về phía mặt trời, cúc thỉ xa hau háu xúm xít vây lấy hướng dương; hướng dương “thè lưỡi vàng đón nắng mai”, bầy quả nang chật cứng hạt uống no ánh sáng; cây bạc hà mọc cao, nom như một hòn đảo nhỏ màu tím nhạt, ...</i>) 2. Tìm và nêu tác dụng của những hình ảnh nhân hoá trong đoạn văn thứ hai. (Gợi ý: <i>Các hình ảnh nhân hoá: Mặt trời vươn mình nhô lên; hướng dương vươn về phía mặt trời, không chịu thua đám cúc thỉ xa, thè lưỡi vàng, đón nắng ban mai; bầy quả nang uống no ánh sáng; cúc thỉ xa hau háu xúm xít vây lấy hướng dương; chim én thì nhau lao vun vút</i> → <i>Cảnh vật trở nên sinh động, gần gũi, thân thiết, đáng yêu như những người bạn.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Hình ảnh đẹp của sự vật lúc ban mai.</i> 3. Nhân vật tôi ước có màu vẽ để làm gì? Vì sao? (Gợi ý: <i>Nhân vật tôi ước có màu để vẽ cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

<i>buổi ban mai. Vì cảnh vật quá đẹp và vì nhân vật tôi thiết tha yêu mến cảnh đẹp đó.)</i> → Rút ra ý đoạn 3: <i>Ước muốn có màu vẽ để vẽ cảnh đẹp quê hương của nhân vật tôi.</i> 4. Đặt một tên khác cho bài đọc và giải thích lí do em chọn tên đó. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Chọn tên “Trên mảnh đất quê hương” vì cảnh vật trên mảnh đất quê hương vào buổi sáng thật đẹp, ...)</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật, ...)</i> – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Tôi vừa chạy/ vừa quan sát mọi diễn biến xung quanh.// Mặt trời/ <u>vươn mình</u> nhô lên sau dãy núi,/ cây hướng dương mọc hoang trên bờ kênh/ <u>vươn về</u> phía mặt trời.// Đám cúc thi xa đầu trắng/ <u>hau hâu xúm xít</u> vây lấy nó,/ <u>nhưng nó không chịu thua</u>.// nó <u>thè ra những chiếc lưỡi vàng</u>,/ <u>đón lấy những tia nắng ban mai</u>,/ cho bầy quả nang <u>chặt cứng hạt/ uống no ánh sáng</u>.// Kia/ là <u>lối qua kênh</u>,/ mặt đất/ <u>nát như</u> vì xe cộ qua lại nhiều,/ nước/ <u>rỉ qua</u> những vệt bánh xe.// Kia/ là <u>đám cây bạc hà thơm thơm</u>/ mọc cao ngang tầm thắt lưng,/ <u>nom như một hòn đảo nhỏ</u> màu tím nhạt.// Tôi <u>chạy trên mảnh đất quê hương</u>,/ trên đầu tôi/ <u>chim én thì nhau lao vun vút</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Tuổi thơ*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm các từ ngữ thuộc chủ đề Tuổi thơ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS tìm từ ngữ trong nhóm 4 theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> . (Gợi ý: <i>a. bịt mắt bắt dê, trốn tìm, ném cù, bắn bi, đá banh, ...</i> <i>b. vui vẻ, thích thú, phấn khích, hào hứng, ...)</i> – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm được các từ ngữ theo yêu cầu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Sắp xếp từ ngữ thành hai nhóm và đặt câu (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2a. – HS chơi trò chơi <i>Ong về tổ</i> để thực hiện yêu cầu: HS dán các thẻ từ hình chú ong vào ô thích hợp để xếp các từ thành hai nhóm. (Gợi ý: + <i>Từ chỉ hoạt động của trẻ em: nô đùa, quan sát, khám phá, tìm tòi, sáng tạo.</i> + <i>Từ chỉ tính nết của trẻ em: thơ ngây, hồn nhiên, tinh nghịch, trong sáng, ngoan ngoãn, sáng tạo.</i> Lưu ý: Từ “sáng tạo” có thể xếp vào hai nhóm, vì từ này còn mang nét nghĩa chỉ phẩm chất, tính cách, VD: <i>Ưa tìm tòi, sáng tạo; có đầu óc sáng tạo; ...)</i> – HS xác định yêu cầu của BT 2b. – HS nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để xếp các từ thành hai nhóm. – Đặt được câu với từ thuộc mỗi nhóm. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Chọn từ ngữ phù hợp thay cho ☼ (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>thơ ngây, trong sáng, nô đùa, tinh nghịch, khám phá, sáng tạo.</i>) – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được từ ngữ phù hợp để thay cho ☼. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.4. Viết câu giới thiệu một trò chơi quen thuộc (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS hoạt động nhóm nhỏ, nói câu trong nhóm và nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 3 – 4 câu giới thiệu một trò chơi quen thuộc với em và bạn bè. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	---	--

TIẾT 3

Viết: Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả một cảnh đẹp trong tự nhiên (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn. – HS hoạt động nhóm 4, làm bài vào VBT (có thể ghi kết quả vào <i>Phiếu học tập</i> bằng sơ đồ đơn giản). (Gợi ý: a. Tác giả tả hồ T'Nưng vào những thời điểm: + Sáng sớm: • Khi sương chưa tan: Giống như một thiếu nữ dịu dàng choàng tấm khăn voan mỏng. • Nắng lên: Mặt hồ trải rộng, sáng lấp lánh, phản chiếu rõ nét cảnh rừng núi, mây trời. + Hoàng hôn: Ráng chiều nhuộm đỏ mặt nước; gió mơn man theo những gợn sóng lăn tăn. + Vào những ngày nắng đẹp: Nước trong; từng đàn cá tung tăng bơi lội; cây lá xanh ngút ngàn; chim hót líu lo. b. Tác giả sử dụng thị giác, xúc giác, thính giác để quan sát cảnh vật. c. Hình ảnh so sánh: T'Nưng giống như một thiếu nữ dịu dàng choàng tấm khăn voan mỏng; viên ngọc bích xanh trong khổng lồ ấy phản chiếu rõ nét cảnh rừng núi, mây trời. - Hình ảnh nhân hoá: Ráng chiều nhuộm đỏ mặt nước; gió mơn man theo những gợn sóng lăn tăn, ru hồ vào giấc ngủ say. → Cảnh vật hiện lên sinh động, giúp cho người đọc dễ cảm nhận, liên tưởng, hình dung về vẻ đẹp của hồ.)	– Phát triển kỹ năng nhận xét để học tập tác giả cách quan sát, chuẩn bị cho việc quan sát, tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn tả phong cảnh. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra cách quan sát một cảnh đẹp trong tự nhiên.		
3.2. Thực hành quan sát một danh lam thắng cảnh đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý. – HS nghe GV hướng dẫn thêm: + Xác định danh lam thắng cảnh sẽ tả. + Nhớ lại thời điểm và trình tự quan sát cảnh đẹp đó. + Nhớ lại, với mỗi giác quan, em cảm nhận được những gì về cảnh. – HS nhớ lại một danh lam thắng cảnh đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị), làm bài vào VBT. GV khuyến khích HS chọn trình tự quan sát phù hợp, chú trọng sử dụng từ ngữ gợi tả,... – HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa từ ngữ, mở rộng, phát triển ý, hoàn thiện phần ghi chép. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Sử dụng phối hợp các kỹ năng quan sát trên cơ sở tái hiện lại những hình ảnh đã có kết hợp với tranh, ảnh,... để tìm ý cho bài văn tả một danh lam thắng cảnh đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Chọn và đặt tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về tuổi thơ của em.</i> – HS hoạt động cá nhân, chọn 1 – 2 tranh, ảnh đã chuẩn bị để đặt tên cho ảnh. (Gợi ý: <i>Gia đình hạnh phúc của em; một mùa hè đáng nhớ; ...</i>) – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Cùng các bạn mở triển lãm “Khung trời tuổi thơ”.</i> – HS trưng bày tranh, ảnh của mình theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>, nói về cảnh vật, con người trong tranh, ảnh. – HS nêu nhận xét, cảm xúc của em khi quan sát tranh, ảnh. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.	– Hợp tác với bạn để trưng bày tranh, ảnh theo chủ đề. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại. – Nêu được nhận xét, cảm xúc của mình khi quan sát tranh, ảnh được trưng bày. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

CHỦ ĐIỂM 2: CHỦ NHÂN TƯƠNG LAI

Chủ điểm “Chủ nhân tương lai” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: bước đầu ý thức được vai trò của bản thân là thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết chăm chỉ học tập, lao động; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân với cuộc sống và tương lai,...*

BÀI 1: TRẠNG NGUYÊN NHỎ TUỔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được 1 – 2 câu giới thiệu một vị trạng nguyên của nước ta mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Nhờ thông minh, Nguyễn Hiền – trạng nguyên mười hai tuổi – đã giúp vua quan nhà Trần giải được lời thách đố của sứ thần nhà Nguyên. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ngợi ca tài năng của trạng nguyên Nguyễn Hiền, tuy tuổi nhỏ nhưng có tài năng hơn người, từ đó nêu gương cho thế hệ trẻ cố gắng học tập, rèn luyện, dùng tài năng giúp ích cho đất nước.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ đa nghĩa.

2.3. Viết

Lập được dàn ý cho bài văn tả một danh lam thắng cảnh.

3. Vận dụng

Sưu tầm và kể được cho người thân nghe một mẩu chuyện về Nguyễn Hiền.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc phim hoạt hình về trạng nguyên Nguyễn Hiền, về một số trạng nguyên của nước ta (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Vừa đến đầu làng” đến “về kinh”.

2. Học sinh

- Giấy màu.
- Tranh, ảnh về một vị trạng nguyên của nước ta (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Trạng nguyên nhỏ tuổi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – HS viết lên giấy màu điều em muốn làm cho quê hương sau khi mình lớn lên và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp. – HS bày tỏ suy nghĩ về tên chủ điểm “Chủ nhân tương lai”. (Gợi ý: “<i>Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai</i>”; <i>thế hệ HS hôm nay chính là chủ nhân của đất nước mai sau</i>; ...) → Giới thiệu chủ điểm: “Chủ nhân tương lai”. * Giới thiệu bài – HS hoạt động nhóm nhỏ, nói 1 – 2 câu giới thiệu về một vị trạng nguyên nước ta mà em biết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). (Gợi ý: <i>Tên vị trạng nguyên, quê quán, điểm nổi bật, nhận xét của em</i>, ...) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Trạng nguyên nhỏ tuổi”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>xoắn; loay hoay; tích tịch tình tang</i>;... + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Nghĩ rằng nước Đại Việt không có người tài,/ sứ thần bèn thách đố vua quan nhà Trần/ xâu sợi chỉ qua vỏ một con ốc xoắn nhỏ xíu.</i>//; • <i>Chợt nghĩ đến vị trạng nguyên nhỏ tuổi,/ Vua sai một viên quan/ về làng Dương A gặp Nguyễn Hiền/ để hỏi ý kiến.</i>//; ...	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>mệnh danh</i> (gọi là – thường để nêu lên một tính chất đặc trưng nào đó); <i>vời</i> (cho mời một người dưới nào đó đến); <i>tư chất</i> (tính chất có sẵn của con người, thường nói về mặt trí tuệ);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “học lễ”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “Đại Việt”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Hai đoạn đầu giới thiệu những thông tin gì về Nguyễn Hiền? (Gợi ý: <i>Hai đoạn đầu giới thiệu những thông tin về Nguyễn Hiền: Được mệnh danh là thần đồng vì có tư chất vượt trội, học đâu hiểu đó, đậu trạng nguyên khi mới mười hai tuổi.</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc phim hoạt hình đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu về vị trạng nguyên nhỏ tuổi.</i> 2. Sứ giả thách đố vua quan nhà Trần làm gì? Vì sao? (Gợi ý: <i>Sứ giả thách đố vua quan nhà Trần xâu sợi chỉ mảnh qua vỏ một con ốc xoắn nhỏ xíu, vì cho rằng nước Đại Việt không có người tài.</i>) 3. Nhờ đâu viên quan nhận ra trạng Hiền? (Gợi ý: <i>Viên quan nhận ra trạng Hiền nhờ vẻ ngoài khôi ngô, phong thái uy nghi, vượt trội so với các bạn cùng trang lứa và hơn hết là nhờ vẻ đối cứng cõi, xuất sắc.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>cứng cõi</i> (không vì yếu mà chịu khuất phục, thay đổi thái độ của mình → nghĩa trong bài: Nguyễn Hiền đối lại vừa nhanh vừa chính xác, thể hiện bản lĩnh vững vàng, không vì nhỏ tuổi mà tỏ ra e ngại, sợ sệt);... 4. Cách xâu chỉ qua vỏ ốc mà Nguyễn Hiền chỉ cho viên quan nói lên điều gì về vị trạng nguyên nhỏ tuổi? (Gợi ý: <i>Cách xâu chỉ qua vỏ ốc mà Nguyễn Hiền chỉ cho viên quan nói lên Nguyễn Hiền là một cậu bé thông minh (nghĩ ra lời giải câu đố nhanh) và tinh nghịch (đưa ra câu trả lời bằng lời hát).</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Trạng Hiền đã giúp vua quan nhà Trần giải được lời thách đố của sứ thần nhà Nguyên.</i> 5. Theo em, ý nghĩa của câu chuyện là gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Ca ngợi tài trí của vị trạng nguyên nhỏ tuổi; tự hào khi nước Việt ta có những nhân tài giỏi giang, tài trí hơn người; ...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Nể phục vị trạng nguyên nhỏ tuổi, Vua ban mũ áo và vời Nguyễn Hiền về triều giúp nước.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, chậm rãi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật; từ ngữ miêu tả cảnh vật; ...</i>) + Lời của Nguyễn Hiền và các bạn đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng trong trẻo, hồn nhiên, pha chút tinh nghịch, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Vừa đến đầu làng” đến “về kinh”: <i>Vừa đến đầu làng,/ viên quan <u>gặp ngay</u> một đám trẻ <u>chăn trâu</u>.// Trong đó,/ có một cậu bé <u>mặt mũi khôi ngô</u>/ đang chỉ cho các bạn <u>nặn voi bằng đất</u>.//</i> <i>Viên quan <u>đoán</u> cậu bé ấy là trạng Hiền/ nhưng <u>vẫn ra</u> một vẻ <u>đôi/ để thử tài</u>.// Trạng <u>nhANH chóng</u> đáp lại bằng một <u>vẻ đối cứng cỏi</u>.// Viên quan <u>phục lắm</u>.//</i> <i><u>Biết chắc</u> đây là người cần tìm,/ viên quan truyền lại ý Vua.// <u>Không cần nghĩ lâu</u>,/ Nguyễn Hiền bày cho các bạn <u>cùng hát</u>.//</i> <i>Tích tịch tình tang/ Bắt <u>con kiến cANG</u>/ <u>buộc chỉ</u> ngang lưng/ Bên thì <u>lấy giấy mà bưng</u>/ Bên thì <u>bôi mỡ</u>/ kiến mừng kiến sang.//</i> <i>Quan nghe xong,/ biết đây <u>chính là</u> <u>câu trả lời</u> triều đình cần,/ bèn cáo từ trạng Hiền/ rồi <u>vội vã</u> về kinh.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “Vừa đến đầu làng” đến “về kinh” trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– 2 – 3 HS thi đọc đoạn từ “Vừa đến đầu làng” đến “về kinh” trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Kể lại cuộc gặp gỡ với Nguyễn Hiền bằng lời của viên quan.</i> – HS nghe GV gợi ý thực hiện hoạt động: + Theo em, viên quan sẽ xưng hô như thế nào? + Viên quan có suy nghĩ gì khi thấy đám trẻ chăn trâu? + Sau khi nghe cậu bé đáp lại về đôi của mình, viên quan cảm thấy thế nào? + Khi Nguyễn Hiền bày cho bạn cùng hát để đưa lời giải câu đố, viên quan sẽ có hành động như thế nào? + ... – HS hoạt động nhóm 4, thực hiện yêu cầu BT. – 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp để kể lại cuộc gặp gỡ bằng lời của viên quan. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Hợp tác với bạn để đóng vai, kể lại cuộc gặp gỡ với Nguyễn Hiền bằng lời của viên quan. – Thể hiện giọng và cảm xúc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được nội dung đóng vai của nhóm mình và nhóm bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đa nghĩa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ (10 phút) – HS xác định yêu cầu thứ nhất của BT 1. – HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu. (Đáp án: Từ “<i>biển</i>” trong câu b được dùng với nghĩa gốc, trong câu a và c được dùng với nghĩa chuyển. Lưu ý: GV có thể nêu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ “<i>biển</i>” cho HS.) – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp. – HS xác định yêu cầu thứ hai của BT 1. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT.	– Phân biệt được nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. – Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT theo nhóm. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.2. Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: a. <i>đi nhanh, chạy nhanh, tốc độ nhanh,...</i> b. <i>phản ứng nhanh, đầu óc nhanh nhạy,...</i> – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS thực hành nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ. – Hợp tác với bạn để thực hiện trò chơi học tập. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Sử dụng từ điển để phân biệt các nghĩa của từ (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3a. – HS sử dụng từ điển, hoạt động nhóm 6: Một HS tìm nghĩa gốc của từ “đầu”; hai HS tìm 2 – 3 nghĩa chuyển của từ “đầu”; một HS tìm nghĩa gốc của từ “cao”; hai HS tìm 2 – 3 nghĩa chuyển của từ “cao” → chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm. (Gợi ý: + <i>Đầu</i>: • <i>Nghĩa gốc</i>: Phần trên cùng của cơ thể con người, hay phần trước nhất của thân thể động vật, nơi có bộ óc và nhiều giác quan khác. • <i>Nghĩa chuyển</i>: (1) Phần trước nhất hoặc phần trên cùng của một số vật đối lập với đuôi (đầu máy bay); (2) Phần có điểm xuất phát của một khoảng không gian hoặc thời gian, đối lập với “cuối” (đầu đường);... + <i>Cao</i>: • <i>Nghĩa gốc</i>: Có khoảng cách bao nhiêu đó từ đầu này đến cuối đầu kia, theo chiều thẳng đứng. • <i>Nghĩa chuyển</i>: (1) Có chiều cao lớn hơn mức bình thường hoặc lớn hơn so với những vật khác (giày cao cổ); (2) Hơn hẳn mức trung bình về số lượng hay chất lượng, trình độ, giá cả, ... (tuổi cao);... – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 3b.	– Hợp tác với bạn, sử dụng từ điển để tìm các nghĩa của từ. – Đặt được câu để phân biệt các nghĩa của từ vừa tìm được. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– HS làm bài vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
---	--	--

TIẾT 4

Viết: Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu đề bài và xác định đối tượng miêu tả (03 phút) – HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: <i>Miêu tả.</i>) + Đề bài yêu cầu tả gì? (Đáp án: <i>Một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,...</i>) + Em chọn tả cảnh gì? Ở đâu? (Gợi ý: HS trả lời dựa vào kết quả tìm ý ở BT 2 trang 45 (<i>Tiếng Việt 5, tập một</i>).) – 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu đề bài. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kĩ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài.	
3.2. Lập dàn ý cho bài văn (17 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc lại BT 2 trang 45 (<i>Tiếng Việt 5, tập một</i>), kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý. – HS làm bài vào VBT, GV lưu ý HS chọn lọc, sắp xếp ý và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ, hình ảnh, có thể trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy. (Gợi ý: + <i>Mở bài: Giới thiệu cảnh chọn tả:</i> • <i>Cảnh gì? Ở đâu?</i> (VD: <i>Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), sông Nho Quế (Hà Giang), đảo Phú Quốc (Kiên Giang),...</i>) • <i>Vào thời điểm nào?</i> (VD: <i>Mùa xuân, mùa hè,...</i>) • ... + <i>Thân bài: Tả cảnh (HS có thể chọn tả từng đặc điểm nổi bật của cảnh hoặc tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian).</i> + <i>Kết bài: Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc,... về cảnh chọn tả hoặc liên hệ thực tế.</i>	– Phát triển kĩ năng lập dàn ý. – Lập được dàn ý cho bài văn tả một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... – Nhận xét được sản phẩm của mình và tự điều chỉnh.	
– HS tự đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý đã lập.		

3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ dàn ý trong nhóm 3 theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý theo một số gợi ý: + Trình tự miêu tả, sắp xếp các ý. + Sử dụng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, nhân hoá. + Phát triển, mở rộng ý. + Cách bày tỏ cảm xúc. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ dàn ý trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Sưu tầm và kể cho người thân nghe một mẩu chuyện về Nguyễn Hiền.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: Tìm đọc truyện về Nguyễn Hiền ở thư viện hoặc trên internet (VD: <i>Ông trạng thả diều</i> – Trình Đường; <i>Giai thoại Nguyễn Hiền nặn voi đất biết đi...</i>), có thể ghi chép lại mẩu chuyện dưới dạng sơ đồ → kể cho người thân nghe. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Sưu tầm được một mẩu chuyện về Nguyễn Hiền và kể cho người thân nghe. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi kể chuyện trước người thân.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được suy nghĩ của em khi đọc đoạn thơ của Bác Hồ.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bác Hồ khuyên HS cố gắng học tập, rèn luyện để kế tục sự nghiệp của cha ông, xây dựng nước Việt Nam văn minh, giàu mạnh.*

2.2. Nói và nghe

Thảo luận được ích lợi của việc đọc sách.

2.3. Viết

Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn.

3. Vận dụng

Nói được việc làm của em liên quan đến một chủ đề trên bông hoa *Làm theo lời Bác*.
Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về Bác Hồ với thiếu nhi (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Trong năm học tới đây” đến “đầy kết quả tốt đẹp”.

2. Học sinh

Tranh, ảnh, video clip về một số hoạt động thiếu nhi làm theo lời Bác của trường em hoặc nơi em ở (VD: *Vệ sinh sân trường; trồng cây; gom rác; giúp đỡ bạn nghèo; thi đua học tốt;... – nếu có.*

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Đọc: Thư gửi các học sinh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Phóng viên nhí</i> trong nhóm nhỏ, trao đổi suy nghĩ về đoạn thơ của Bác Hồ viết cho thiếu nhi. (Gợi ý: <i>Bác Hồ luôn quan tâm, yêu thương thiếu nhi, mong mỗi thiếu nhi học hành chăm ngoan, mai sau góp sức giữ gìn non sông,...</i> Lưu ý: GV có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị và cung cấp thêm thông tin: <i>Đoạn thơ được Bác Hồ viết cho thiếu nhi vào dịp Trung thu năm 1946.</i>) – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Thư gửi các học sinh”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút)		
– HS nghe GV hoặc HS khá, giỏi đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>chuyển biến; tự trường; kiến thiết</i>;... + Cách ngắt nghỉ một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của Bác Hồ: • <i>Các em hết thấy đều vui vẻ/ vì sau mấy tháng giờ nghỉ học,/ sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường,/ các em lại được gặp thầy gặp bạn.//;</i> • <i>Sau 80 năm giờ nô lệ/ làm cho nước nhà bị yếu hèn,/ ngày nay/ chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta,/ làm sao cho chúng ta/ theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>kiến thiết</i> (xây dựng); <i>cường quốc năm châu</i> (các nước giàu mạnh trên thế giới);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “Vậy các em nghĩ sao? [...]”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút)		
– HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Bức thư được Bác Hồ viết gửi các học sinh vào dịp nào? (Gợi ý: <i>Bác Hồ viết thư gửi cho các HS nhân ngày khai trường năm 1945 – ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</i>) 2. Đọc thư của Bác, em thấy không khí ngày khai trường năm 1945 có gì đặc biệt? Vì sao? (Gợi ý: <i>Không khí ngày khai trường năm 1945 rất tưng bừng và nhộn nhịp vì đây là ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, các em HS vui mừng gặp thầy, gặp bạn.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

→ Giải nghĩa từ: <i>bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường</i> (ý nói những sự kiện lớn từ giữa năm 1945 đến trước ngày khai giảng, nổi bật là công cuộc Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà); <i>80 năm giờ nô lệ</i> (80 năm nước ta bị thực dân Pháp đô hộ);... → Rút ra ý đoạn 1: <i>Điều đặc biệt của ngày khai trường năm 1945 và lời nhắc HS ghi nhớ công ơn của những người đã bảo vệ nền độc lập của đất nước, cho các em được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam.</i> 3. Theo lời Bác, để xây dựng đất nước giàu mạnh, HS có trách nhiệm như thế nào? (Gợi ý: <i>Theo lời Bác, để xây dựng đất nước giàu mạnh, HS phải cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Bác Hồ khuyên HS cố gắng học tập, rèn luyện để mai sau xây dựng nước Việt Nam văn minh, giàu mạnh.</i> 4. Qua bức thư, em hiểu thêm điều gì về tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Qua bức thư, em hiểu Bác Hồ rất quan tâm, yêu quý, tin yêu, đặt nhiều kì vọng vào thiếu nhi – những chủ nhân tương lai của đất nước,...</i>) → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, tình cảm, niềm mong đợi,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Trong năm học tới đây” đến “đầy kết quả tốt đẹp”: <i>Trong năm học tới đây,/ các em hãy <u>cố gắng</u>,/ <u>siêng năng</u> học tập,/ <u>ngoan ngoãn</u>,/ <u>nghe thầy</u>,/ <u>yêu bạn</u>.// Sau <u>80 năm</u> <u>giờ nô lệ</u> làm cho nước nhà bị <u>yếu hèn</u>,/ ngày nay/ chúng ta cần phải <u>xây dựng lại cơ đồ</u>/ mà <u>tổ tiên</u> đã để lại cho chúng ta,/ làm sao cho chúng ta <u>theo kịp các nước khác</u> trên hoàn cầu.// Trong công cuộc kiến thiết đó,/ nước nhà <u>trông mong</u>/</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<u>chờ đợi ở các em rất nhiều.</u>// <u>Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không,/ dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang/ để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không,/ chính là nhờ một phần lớn/ ở công học tập của các em. [...]</u>// Ngày hôm nay,/ <u>nhân buổi tựu trường của các em,/ tôi chỉ biết chúc các em/ một năm đầy <u>vui vẻ</u> và đầy <u>kết quả tốt đẹp.</u></u>// – HS luyện đọc lại đoạn từ “Trong năm học tới đây” đến “đầy kết quả tốt đẹp” trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn từ “Trong năm học tới đây” đến “đầy kết quả tốt đẹp” trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Thảo luận về ích lợi của việc đọc sách

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Xác định nội dung đối thoại của các nhân vật (03 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc lời của các nhân vật. – HS thảo luận nhóm đôi, xác định chủ đề cuộc trò chuyện. (Gợi ý: <i>Hai bạn đang thảo luận về lí do vì sao bạn nữ thích đọc sách.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Xác định được chủ đề cuộc trò chuyện thông qua lời các nhân vật. – Hợp tác nhóm với bạn để thực hiện yêu cầu BT.	
2.2. Thảo luận về ích lợi của việc đọc sách (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý. – HS thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> (có thể ghi vắn tắt các ý bằng sơ đồ tư duy): + Một hình thức giải trí lành mạnh. + Giúp có thêm hiểu biết. + Giúp mở rộng vốn từ. + Giúp tăng khả năng viết. + Giúp phát triển kĩ năng diễn đạt. + ...	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp.	

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng trình bày thông tin theo sơ đồ tư duy.	
2.3. Đóng vai để trò chuyện, thuyết phục bạn đọc sách (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các lưu ý. – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS hoạt động nhóm đôi, đóng vai, thuyết phục bạn nam ở BT 1 dành thời gian đọc sách: + Bằng cách đưa những lí lẽ và dẫn chứng cụ thể. (Gợi ý: <i>Nêu những tấm gương thành công nhờ ham mê đọc sách mà em biết:</i> • Qua sách, báo,..., VD: <i>Những tấm gương ham đọc sách và tự học thời đại Hồ Chí Minh – Vũ Dương Thuý Ngà, Búp sen xanh – Sơn Tùng,...</i> • Ở trường, địa phương em,... (nếu dẫn chứng bằng hình ảnh, bảng tuyên dương,...)) + Bằng cách đưa ra những việc làm cụ thể để hỗ trợ hoặc đồng hành cùng bạn. (Gợi ý: <i>Giới thiệu cho bạn một số sách hay, cùng bạn tìm sách đọc, tặng sách cho bạn, thực hiện tốt các giờ đọc sách, thường xuyên lên thư viện để đọc sách cùng bạn,...</i>) + Bằng thái độ gần gũi, thân thiện. (Gợi ý: <i>Sử dụng giọng nói nhẹ nhàng, từ ngữ phù hợp, dễ hiểu, ánh mắt chân thành, thái độ vui vẻ,...</i>) + ... – 2 – 3 nhóm HS thực hành đóng vai trước lớp theo kĩ thuật <i>Bể cá</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung đóng vai của bạn. – Bước đầu biết sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục bạn cùng đọc sách.	
2.4. Ghi vào sổ tay một số ích lợi của việc đọc sách (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài cá nhân vào VBT hoặc sổ tay, khuyến khích HS ghi tóm lược các ý bằng sơ đồ tư duy. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng ghi chép các nội dung cần ghi nhớ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Trả bài văn tả phong cảnh (Bài viết số 1)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe GV nhận xét chung về bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở. – HS ghi chép nhanh những ưu điểm, hạn chế,... chung về các bài viết để rút kinh nghiệm.	Lắng nghe, nhận ra được ưu điểm, hạn chế chung.	
3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc bài viết của mình, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của GV để chỉnh sửa bài viết theo gợi ý: + Cấu tạo + Trình tự miêu tả + Từ ngữ + Câu văn + ... – HS chỉnh sửa lại bài viết vào VBT (nếu cần).	Biết lắng nghe những lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết cho phù hợp.	
3.3. Trao đổi với bạn về bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài viết trong nhóm theo kĩ thuật <i>Phòng tranh</i> . – HS trao đổi dựa vào các gợi ý: + Những điều em học được ở bài viết của bạn. + Những điều em có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được bài viết của mình và của bạn, giúp nhau bổ sung, hoàn thiện. – Phát triển kĩ năng học tập hợp tác, tham gia đóng góp ý kiến,...	
3.4. Viết lại một đoạn trong bài (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ về những điều em có thể viết thêm để đoạn văn hay hơn. – HS chọn một đoạn trong bài viết của mình và viết lại cho hay hơn vào VBT bằng cách thêm vào một số từ ngữ gợi tả hoặc một vài hình ảnh so sánh, nhân hoá.	– Viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn bằng cách thêm vào một số từ ngữ gợi tả hoặc một vài hình ảnh so sánh, nhân hoá.	

– 2 – 3 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Chọn và nói về việc làm của em liên quan đến một chủ đề trên bông hoa</i> Làm theo lời Bác. – HS đọc lại các nội dung trên các cánh hoa <i>Làm theo lời Bác</i>, suy nghĩ, chọn việc làm có liên quan đến một chủ đề đã cho trên bông hoa. (Gợi ý: <i>Thi đua học tập; tham gia vệ sinh sân trường; thực hiện nội quy trường, lớp; ...</i>) Lưu ý: GV có thể gợi ý thêm chủ đề “Yêu Tổ quốc” để HS nói.) – HS trao đổi trong nhóm nhỏ theo gợi ý: + Đó là việc gì, thuộc chủ đề nào? + Em đã làm việc đó như thế nào? + Em có suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc gì khi làm việc đó? + ... – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nói được 2 – 3 câu về việc làm của em liên quan đến một chủ đề trên bông hoa <i>Làm theo lời Bác</i>. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: NAY EM MƯỜI TUỔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được về một niềm vui của em trong ngày sinh nhật hoặc một dịp đặc biệt.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thiên nhiên, đất trời mùa thu như cùng mừng tuổi lên mười với bạn nhỏ*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi niềm vui hồn nhiên, trong trẻo của tuổi thơ vào sinh nhật mười tuổi*. Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bài thơ hoặc lời bài hát viết về tài năng hoặc lòng dũng cảm, việc làm có ý nghĩa, ước mơ của thiếu nhi cho tương lai, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về hình ảnh em thích, những điều em học được sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ đa nghĩa.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh vật ở một danh lam thắng cảnh.

3. Vận dụng

Viết và trang trí được một tấm thiệp chúc mừng bạn nhân dịp bạn tròn mười tuổi.
Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về trắng sáng, tiếng gà gáy sớm, đồng lúa,... (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Chủ nhân tương lai” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Từ điển Tiếng Việt.
- Tranh, ảnh, video clip về danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Giấy màu, giấy dán hình trái tim để thực hiện hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Nay em mười tuổi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Băng chuyền</i> , nói với bạn về một niềm vui của em trong ngày sinh nhật hoặc một dịp đặc biệt. – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

– HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Nay em mười tuổi”.	– Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>hồi hộp; lóng lánh; hơn hờ; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Nắng hồi hộp/ thức suốt đêm/ Đợi ban mai/ tới mừng em lên mười// Trống trường/ vang tiếng nói cười/ Thu đi học/ công khoảng trời dễ thương.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>hơn hờ</i> ((nét mặt) tươi tỉnh, lộ rõ vẻ vui mừng);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Ba khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Mỗi món quà thiên nhiên tặng bạn nhỏ vào tuổi lên mười được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Mỗi món quà thiên nhiên tặng bạn nhỏ vào tuổi lên mười được tả: Nắng ban mai, khoảng trời dễ thương, ánh trăng lóng lánh,</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội	

<i>cỏ xanh đỉnh sương, tiếng gà gọi bình minh, cánh đồng lúa, làn gió thơm, quả thị toả hương.</i> Lưu ý: GV có thể chia nhỏ nhiệm vụ cho HS thảo luận bằng cách tìm ở từng khổ thơ, kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) 2. Nắng và cỏ được nhân hoá bằng cách nào? Cách nhân hoá đó có gì hay? (Gợi ý: <i>Nắng và cỏ được nhân hoá bằng cách dùng từ ngữ tả người để tả vật: Nắng – hồi hộp, thức suốt đêm, đợi ban mai tới; cỏ – hôn hờ, đỉnh sương để làm quà → Các sự vật được nhân hoá để thể hiện cảm xúc háo hức, vui vẻ, của bạn nhỏ vào ngày đón tuổi lên mười.</i>) 3. Mỗi âm thanh được tả trong bài gợi cho em cảm xúc gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Mỗi âm thanh gợi cho em cảm xúc vui tươi, háo hức, đón chờ tuổi lên mười,...</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Những món quà đặc biệt của thiên nhiên mùa thu tặng bạn nhỏ vào tuổi lên mười.</i> 4. Vì sao tác giả nói “Sáng vui đón tuổi lên mười/ Ngõ như đất nước đẹp tươi lớn cùng.”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Tác giả nói “Sáng vui đón tuổi lên mười/ Ngõ như đất nước đẹp tươi lớn cùng.” vì vào buổi sáng ngày sinh nhật của bạn thiên nhiên rất tươi đẹp, bạn nhỏ cảm thấy như thiên nhiên dành tặng những món quà đặc biệt đó cho mình, để mình được lớn lên cùng thiên nhiên;...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Thiên nhiên, đất nước đẹp tươi như vui cùng bạn nhỏ đón tuổi lên mười.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	dung, ý nghĩa của bài thơ.	
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, tươi vui; khổ thơ cuối đọc trầm hơn các khổ thơ trước.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của sự vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại hai khổ thơ cuối: <i>Lúa/ <u>phơi bông</u>/ khắp cánh đồng/ Gió thơm/ bay giữa <u>mênh mông thảm vàng</u>/</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của	

<u>Để trang cổ tích/ mơ màng/</u> <u>Căng tròn trái thị/ dịu dàng tỏa hương.//</u> <u>Ngắm bầy chim liệng/ thân thương/</u> <u>Riu ràn/ bỗng thấy bốn phương reo mời/</u> <u>Sáng vui/ đón tuổi lên mười/</u> <u>Ngỡ như/ đất nước đẹp tươi/ lớn cùng.//</u> – HS tự nhắm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp hai khổ thơ cuối và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhắm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	
---	---	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Chủ nhân tương lai”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc bài thơ hoặc lời bài hát – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên bài thơ hoặc bài hát: + Về tài năng hoặc lòng dũng cảm của thiếu nhi (Gợi ý: <i>Lượm</i> – Tố Hữu, <i>Kim Đồng</i> (lời bài hát) – Phong Nhã, <i>Trần Quốc Toản</i> (lời bài hát) – Tâm Thơ, Ngô Nguyễn Trần,...) + Về việc làm có ý nghĩa của thiếu nhi (Gợi ý: <i>Hạt gạo làng ta</i> – Trần Đăng Khoa, <i>Lên rẫy</i> – Đỗ Toàn Diện, <i>Mẹ vắng nhà ngày bão</i> – Đặng Hiền, <i>Khi mẹ vắng nhà</i> – Trần Đăng Khoa,...) + Về ước mơ của thiếu nhi cho tương lai (Gợi ý: <i>Em cùng đất nước đi lên</i> – Hoài Khánh, <i>Bốn mùa mơ ước</i> – Nguyễn Lâm Thắng, <i>Em là hoa hồng nhỏ</i> (lời bài hát) – Trịnh Công Sơn, <i>Ước mơ tuổi thơ</i> (lời bài hát) – Lê Ưu Diễm, <i>Những ước mơ</i> (lời bài hát) – Nguyễn Ngọc Thiện,...) + ...	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	

– HS chuẩn bị bài thơ hoặc lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.		
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát: tên bài thơ hoặc bài hát; tên tác giả; từ dùng hay; hình ảnh đẹp;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ hoặc lời bài hát.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i>.	
1.2.3. Chia sẻ về bài thơ hoặc lời bài hát đã đọc (20 phút) – HS đọc bài thơ, lời bài hát hoặc trao đổi bài thơ, lời bài hát cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ hình ảnh em thích và lí do em thích hình ảnh đó, những điều học được sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát,... – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về hình ảnh yêu thích và giải thích lí do; rút ra được những điều học được sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Ghi chép những hình ảnh đẹp trong một bài thơ hoặc lời bài hát được bạn chia sẻ (05 phút) HS có thể ghi chép một vài thông tin quan trọng về bài thơ hoặc lời bài hát được bạn chia sẻ mà em thích: tên bài thơ hoặc bài hát; tên tác giả; hình ảnh đẹp;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc một bài thơ hoặc lời bài hát được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài thơ hoặc lời bài hát. – HS thực hành tìm đọc bài thơ hoặc lời bài hát ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kỹ năng tìm đọc bài thơ hoặc lời bài hát được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đa nghĩa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Luyện tập phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thực hiện yêu cầu thứ nhất của BT trong nhóm đôi. (Đáp án: Từ “quả” trong câu a được dùng với nghĩa gốc, trong câu b được dùng với nghĩa chuyển.) – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS hoạt động nhóm 4 theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>, thực hiện yêu cầu thứ hai của BT. (Gợi ý: + Từ dùng để chỉ từng đơn vị những vật có hình giống như quả cây (quả bóng). + Món lợi thu được trong làm ăn, buôn bán (trúng quả lớn). + ...) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS làm bài cá nhân vào VBT, thực hiện yêu cầu thứ ba của BT. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phân biệt được nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. – Tìm được các nghĩa chuyển khác của từ đa nghĩa theo yêu cầu. – Đặt được câu với các nghĩa chuyển vừa tìm được. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng từ điển để phân biệt các nghĩa của từ đa nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm 4, thực hiện yêu cầu BT. (Gợi ý: + Mặt: • Nghĩa gốc: Phần phía trước từ trán đến cằm của đầu người hay phần phía trước của đầu con thú. • Nghĩa chuyển: Phần phẳng ở phía trên hoặc phía ngoài của vật. + Chân: • Nghĩa gốc: Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hay động vật dùng để đi, đứng. • Nghĩa chuyển: Bộ phận dưới cùng của một số đồ vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.)	– Hợp tác với bạn, sử dụng từ điển để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.3. Viết câu có sử dụng từ mang nghĩa chuyển (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em chọn tả cảnh đẹp nào? + Cảnh đẹp thiên nhiên đó có đặc điểm gì nổi bật? + Cảm xúc của em trước cảnh đẹp đó là gì? + Em sử dụng từ “mặt” hay từ “chân” được dùng với nghĩa chuyển? + ... – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm 3, chỉ ra các nghĩa chuyển đã sử dụng; nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 3 – 4 câu tả một cảnh đẹp thiên nhiên, trong đó có sử dụng từ “mặt” hoặc từ “chân” được dùng với nghĩa chuyển. – Phát triển kĩ năng dùng từ, đặt câu, liên kết câu để viết đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn. – HS thảo luận trong nhóm 3, mỗi HS trả lời một câu hỏi để tìm hiểu đoạn văn. (Gợi ý: a. Đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh từ lúc bình minh đến khi mặt trời lên cao. Những từ ngữ cho biết điều đó: Mặt trời còn bên lên núp sau sườn núi, mặt trời chầm chệ ngự trị trên chòm mây. b. Những từ ngữ để tả màu sắc của núi: + Mặt trời mới ló dạng: Núi từ màu xám xịt đổi ra màu tím sẫm. + Mặt trời nhô lên dần: Núi từ màu tím sẫm đổi ra màu hồng, rồi từ màu hồng lần lần đổi ra màu vàng nhạt. + Mặt trời đã lên cao: Núi trở lại màu xanh biếc.	– Hợp tác với bạn để tìm hiểu được cách tả sự thay đổi của một cảnh đẹp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

<i>c. Mặt trời được nhân hoá bằng cách dùng từ ngữ tả hoạt động của người để miêu tả hoạt động của vật (chêm chệ ngữ tri trên chòm mây) → Mặt trời hiện lên sinh động, uy nghi như một vị vua.)</i> – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
3.2. Viết đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em chọn tả danh lam thắng cảnh nào? Vào những thời điểm nào? + Vào mỗi thời điểm, cảnh có những đặc điểm gì nổi bật? + Em sẽ sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá nào? + ... – HS làm bài cá nhân vào VBT.	Viết được đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh vật ở một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,..., trong đoạn văn có hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.	
3.3. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết (03 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.4. Chia sẻ đoạn văn và bình chọn đoạn văn hay (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ đoạn văn đã viết theo kĩ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn chỉnh đoạn văn. – HS bình chọn trong nhóm đoạn văn hay theo các tiêu chí: + Từ ngữ gợi tả phong phú. + Hình ảnh đẹp. + Câu văn hay. + Sử dụng từ ngữ, hình ảnh so sánh, nhân hoá. + ... – HS chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp, trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi chia sẻ đoạn văn trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết và trang trí một tấm thiệp chúc mừng bạn nhân dịp bạn tròn mười tuổi.</i> – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV để chọn nội dung viết: + Em viết thiệp tặng ai? + Em sẽ nói gì để chúc mừng bạn nhân dịp sinh nhật? + Em muốn trang trí thiệp như thế nào? + ... – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, viết lời chúc vào giấy màu và trang trí. – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, trưng bày sản phẩm ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.</i> – HS dán giấy dán hình trái tim vào tấm thiệp mà em thích. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Viết và trang trí được một tấm thiệp chúc mừng bạn nhân dịp bạn tròn mười tuổi. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: CẬU BÉ SAY MÊ TOÁN HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được về nỗ lực và ước mơ của một nhân vật nhỏ tuổi mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Niềm đam mê, sự chăm chỉ, những thành tích, ước mong của cậu bé say mê toán học – Đồng Trọng Nghĩa.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi đức tính chăm chỉ, say mê, khiêm tốn của cậu bé Đồng Trọng Nghĩa; khuyên các bạn nhỏ nỗ lực, mạnh dạn sáng tạo để biến ước mơ thành hiện thực.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa và từ đa nghĩa.

2.3. Viết

Viết được bài văn tả một danh lam thắng cảnh.

3. Vận dụng

Sưu tầm được tranh ảnh, thông tin,... về một cuộc thi dành cho thiếu nhi mà em biết và giới thiệu được về cuộc thi đó.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Nhờ niềm say mê” đến hết.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về một nhân vật nhỏ tuổi có nỗ lực và ước mơ (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Tranh ảnh, thông tin,... về một cuộc thi dành cho thiếu nhi mà em biết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Cậu bé say mê toán học

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về nỗ lực và ước mơ của một nhân vật nhỏ tuổi mà em biết. (Gợi ý: <i>Xti-von Hoóc-king, Tiến Anh, Uy-li-am Cam-goam-ba, Nguyễn Ngọc Ký</i>,...) Lưu ý: HS có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) – HS chơi trò chơi <i>Em là phóng viên nhí</i> để chia sẻ kết quả trước lớp: Một HS làm phóng viên để phỏng vấn một HS khác về nhân vật nhỏ tuổi mà em biết. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Cậu bé say mê toán học”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>Ja Aok</i> (đọc là Chà O);...	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • Ở nhà,/ mọi người thường gọi Nghĩa là Ja Aok/ – tên một chàng dũng sĩ/ trong truyện cổ tích Chăm/ – với ước mong cậu luôn khoẻ mạnh,/ thông minh/ và tốt bụng.//; • Không những thế,/ Nghĩa còn học đều tất cả các môn/ và rất tích cực tham gia các hoạt động của trường,/ lớp.//; ... + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>truyện cảm hứng</i> (khích lệ, thúc đẩy hành động một cách tự tin cho người khác);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “tốt bụng”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “giải Nhì”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Bố mẹ gửi gắm điều gì vào tên thường gọi ở nhà của Đồng Trọng Nghĩa? (Gợi ý: <i>Bố mẹ gửi gắm ước mong con luôn khoẻ mạnh, thông minh, tốt bụng trong tên thường gọi ở nhà của Đồng Trọng Nghĩa.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Tên thường gọi của Nghĩa gửi gắm ước mong của bố mẹ về em: Khỏe mạnh, thông minh và tốt bụng.</i> 2. Tìm những chi tiết cho thấy Nghĩa sớm bộc lộ năng khiếu toán học. (Gợi ý: <i>Những chi tiết cho thấy Nghĩa sớm bộc lộ năng khiếu toán học: Tính nhẩm rất nhanh, thích thú với những trò chơi đố vui về toán.</i>) 3. Mỗi thông tin sau giúp em hiểu thêm điều gì về bạn Nghĩa? • Giải Nhì cuộc thi “Toán trí tuệ Quốc tế” (Gợi ý: <i>Thông minh, có năng khiếu và say mê môn toán, chăm chỉ học tập.</i>) • Ước mơ trở thành một nhà sáng lập (Gợi ý: <i>Có hoài bão đẹp.</i>) • Xem những trải nghiệm từ cuộc thi là kinh nghiệm quý báu (Gợi ý: <i>Khiêm tốn.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết tóm tắt thông tin để kể lại văn tắt bài đọc.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Nghĩa có năng khiếu về toán, luôn truyền cảm hứng học toán cho các bạn, đoạt giải Nhì cuộc thi “Toán trí tuệ Quốc tế”.</i> → Rút ra ý đoạn 3: <i>Đức tính khiêm tốn và ước mơ của cậu bé Nghĩa.</i> 4. Kể tóm tắt bài đọc bằng 4 – 5 câu. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: <i>Đồng Trọng Nghĩa là một cậu bé người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận. Nghĩa sớm bộc lộ năng khiếu toán học. Em luôn là người truyền cảm hứng cho các bạn trong giờ học toán, tích cực tham gia các hoạt động của trường, lớp. Năm học lớp Năm, em đoạt giải Nhì cuộc thi “Toán trí tuệ Quốc tế” tại Thái Lan. Em luôn tự nhủ phải khiêm tốn và cố gắng học tập tốt hơn nữa để trở thành một nhà sáng lập, tạo ra những trò chơi toán học, mang lại niềm vui và phát triển khả năng sáng tạo cho mọi người;...)</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, tươi vui, hào hứng.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, cảm xúc,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “<i>Nhờ niềm say mê</i>” đến hết: <i><u>Nhờ niềm say mê/ và không ngừng nỗ lực,/ năm học lớp Năm,/ em được chọn/ là một trong sáu thí sinh đại diện cho Việt Nam/ tham dự cuộc thi “Toán trí tuệ Quốc tế”/ tại Thái Lan.// Cậu bé thông minh,/ lanh lợi ấy/ đã xuất sắc đoạt giải Nhì.//</u></i> <i><u>Nghĩa xem những trải nghiệm từ cuộc thi/ với hơn 1 000 thí sinh đến từ 22 quốc gia/ là kinh nghiệm quý báu.// Em luôn tự nhủ phải khiêm tốn/ và cố gắng học tập tốt hơn nữa/ để trở thành một nhà sáng lập,/ tạo ra những trò chơi về toán học,/ mang lại niềm vui/ và phát triển khả năng sáng tạo/ cho mọi người.//</u></i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “<i>Nhờ niềm say mê</i>” đến hết trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS thi đọc đoạn từ “Nhờ niềm say mê” đến hết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đồng nghĩa và từ đa nghĩa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1a. – HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>Nghĩa 1 là nghĩa gốc, nghĩa 2 và 3 là nghĩa chuyển.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 1b. – HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: + <i>nước ấm, nắng ấm, trời ấm lên,...</i> + <i>áo ấm, mặc đủ ấm,...</i> + <i>ấm bụng, màu tranh ấm,...</i>) – HS chơi trò chơi <i>Truyền điện</i> để chữa bài trước lớp. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để phân biệt được nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ. – Đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các câu văn. – HS thảo luận nhóm 4 theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: a. <i>niệt tình, hăng hái,...</i> b. <i>cố gắng, gắng sức,...</i> c. <i>miệt mài, say mê,...</i> Lưu ý: Nếu cần, có thể giải nghĩa một số từ để việc lựa chọn được chính xác hơn.) – HS chơi trò chơi <i>Xây nhà</i> để chia sẻ kết quả trước lớp: Chia số HS trong lớp thành bốn đội. Mỗi thành viên trong đội lần lượt dán các thẻ từ ghi đáp án thành ngôi nhà. Nhóm nào “xây” được ngôi nhà cao nhất là nhóm chiến thắng. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ đồng nghĩa thay thế cho từ in đậm. Từ đó, phát triển kĩ năng chọn lọc từ phù hợp với ngữ cảnh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.3. Viết đoạn văn có sử dụng từ đồng nghĩa (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em sẽ nói về bạn nào? + Bạn ấy cố gắng trong học tập như thế nào? + Các từ đồng nghĩa sử dụng trong đoạn văn là từ nào? – HS làm bài cá nhân vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi, chỉ ra các từ đồng nghĩa đã sử dụng, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn nói về một bạn HS có nhiều cố gắng trong học tập mà em biết, trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	---	--

TIẾT 3

Viết: Viết bài văn tả phong cảnh (Bài viết số 2)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết bài văn tả một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý – HS đọc và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại gì? (Đáp án: <i>Miêu tả.</i>) + Đề bài yêu cầu tả gì? (Đáp án: <i>Một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,...</i>) + Bài văn tả một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... khác gì so với bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở? (Gợi ý: <i>Phần tả cảnh cần tả bao quát hơn (nhiều sự vật hơn, VD: Mặt trời, những ngọn núi, dòng sông,...), vì cảnh danh lam thắng cảnh rộng lớn hơn so với cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.</i>) – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần).	Viết được bài văn tả một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... dựa vào các gợi ý và dàn ý đã làm.	

– HS có thể xem lại dàn ý đã làm để ghi nhớ các ý chính, có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị. – HS thực hành viết bài văn vào VBT. – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.		
3.2. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi bài trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... và nói về một cuộc thi dành cho thiếu nhi mà em biết.</i> – HS nghe GV hướng dẫn sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... và chia sẻ với người thân ở nhà trước buổi học khoảng một tuần. (Gợi ý: <i>Hội thi Nghi thức Đội, Hội thi vẽ tranh về biển đảo Việt Nam, Hội thi hát dân ca trong trường học, Hội thi viết thư UPU quốc tế,...</i>) – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Chia sẻ với bạn hoặc người thân về cuộc thi.</i> – HS hoạt động nhóm nhỏ, trưng bày tranh, ảnh theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i> và chia sẻ thông tin về một cuộc thi dành cho thiếu nhi mà em đã tìm hiểu. (Gợi ý: + <i>Đó là cuộc thi nào? Được tổ chức ở đâu? Vào thời gian nào?</i> + <i>Đối tượng tham gia cuộc thi là ai?</i> + <i>Cuộc thi đó có gì thú vị? Điểm đặc biệt ấn tượng là gì?</i> + ...) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Sưu tầm được tranh ảnh, thông tin,... và nói được về một cuộc thi dành cho thiếu nhi. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp và nói với người thân. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: LỚP HỌC TRÊN ĐƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Nhờ lớp học đặc biệt của cụ Vi-ta-li, cậu bé Rê-mi đã biết đọc chữ. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi tâm lòng nhân từ, quan tâm đến giáo dục cho trẻ của cụ Vi-ta-li và tinh thần hiếu học của cậu bé Rê-mi.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện được các trường hợp viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

2.3. Viết

Biết được cách viết chương trình cho một hoạt động.

3. Vận dụng

Tim đọc được 1 – 2 đoạn trong truyện “Không gia đình”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về miền quê nước Pháp thế kỉ XIX (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Từ đó” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về truyện “Không gia đình” (nếu có).
- Truyện hoặc một đoạn trong truyện “Không gia đình” (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Lớp học trên đường

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Chúng em biết 3</i> , chia sẻ phán đoán về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ. (Gợi ý: <i>Các nhân vật trong tranh (đặc điểm, hoạt động, biểu cảm, ...); không gian xung quanh; ...</i>)	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Lớp học trên đường”.	– Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>Vi-ta-li; Ca-pi; đặc chí; sao nhãng</i>;... + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Dĩ nhiên,/ Ca-pi không đọc lên được những chữ nó thấy/ vì nó không biết nói,/ nhưng/ nó biết lấy ra những chữ mà thầy tôi đọc lên.//;</i> • <i>Ít lâu sau,/ tôi đọc được,/ trong khi con Ca-pi đang thương/ chỉ biết “viết” tên nó bằng cách rút những chữ gỗ trong bảng chữ cái.//;</i>... + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “mà đọc được”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “trong bảng chữ cái”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (25 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Rê-mi được thầy Vi-ta-li dạy học trong hoàn cảnh nào? (Gợi ý: <i>Rê-mi được thầy Vi-ta-li dạy học ở trên đường, trong suốt khoảng thời gian cậu cùng cụ và các bạn thú đi khắp nơi để diễn xiếc.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

→ Rút ra ý đoạn 1: <i>Lớp học đặc biệt của Rê-mi.</i> 2. Tìm những chi tiết cho thấy lớp học của Rê-mi khác lạ so với lớp học thông thường. (Gợi ý: <i>Những chi tiết cho thấy lớp học của Rê-mi khác lạ so với lớp học thông thường: Sách vở là những miếng gỗ mỏng nhặt trên đường được cắt thành nhiều mảnh nhỏ rồi khắc chữ cái lên đó; Rê-mi học thuộc các chữ cái khi cậu đi trên đường; chú chó Ca-pi là bạn học của Rê-mi; ...</i>) 3. Từ ngữ nào dưới đây phù hợp để nhận xét về tinh thần học tập của Rê-mi? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Chọn từ “hiếu học” vì dù đang ở trong hoàn cảnh khó khăn nhưng Rê-mi vẫn chăm chỉ học tập để có thể biết đọc, biết viết, ...</i>) → Giải nghĩa từ: <i>ngày một ngày hai</i> (nhANH chóng, có kết quả ngay); <i>tấn tới</i> (tiến bộ, đạt nhiều kết quả);... → Rút ra ý đoạn 2: <i>Nhờ thông minh và chăm chỉ, Rê-mi đã biết đọc chữ.</i> 4. Theo em, vì sao thầy Vi-ta-li nhận xét Rê-mi “là một đứa trẻ có tâm hồn”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Thầy Vi-ta-li nhận xét Rê-mi “là một đứa trẻ có tâm hồn” vì âm nhạc, những câu hát gọi ra ở cậu bé những cảm xúc riêng, gọi ra nỗi nhớ mẹ và giúp cậu tưởng tượng được nhiều điều, ...</i>) 5. Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Em thích nhân vật cụ Vi-ta-li vì cụ tốt bụng, có tấm lòng nhân hậu, đã cứu mang, dúi dắt Rê-mi nên người, ...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Rê-mi là một đứa trẻ có tâm hồn.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Biết liên hệ bản thân: Nói được về nhân vật em thích và lí do em thích nhân vật đó.	
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thong thả, chậm rãi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc của nhân vật, ...</i>)	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng,	

+ Lời của các nhân vật đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng cụ Vi-ta-li trầm ấm, câu cuối giọng run run, cảm động; giọng Rê-mi hồn nhiên,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Từ đó” đến hết: <i>Từ đó,/ tôi không dám sao nhãng một phút nào.// Ít lâu sau,/ tôi đọc được,/ trong khi con Ca-pi đang thương/ chỉ biết “viết” tên nó bằng cách rút những chữ gỗ trong bảng chữ cái.//</i> <i>Cụ Vi-ta-li hỏi tôi://</i> – <i>Bây giờ/ con có muốn học nhạc không?//</i> – <i>Đây/ là điều con thích nhất.// Nghe thầy hát,/ có lúc con muốn cười,/ có lúc lại muốn khóc.// Có lúc/ tự nhiên con nhớ đến mẹ con/ và tưởng như/ đang trông thấy mẹ con ở nhà.//</i> <i>Bằng một giọng cảm động,/ thầy bảo tôi://</i> – <i>Con/ thật là một đứa trẻ có tâm hồn.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “Từ đó” đến hết trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn từ “Từ đó” đến hết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.4. Cùng sáng tạo (10 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại những điều thú vị về mỗi nhân vật trong truyện “Lớp học trên đường”.</i> – HS nghe GV gợi ý thực hiện hoạt động: + Trong truyện có những nhân vật nào? + Mỗi nhân vật có đặc điểm gì thú vị? + Em có nhận xét gì về mỗi nhân vật trong truyện? + ... – HS hoạt động nhóm 3, làm bài vào VBT (khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Hợp tác với bạn để ghi lại những điều thú vị về mỗi nhân vật trong truyện “Lớp học trên đường”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Hình thành khái niệm về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn thơ. – HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: a. <i>Bác, Ông Cụ, Người.</i> b. <i>Các danh từ được viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT theo nhóm. – Biết cách viết hoa các danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Nhận diện các danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS làm bài cá nhân vào VBT. (Đáp án: a. <i>Xuân, Bác; b. Anh.</i>) – HS chơi trò chơi <i>Tám lựa đậu</i> để chữa bài trước lớp: Chia số HS trong lớp thành sáu nhóm. GV trộn các thẻ từ ghi các từ ngữ bất kì trong hai đoạn thơ. HS chọn thẻ từ có ghi những danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất là nhóm chiến thắng. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm các danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt trong mỗi đoạn thơ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu về tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS nói câu trong nhóm nhỏ, chỉ ra danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt trong bài viết của mình, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS làm bài cá nhân vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.	– Viết được 2 – 3 câu về tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ, trong đó có ít nhất một danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.	

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	---	--

TIẾT 4

Viết: Viết chương trình hoạt động

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu cấu tạo của bản chương trình hoạt động (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bản chương trình giao lưu “Sách và ước mơ”. – HS trao đổi trong nhóm 4, thực hiện yêu cầu (có thể ghi lại kết quả bằng sơ đồ vào <i>Phiếu học tập</i>). (Gợi ý: <i>a. Có ba mục: Mục đích, phân công chuẩn bị, chương trình cụ thể.</i> <i>b. Mỗi mục được trình bày gồm tên và các ý thể hiện nội dung; các ý được trình bày cụ thể rõ ràng; từ ngữ, câu ngắn gọn, kết hợp với các kí hiệu hoặc bảng biểu.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về nội dung và cách viết một bản chương trình hoạt động. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để xác định được cấu tạo của một bản chương trình hoạt động. – Nhận xét được cách trình bày nội dung mỗi mục trong bản chương trình hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Thực hành tìm ý, lập dàn ý cho một bản chương trình hoạt động (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và BT 3. – HS thảo luận nhóm nhỏ, thảo luận và ghi chép tóm tắt các nội dung có trong bản chương trình hoạt động. (Gợi ý: HS có thể chọn một trong các hoạt động do Ban chỉ huy Liên đội trường em dự kiến tổ chức trong năm học để thảo luận, VD: <i>Hội trại, Hội thi Nghi thức Đội, Triển lãm “Vì môi trường”, Triển lãm tranh trong “Ngày hội sách”, Triển lãm ảnh “Biển đảo Việt Nam”,...</i> Lưu ý: Khuyến khích HS ghi chép bằng sơ đồ đơn giản.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hành tìm ý, lập dàn ý cho một bản chương trình hoạt động. – Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm đọc 1 – 2 đoạn trong truyện “Không gia đình”.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách tìm đọc truyện “Không gia đình” trước buổi học một tuần. – HS trao đổi đoạn truyện trong nhóm nhỏ để cùng đọc (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc truyện đã chuẩn bị). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	Tìm đọc được 1 – 2 đoạn trong truyện “Không gia đình”.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: LUẬT TRẺ EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được về việc thực hiện nội quy của trường, lớp.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *“Luật Trẻ em” có những điều quy định về quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu, được vui chơi, giải trí. Đồng thời, Luật cũng có những điều quy định về bổn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội.*

2.2. Nói và nghe

Biết tranh luận theo chủ đề *Bổn phận của trẻ em.*

2.3. Viết

Viết được chương trình cho một hoạt động do Ban chỉ huy Liên đội trường em dự kiến tổ chức trong năm học.

3. Vận dụng

Tìm hiểu “Luật Trẻ em” và trình bày được nội dung một điều luật về quyền của trẻ em. Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; nội quy trường, lớp phóng to (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi Điều 15, Điều 16, Điều 17.
- Hình ảnh HS làm việc nhà phụ gia đình (nếu có).

2. Học sinh

- Hình ảnh về việc HS thực hiện nội quy trường, lớp (nếu có).
- Hình ảnh em làm việc nhà phụ gia đình (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Luật Trẻ em

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Phóng viên nhí</i> theo nhóm nhỏ, chia sẻ về việc thực hiện nội quy trường, lớp. (Gợi ý: <i>Những điều em thực hiện tốt; những điều em cần cố gắng...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị.) – HS đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Luật Trẻ em”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và hoạt động khởi động.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV hoặc HS khá, giỏi đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>tiềm năng; khuyết tật; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Trẻ em có quyền vui chơi,/ giải trí;/ được bình đẳng/ về cơ hội tham gia các hoạt động văn hoá,/ nghệ thuật,/ thể dục,/ thể thao,/ du lịch/ phù hợp với độ tuổi./;</i> • <i>1./ Tôn trọng,/ lễ phép với người lớn tuổi;/ quan tâm,/ giúp đỡ người già,/ người khuyết tật,/ phụ nữ mang thai,/ trẻ nhỏ,/ người gặp hoàn cảnh khó khăn/ phù hợp với khả năng,/ sức khoẻ,/ độ tuổi của mình./;</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

• 2.// <i>Tôn trọng quyền,/ danh dự,/ nhân phẩm của người khác;// chấp hành quy định về an toàn giao thông/ và trật tự,/ an toàn xã hội;// bảo vệ,/ giữ gìn,/ sử dụng tài sản,/ tài nguyên,/ bảo vệ môi trường/ phù hợp với khả năng/ và độ tuổi của trẻ em.</i>//;... + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>bổn phận</i> (phần việc phải lo liệu, phải làm theo đạo lí thông thường);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Điều 15, Điều 16, Điều 17. • Đoạn 2: Điều 39. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Những điều luật nào được giới thiệu trong bài nói về quyền trẻ em? Đó là những quyền gì? (Gợi ý: <i>Những điều luật về quyền trẻ em: Điều 15 có nội dung quy định về “Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng”; Điều 16 có nội dung quy định về “Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu”; Điều 17 có nội dung quy định về “Quyền vui chơi, giải trí”.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>bình đẳng</i> (ngang hàng nhau, có sự đối xử như nhau, không phân biệt);... 2. Nói 2 – 3 câu về việc gia đình hoặc người thân chăm sóc, nuôi dưỡng em. Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em khi được chăm sóc, nuôi dưỡng. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: <i>Bà chăm sóc em khi em bị bệnh; bố vất vả đi làm để có tiền nuôi nấng em; ...</i> → <i>Biết ơn gia đình hoặc người thân đã chăm sóc, nuôi dưỡng em.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Một số nội dung quy định về quyền của trẻ em.</i> 3. Trẻ em có những bổn phận nào đối với cộng đồng, xã hội? (Gợi ý: <i>Nêu các nội dung ở Điều 39.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>nhân phẩm</i> (phẩm chất và giá trị của con người);...	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nói được về những việc gia đình hoặc người thân chăm sóc, nuôi dưỡng em và cảm xúc khi được chăm sóc, nuôi dưỡng; kể được những việc đã làm để thực hiện bổn phận đối với cộng đồng, xã hội.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Các nội dung quy định về bốn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội.</i> 4. Kể một vài việc em đã làm để thực hiện bốn phận đối với cộng đồng, xã hội. (Gợi ý: Khuyến khích HS trả lời dựa vào thực tế em đã làm để thực hiện các điều luật trong bài khi em ở trường, ở địa phương gia đình em sinh sống, VD: <i>Lễ phép với các cô chú lao công, nhường chỗ cho người lớn tuổi trên xe buýt, ...</i>) → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ biểu thị các thông tin về điều luật, yêu cầu thực hiện các quy định của Luật, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 1: <u>Điều 15.// Quyền được <i>chăm sóc</i>,/ <i>nuôi dưỡng</i>//</u> <i>Trẻ em có quyền được <u>chăm sóc</u>,/ <u>nuôi dưỡng</u>/ để phát triển toàn diện.//</i> <u>Điều 16.// Quyền được <i>giáo dục</i>,/ <i>học tập</i>/ và <i>phát triển năng khiếu</i>//</u> <i>1.// Trẻ em có quyền được <u>giáo dục</u>,/ <u>học tập</u>/ để phát triển toàn diện/ và phát huy tốt nhất <u>tiềm năng</u> của bản thân.//</i> <i>2.// Trẻ em được <u>bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục</u>;// được <u>phát triển tài năng</u>,/ <u>năng khiếu</u>,/ <u>sáng tạo</u>,/ <u>phát minh</u>.//</i> <u>Điều 17.// Quyền <i>vui chơi</i>,/ <i>giải trí</i>//</u> <i>Trẻ em có quyền <u>vui chơi</u>,/ <u>giải trí</u>;// được <u>bình đẳng</u>/ về <u>cơ hội tham gia các hoạt động văn hoá</u>,/ <u>nghệ thuật</u>,/ <u>thể dục</u>,/ <u>thể thao</u>,/ <u>du lịch</u>/ phù hợp với độ tuổi.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 1 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 1 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Nói và nghe: Tranh luận theo chủ đề *Bổn phận của trẻ em*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Tìm hiểu cách thức tranh luận theo chủ đề <i>Bổn phận của trẻ em</i> (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn đối thoại. – HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ. (Gợi ý: a. Các bạn tranh luận về việc có nên làm việc nhà sau khi đi học về không. b. Bạn Sơn và Tuấn cho rằng không cần, bạn Tú lại nghĩ rằng nên làm việc phụ bố mẹ. c. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.) – HS chơi trò chơi <i>Kết đoàn</i> để chia sẻ kết quả trước lớp: GV hô: “Kết đoàn, kết đoàn”. HS hỏi lại: “Kết mấy? Kết mấy?”. GV nói: “Kết những bạn đồng ý với ý kiến của bạn Sơn và Tuấn vào một nhóm, những bạn đồng ý với ý kiến của bạn Tú vào một nhóm”. 2 – 3 HS chia sẻ lí do vì sao đồng ý sau khi đã kết đoàn. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Xác định đúng chủ đề tranh luận. – Bày tỏ được quan điểm cá nhân trước một vấn đề tranh luận. – Hiểu được cách thức tranh luận theo chủ đề cho trước.	
2.2. Thực hành tranh luận theo chủ đề (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đóng vai thực hiện BT trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý: + Chưa cần làm việc nhà: • Tuổi còn nhỏ. • Đi học cả ngày. • Nhà đã có người giúp việc. • Làm việc không tốt như người lớn, dễ bị hư hỏng, đổ vỡ đồ đạc. • ... + Cần làm việc nhà: • Chia sẻ trách nhiệm. • Rèn luyện sức khỏe. • Bố mẹ vui vì con biết chia sẻ. • Rèn luyện cho mình kĩ năng sống. • ... (Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị.)	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nói đơn thoại, nói thành bài. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Biết cách đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ quan điểm trong tranh luận. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– Đại diện nhóm HS tranh luận trước lớp theo kỹ thuật <i>Bể cá</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
--	--	--

TIẾT 3

Viết: Luyện tập viết chương trình hoạt động

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết chương trình cho một hoạt động dựa vào gợi ý (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý. – HS có thể nghe GV hướng dẫn thêm: + Dựa vào gợi ý, kết quả thảo luận nhóm và dàn ý đã làm ở tiết trước để viết chương trình cho một hoạt động. + Cần tách các nội dung chính thành các mục kèm số thứ tự, sử dụng kí hiệu hoặc bảng biểu để thể hiện các ý trong mỗi nội dung. + Phần chương trình cụ thể có thể trình bày dưới dạng bảng với hai cột như gợi ý để nội dung trình bày rõ ràng và dễ theo dõi. + Trình bày thông tin cụ thể, rõ ràng với các từ ngữ, câu ngắn gọn. + ... – HS có thể xem lại dàn ý đã làm để ghi nhớ các ý chính, thực hành viết chương trình hoạt động vào VBT. – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.	Viết được chương trình cho một hoạt động dựa vào gợi ý và những ý kiến đã ghi chép.	
3.2. Chia sẻ trong nhóm, hoàn chỉnh chương trình hoạt động đã viết (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi trong nhóm đôi để chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình hoạt động đã viết theo góp ý của bạn: + Nội dung + Hình thức + ... – 1 – 2 HS chia sẻ bài viết trước lớp (có thể kết hợp trình bày bằng bảng phụ hoặc máy chiếu). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Biết chỉnh sửa, hoàn chỉnh chương trình hoạt động đã viết theo góp ý của bạn. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	

	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm hiểu “Luật Trẻ em” và trình bày nội dung một điều luật về quyền của trẻ em.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách tìm hiểu những điều Luật quy định ở nhà trước buổi học khoảng một tuần. – HS trao đổi thông tin trong nhóm nhỏ. (Gợi ý: + <i>Tên điều luật</i> + <i>Nội dung</i> + <i>Liên hệ bản thân</i> + ...) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Tìm hiểu “Luật Trẻ em” và trình bày được nội dung một điều luật về quyền của trẻ em. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 7: BỨC TRANH ĐỒNG QUÊ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Giải được câu đố và nói được 1 – 2 câu về cánh đồng.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cánh cánh đồng làng quê buổi ban mai tươi đẹp.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp thanh bình, đầy sức sống của cánh đồng quê hương và bày tỏ tình yêu tha thiết, niềm tự hào về quê hương, đất nước.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bài văn viết về vẻ đẹp của thiếu nhi, việc làm có ý nghĩa của thiếu nhi hoặc ước mơ đẹp của thiếu nhi, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về từ ngữ dùng hay, hình ảnh đẹp trong bài văn đã đọc.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ đa nghĩa.

2.3. Viết

Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.

3. Vận dụng

Ghi lại được những từ ngữ, những hình ảnh em thích trong bài thơ “Bức tranh đồng quê”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Tranh, ảnh, video clip về cảnh bình minh, mây vẫy cá, hàng cau, đường làng,... (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Bài văn phù hợp với chủ điểm “Chủ nhân tương lai” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Từ điển Tiếng Việt.
- Giấy dán hình trái tim.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Bức tranh đồng quê

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để giải câu đố. (Đáp án: <i>Cánh đồng</i>.) – HS hoạt động nhóm 4, nói 1 – 2 câu về cánh đồng. – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Bức tranh đồng quê” .	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>xoè rộng; thoát; loang; lững thững; quây; quán quýt;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cách nhìn cảnh vật buổi bình minh của tác giả: <i>Ông trời/ đốt lửa phương đông/ Đun bằng mấy dải mây hồng/ vắt ngang/ Rời/ xoè rộng/ cái quạt vàng/ Phát tung/ ánh sáng bay tràn khắp nơi/ Trắng ngời/ mây/ vẫy cá phơi Đàn cò thoát hiện/ cánh bơi nhip nhàng//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút)		
– HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Bức tranh thiên nhiên trong khổ thơ đầu được vẽ bằng những hình ảnh và màu sắc nào? (Gợi ý: <i>Hình ảnh và màu sắc: Ông trời đốt lửa, đun bếp bằng mấy dải mây hồng vắt ngang, ông trời xoè rộng quạt vàng, phát tung ánh sáng bay tràn khắp nơi, mây trắng ngời như vẫy cá phơi trong ánh bình minh, đàn cánh cò (trắng) bay – như bơi, hàng cau rũ tóc, sương loang cuối vườn.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Cảnh sắc thiên nhiên, cây cối, chim chóc, ... trong buổi bình minh.</i> 2. Cảnh đồng quê được tả trong khổ thơ 2 gợi cho em	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

những suy nghĩ, cảm xúc gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Làng quê vào buổi bình minh mang vẻ đẹp bình dị, hiền lành, thân thương,...</i>) 3. Tìm hình ảnh so sánh, nhân hoá trong bài thơ. Theo em, cách so sánh, nhân hoá của tác giả có gì thú vị? (Gợi ý: • <i>Hình ảnh nhân hoá: Ông trời đốt lửa, xoè quạt, phát tung ánh sáng, đàn cò sải cánh bơi, hàng cau rũ tóc, bờ nghiêng nghiêng chạy, nắng lượn,...</i> • <i>Hình ảnh so sánh: Mây vẫy cá phơi, lúa non trái lùa mượt mà, cụm vườn toả khói mỏng như khăn voan choàng lên cây,...</i> → <i>Cảnh đồng quê sinh động, mọi vật đều có hồn, tươi đẹp dưới ánh bình minh.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Cảnh đồng quê trong buổi bình minh.</i> 4. Chọn một từ ngữ phù hợp để nhận xét về cuộc sống ở quê hương tác giả và giải thích lí do em chọn từ đó. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Chọn từ “thanh bình” vì cảnh vật nơi đây bình yên, êm đềm,...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, tha thiết.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả dáng vẻ, màu sắc, hoạt động của các sự vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Bóng trâu/ <u>lững thững</u> rờn chuồng/ Dáng người <u>quẩy gánh</u>/ trên đường <u>xa xa</u>// Lúa non/ <u>trái lùa mượt mà</u>/ Bờ <u>nghiêng nghiêng chạy</u>/ rồi <u>nhòa mất tăm</u>// Cụm vườn/ <u>toả mỏng</u> khói lam/ Như khăn voan/ <u>phảng phất</u> <u>choàng</u> bóng cây// Một đàn sẻ/ <u>quẩn quýt</u> bay/ Dọc con đường/ <u>nắng lượn dài</u> <u>lưng linh</u>// Đồng quê/ <u>vẽ</u> cảnh bình minh// Bức tranh <u>riêng</u> của chúng mình:/ <u>quê hương</u>...//</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	

– HS tự nhắm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
--	--	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Chủ nhân tương lai”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc bài văn – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường, internet,...) một bài văn phù hợp với chủ điểm “Chủ nhân tương lai” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet một bài văn phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên bài văn/ tác phẩm, tên tác giả hoặc nguồn bài văn: + Về vẻ đẹp của thiếu nhi (Gợi ý: <i>Đồng cỏ nở hoa</i> – Ma Văn Kháng, <i>Mùa thu ở đồng quê</i> – Nguyễn Trọng Tạo, <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> – Nguyễn Ngọc Thuần,...) + Về việc làm có ý nghĩa của thiếu nhi (Gợi ý: <i>Cây gạo ngoài bến sông</i> – Mai Phương, <i>Mẹ vắng nhà</i> – Nguyễn Thi, <i>Các em nhỏ và cụ già</i> – Xu-khôm-lin-xki,...) + Về ước mơ đẹp của thiếu nhi (Gợi ý: <i>Trên đồi, mở mắt và mơ</i> – Văn Thành Lê, <i>Chiến chiến bay lên</i> – Ngô Văn Phú, <i>Hải trắng trên đỉnh núi</i> – Vũ Thị Huyền Trang,...) + ... – HS chuẩn bị bài văn để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên bài văn; tên tác giả; nội dung bài văn; từ dùng hay; hình ảnh đẹp;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc (20 phút) – HS đọc bài văn hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông	

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về từ ngữ dùng hay, hình ảnh đẹp trong bài văn. Ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về cảm xúc của em khi đọc bài văn,... – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	qua việc tìm những từ dùng hay, hình ảnh đẹp. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Ghi chép về bài văn được bạn chia sẻ (05 phút) HS có thể ghi chép lại một vài thông tin quan trọng về một bài văn được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên bài văn; tên tác giả; những từ ngữ, hình ảnh đẹp;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc bài văn được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài văn. – HS thực hành tìm đọc bài văn ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kĩ năng tìm đọc bài văn được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập sử dụng từ điển

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Xếp các từ vào hai nhóm (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS chơi trò chơi <i>Thu hoạch cà rốt</i> để thực hiện yêu cầu BT: Chia số HS trong lớp thành bốn nhóm. Mỗi thành viên lần lượt nhặt thẻ từ hình cà rốt và đem về rổ thích hợp. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất là nhóm chiến thắng. (Gợi ý: + Nhóm chứa “gia” có nghĩa là “nhà”: gia đình, gia tộc, gia súc, gia dụng. + Nhóm chứa “gia” có nghĩa là “thêm vào”: gia giảm, gia cố, gia nhập, gia công. Lưu ý: Nếu cần, có thể giải nghĩa một số từ để việc sắp xếp được chính xác hơn.) – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hiểu nghĩa của từ để sắp xếp vào nhóm thích hợp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng từ điển để tìm từ đa nghĩa (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2a.		

– HS thảo luận nhóm 4, mỗi HS tìm nghĩa của một từ. (Gợi ý: + <i>Trung thu</i>: rằm tháng Tám âm lịch; ngày tết của trẻ em. + <i>Trung thành</i>: trước sau một lòng một dạ; đúng với sự thật không thêm bớt. + <i>Trung tâm</i>: nơi ở giữa của một vùng nào đó; nơi tập trung những hoạt động trong một lĩnh vực nào đó. + <i>Trung thực</i>: ngay thẳng, thật thà.) – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. – HS xác định yêu cầu của BT 2b, c. – HS hoạt động nhóm nhỏ, làm bài vào VBT. (Gợi ý: <i>b. Nhóm 1 (tiếng “trung” có nghĩa là “ở giữa”): trung thu, trung tâm.</i> <i>Nhóm 2 (tiếng “trung” có nghĩa là “thật thà, ngay thẳng”): trung thành, trung thực.</i> <i>c. Nhóm 1: trung bình, trung du, trung gian, ...</i> <i>Nhóm 2: trung kiên, trung hậu, trung dũng, ...)</i> – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 2d. – HS làm bài cá nhân vào VBT. – 2 – 3 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Biết cách sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ, tìm các từ có nét nghĩa tương đồng. – Phân loại được từ dựa vào nghĩa của từ. – Đặt được câu với từ tìm được. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu giới thiệu một câu chuyện về lòng trung thực (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em sẽ giới thiệu về câu chuyện nào? + Câu chuyện có những nhân vật nào? + Em có thể sử dụng từ nào có tiếng “trung” đã tìm được trong đoạn viết của mình? + ... – HS nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 3 – 4 câu giới thiệu một câu chuyện về lòng trung thực mà em đã nghe, đã đọc. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Trả bài văn tả phong cảnh (Bài viết số 2)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe GV nhận xét chung về bài văn tả một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,... – HS ghi chép nhanh những ưu điểm, hạn chế,... chung về các bài viết để rút kinh nghiệm.	Lắng nghe, nhận ra được ưu điểm, hạn chế chung.	
3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc bài viết của mình, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của GV để chỉnh sửa bài viết theo gợi ý: + Phát triển, mở rộng ý + Chỉnh sửa từ ngữ, diễn đạt + Sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá + ... – HS chỉnh sửa lại bài viết vào VBT (nếu cần).	Biết lắng nghe những lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết cho phù hợp.	
3.3. Trang trí và trưng bày bài viết (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trang trí bài viết theo nội dung bài hoặc nội dung chủ điểm. – HS trưng bày bài viết trước lớp theo kĩ thuật <i>Phòng tranh</i> .	– Trang trí được bài viết theo nội dung bài hoặc nội dung chủ điểm. – Trưng bày được bài viết của mình trước lớp.	
3.4. Bình chọn bài viết tốt (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS tham quan <i>Phòng tranh</i> và bình chọn bài viết theo các tiêu chí: + Mở bài hấp dẫn. + Từ ngữ, câu văn hay. + Hình ảnh so sánh, nhân hoá hay. + Kết bài ấn tượng.	– Phát triển được kĩ năng nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn. – Mạnh dạn bày tỏ ý kiến để bình chọn bài viết mình yêu thích theo các tiêu chí đã có.	

– HS dán giấy dán hình trái tim vào bài viết mình muốn bình chọn. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Bức tranh đồng quê”.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà (khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản). – HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.	Ghi lại được những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Bức tranh đồng quê” ở nhà sau khi nghe GV hướng dẫn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 8: LỄ RA MẮT HỘI NHI ĐỒNG CỨU QUỐC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Giới thiệu được 1 – 2 hoạt động hoặc phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Năm 1941, Hội Nhi đồng Cứu quốc đã ra đời với sự góp mặt của năm đội viên đầu tiên. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ngợi ca tinh thần dũng cảm, lòng yêu nước của năm đội viên đầu tiên của Hội Nhi đồng Cứu quốc.*

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Công dân*.

2.3. Viết

Biết được cách viết báo cáo một công việc.

3. Vận dụng

Giới thiệu được với người thân về một gương thiếu nhi mà em đã học trong chủ điểm “Chủ nhân tương lai”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về năm đội viên đầu tiên của Hội, buổi lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Dưới cánh rừng đại ngàn” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Hình ảnh 1 – 2 hoạt động hoặc phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (nếu có).
- Tranh, ảnh về các gương thiếu nhi tiêu biểu đã học (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giới thiệu 1 – 2 hoạt động hoặc phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh mà em biết. (Gợi ý: <i>Hội thi Nghi thức Đội; Phong trào “Kế hoạch nhỏ”; Phong trào “Nghìn việc tốt”; ...</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị.) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>cấp thiết; gang thép; đại ngàn; thiêng liêng; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài:	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng, ...	

• Để thực hiện nhiệm vụ này,/ vào ngày 15/ tháng 5/ năm 1941,/ tại thôn Nà Mạ,/ xã Trường Hà,/ huyện Hà Quảng,/ tỉnh Cao Bằng,/ Hội Nhi đồng Cứu quốc đã ra đời.//; • Dưới cánh rừng đại ngàn,/ gương mặt các đội viên/ tươi đẹp như những đoá hoa/ nhưng cũng rất kiên nghị,/ sắt đá.//; • Ánh sáng bàng bạc xuyên qua kẽ lá/ như muốn cùng chúng kiến giờ phút thiêng liêng/ và trọng đại/ trong cuộc đời của các thành viên đầu tiên của Hội.//;... + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>kháng chiến</i> (chiến đấu chống xâm lược); <i>đại ngàn</i> (rừng lớn có nhiều loại cây to, lâu đời);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “đã ra đời”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “nhấp nháy sáng”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Hội Nhi đồng Cứu quốc đã ra đời trong hoàn cảnh nào? Nhiệm vụ của Hội là gì? (Gợi ý: <i>Hội Nhi đồng Cứu quốc ra đời trong những năm kháng chiến (chống thực dân Pháp). Nhiệm vụ của Hội là chuyển công văn, giấy tờ kịp thời, an toàn để bảo vệ các cơ sở cách mạng.</i>) 2. Giới thiệu những thông tin chính về lễ ra mắt của Hội Nhi đồng Cứu quốc. (Gợi ý: <i>Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc diễn ra vào ngày 15 tháng 5 năm 1941, tại thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng trong bầu không khí giản dị và nồng ấm nhưng cũng rất đổi thiêng liêng.</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Hoàn cảnh ra đời của Hội Nhi đồng Cứu quốc.</i> 3. Nói 1 – 2 câu giới thiệu về một trong năm đội viên đầu tiên. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: <i>Lý Thị Nì có bí danh là Thuỷ Tiên. Em rất thích bí danh này vì nó mang</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

<i>ý nghĩa tốt đẹp, nhắc nhở bạn nhỏ mang cái tên với ý nghĩa là bông hoa tiên bên suối biết làm việc tốt, việc có ích;...)</i> → Giải nghĩa từ: <i>gang thép</i> (cứng cỏi, vững vàng đến mức không gì lay chuyển được);... → Rút ra ý đoạn 2: <i>Bí danh của năm đội viên đầu tiên mang ý nghĩa đặc biệt, tốt lành.</i> 4. Theo em, chi tiết “năm đội viên cùng nắm chặt tay nhau, thề sẽ hoàn thành nhiệm vụ được giao” thể hiện điều gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Thể hiện ý chí kiên cường, dũng cảm của các đội viên, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc, ...)</i> → Giải nghĩa từ: <i>thiên liêng</i> (nghĩa trong bài: được coi là cao quý, đáng coi trọng hơn hết);... → Rút ra ý đoạn 3: <i>Bầu không khí thiên liêng và lòng quyết tâm của năm đội viên đầu tiên.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, chậm rãi, trầm ấm.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, ...)</i> – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Dưới cánh rừng đại ngàn” đến hết: <i>Dưới cánh rừng <u>đại ngàn</u>,/ gương mặt các đội viên/ <u>tươi đẹp như những đoá hoa</u>/ nhưng cũng rất <u>kiên nghị</u>,/ <u>sắt đá</u>.// Trên trời cao,/ <u>ánh trăng</u>/ và <u>những ngôi sao</u>/ bắt đầu <u>nhấp nháy sáng</u>.//</i> <i>Sau khi <u>nghe lời căn dặn</u>/ của anh phụ trách,/ năm đội viên cùng <u>nắm chặt tay nhau</u>,/ <u>thề</u>/ sẽ <u>hoàn thành nhiệm vụ</u> được giao.//</i> <i>Ánh sáng bàng bạc <u>xuyên qua</u> kẽ lá/ như muốn <u>cùng chứng kiến</u> giờ phút <u>thiên liêng</u>/ và <u>trong đại</u>/ trong cuộc đời của các thành viên <u>đầu tiên</u> của Hội.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “Dưới cánh rừng đại ngàn” đến hết trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS thi đọc đoạn từ “Dưới cánh rừng đại ngàn” đến hết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Công dân*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm hiểu nghĩa của từ “công dân” (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả trong nhóm. (Đáp án: <i>Những người dân của một nước, có quyền lợi và có trách nhiệm đối với nhà nước.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được nghĩa của từ “công dân”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm từ có tiếng “dân” (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chơi trò chơi <i>Xây nhà</i> để thực hiện yêu cầu BT. (Gợi ý: + dân tộc, dân số, dân quân, dân phòng, dân công,... + cư dân, quốc dân, bình dân, thổ dân, di dân,...) Lưu ý: HS giải nghĩa một số từ sau khi tìm (nếu cần.). – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ có tiếng “dân” theo yêu cầu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm từ ngữ nói về những việc làm thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân nhỏ tuổi (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm nhỏ, tìm từ theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: <i>Tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, trồng và bảo vệ cây xanh, học tập tốt, quan tâm đến người lớn tuổi, ...</i>) – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm những từ ngữ nói về những việc làm thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân nhỏ tuổi. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.4. Viết đoạn văn nói về một việc làm thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân nhỏ tuổi (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Đó là việc làm gì? + Ai thực hiện công việc đó? + Thái độ của người đó khi thực hiện công việc như thế nào? + Cảm xúc của em về việc làm đó? + ... – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn nói về một việc làm thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân nhỏ tuổi. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

TIẾT 3

Viết: Viết báo cáo công việc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu cấu tạo của bản báo cáo công việc (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc báo cáo. – HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: Báo cáo gồm ba phần: (1) Phần mở đầu: Tên tổ chức; thời gian và nơi thực hiện báo cáo; tên báo cáo; người nhận báo cáo; tổ chức báo cáo. (2) Phần nội dung: Thường gồm các thông tin chi tiết, cụ thể về các hoạt động đã thực hiện, kết quả của các hoạt động đó, các ý kiến đề nghị,... (3) Phần cuối: Chữ kí và họ tên của người đại diện tổ chức viết báo cáo.) – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về nội dung và cách viết bản báo cáo về một công việc. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để xác định được cấu tạo của một bản báo cáo công việc. – Nhận xét được nội dung mỗi mục trong bản báo cáo công việc. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

3.2. Thực hành tìm ý, lập dàn ý cho bản báo cáo về một công việc (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và BT 3. – HS thảo luận nhóm nhỏ, thảo luận và ghi chép tóm tắt các nội dung có trong báo cáo về một công việc đã thực hiện. (Gợi ý: + <i>Tên hoạt động.</i> + <i>Quá trình thực hiện và kết quả.</i> + <i>Đề nghị.</i> + ...) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hành tìm ý, lập dàn ý cho một bản báo cáo về một công việc. – Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Giới thiệu với người thân về một gương thiếu nhi mà em đã học trong chủ điểm “Chủ nhân tương lai”.</i> – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, giới thiệu và bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về một gương thiếu nhi mà em đã học trong chủ điểm “Chủ nhân tương lai”. (Gợi ý: <i>Nguyễn Hiền, Rê-mi; Đồng Trọng Nghĩa; ...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) – HS chia sẻ kết quả trước lớp theo kỹ thuật <i>Học theo góc</i>. – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.	– Giới thiệu được với người thân về một gương thiếu nhi mà em đã học trong chủ điểm “Chủ nhân tương lai” dựa vào hướng dẫn của GV. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Tuần *Ôn tập giữa học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn luyện kiến thức tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã hình thành qua các chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” và “Chủ nhân tương lai” kết hợp với kiểm tra, đánh giá giữa học kì I.

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Tranh ảnh SGK phóng to, video clip ngắn về cảnh bầu trời có mặt trời chói chang, mây nhuộm màu nắng,... (nếu có).

2. Học sinh

Giấy màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (03 phút)		
– HS xem video clip ngắn về cảnh bầu trời → chia sẻ cảm xúc của em. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Cảm nhận và chia sẻ cảm xúc, liên tưởng gọi ra khi xem video clip.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS bắt thăm, đọc và trả lời câu hỏi trên phiếu đọc trong nhóm 4. – HS nghe bạn nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ: + Đọc đoạn từ đầu đến “đôi tay mềm” và trả lời câu hỏi:	– Ôn luyện kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp với đọc hiểu. – Đọc to, rõ ràng, đúng nhịp thơ; giọng trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở các từ ngữ gọi tả.	

• Cách mặt trời nấu cơm có gì thú vị? (Đáp án: <i>Cách mặt trời nấu cơm rất thú vị: Mặt trời là nồi cơm, rom đun bếp, lửa là những sợi mây vàng, khói là nắng.</i>) • Tìm những hình ảnh nói lên nỗi vất vả của mẹ. (Đáp án: <i>Những hình ảnh nói lên nỗi vất vả của mẹ: Lượm cả bóng mây, mang theo cái nắng đỏ gay về nhà.</i>) + Đọc đoạn từ “Khói trời” đến hết và trả lời câu hỏi: • Bạn nhỏ trong bài thơ đã làm những việc gì cho mẹ? Những việc làm ấy nói lên điều gì? (Gợi ý: <i>Bạn nhỏ trong bài thơ đã ủ sẵn ấm trà cho mẹ, lấy ghế cho mẹ ngồi, quạt cho mẹ. Những việc làm ấy nói lên tấm lòng hiếu thảo, tình yêu, sự quan tâm của bạn nhỏ với mẹ.</i>) • Khổ thơ cuối bài nói về điều gì? (Gợi ý: <i>Khổ thơ cuối nói lên sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên và khung cảnh sinh hoạt gia đình đầm ấm vào “mùa cơm mới”.</i>) → Xác định giọng đọc toàn bài, nhịp thơ, từ ngữ cần nhấn giọng. – HS có thể đổi phiếu đọc cho bạn để tiếp tục ôn luyện (nếu còn thời gian). – 2 – 3 nhóm HS đọc và trả lời câu hỏi trước lớp. → Rút ra nội dung bài đọc: <i>Nỗi vất vả của mẹ với công việc đồng áng và cảnh sinh hoạt gia đình đầm ấm vào “mùa cơm mới”.</i> – HS nghe GV và bạn nhận xét phân đọc và trả lời câu hỏi.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Hiểu nội dung bài đọc trên cơ sở trả lời câu hỏi đọc hiểu.	
2. Trao đổi về hình ảnh em thích (12 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS gấp máy bay giấy, ghi một hình ảnh so sánh và nhân hoá mà em thích vào thân máy bay, phi máy bay để chia sẻ chung cả lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Trao đổi được với bạn về những hình ảnh so sánh, nhân hoá trong bài. – Tích cực tham gia trò chơi phi máy bay để tìm hiểu ý kiến của bạn.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS thi đọc thuộc lòng một khổ thơ em thích trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về từ đồng nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Tranh ảnh SGK phóng to; tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh đồi núi hoặc cánh đồng (nếu có).
- Thẻ màu cho HS thực hiện BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Từ điển Tiếng Việt.
- Tranh ảnh hoặc video clip về cảnh đồi núi hoặc cánh đồng (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (03 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Đuổi hình bắt chữ</i> để tìm động từ dựa vào hình gợi ý. (Đáp án: <i>xách, khiêng, vác</i>.) – HS tìm hiểu nghĩa của từ: + Xách: Cầm nhắc lên hay mang đi bằng một tay để buông thẳng xuống. + Khiêng: Nâng và chuyển vật nặng bằng sức của hai hay nhiều người. + Vác: Mang, chuyển bằng cách đặt vật nặng lên vai. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	– Tìm được động từ phù hợp với hình gợi ý. – Phân biệt được nghĩa của các từ “xách”, “khiêng”, “vác”.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện đặt câu để phân biệt nghĩa của các từ đồng nghĩa (08 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS viết câu vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Sử dụng từ để đặt câu đúng, đủ ý, đúng ngữ pháp. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
2. Ôn luyện tìm từ đồng nghĩa (07 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm nhỏ, mỗi HS tìm từ, ghi vào thẻ có màu tương ứng theo kĩ thuật <i>Mảnh ghép và Khăn trải bàn</i>: + 1/3 số nhóm trong lớp tìm từ đồng nghĩa cùng chỉ màu vàng. (Gợi ý: <i>vàng xuộm, vàng hoe, vàng tươi, vàng ói,...</i>) + 1/3 số nhóm trong lớp tìm từ đồng nghĩa cùng chỉ màu xanh. (Gợi ý: <i>xanh ngắt, xanh xanh, xanh biếc, xanh lơ,...</i>) + 1/3 số nhóm trong lớp tìm từ đồng nghĩa cùng chỉ màu đỏ. (Gợi ý: <i>đỏ chói, đỏ rực, đỏ lừ, đỏ chót,...</i>) – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ đồng nghĩa theo yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
3. Ôn luyện viết đoạn văn có sử dụng từ đồng nghĩa (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em sẽ tả cảnh ở đâu? + Cảnh vật ở đó có gì đẹp? + Em có thể sử dụng từ đồng nghĩa chỉ màu sắc để tả những sự vật nào? – HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh đã chuẩn bị). – HS đổi vở trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn tả cảnh đồi núi hoặc cảnh đồng, trong đó có 2 – 3 từ đồng nghĩa chỉ màu sắc. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

C. VẬN DỤNG (02 phút)		
– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, nói câu có sử dụng từ đồng nghĩa chỉ màu sắc, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS chơi trò chơi <i>Truyền điện</i> để thi nói câu có sử dụng từ đồng nghĩa chỉ màu sắc trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Nói được câu theo yêu cầu. – Củng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa.
2. Ôn luyện về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Thẻ câu cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Từ điển Tiếng Việt.
- Từ điển thành ngữ, tục ngữ (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Nhà ngôn ngữ nhí</i>: HS hoạt động nhóm nhỏ, sử dụng từ điển để tìm nghĩa của từ “ăn” rồi viết vào thẻ. HS dán các thẻ lên bảng. (Gợi ý: + <i>Ăn¹: tự cho vào cơ thể thức nuôi sống (ăn cơm).</i> + <i>Ăn²: ăn uống nhân dịp gì (ăn liên hoan).</i> + <i>Ăn³: phải nhận lấy, chịu lấy (ăn đòn).</i> + <i>Ăn⁴: hợp với nhau, tạo nên một cái gì hài hoà (ăn ảnh).)</i>	– Tìm được nghĩa gốc và 2 – 3 nghĩa chuyển của từ “ăn”. – Hợp tác với bạn để tham gia trò chơi.	

– HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.		
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện về từ đa nghĩa (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS dựa vào nghĩa của từ “ăn” đã tìm được, nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc và các nghĩa chuyển của từ “ăn”. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
2. Ôn luyện về từ đa nghĩa (07 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2a. – HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>Từ “tươi” trong đoạn thơ a được dùng với nghĩa chuyển, trong đoạn thơ b được dùng với nghĩa gốc.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 2b. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Xác định được nghĩa của từ “tươi” trong mỗi đoạn thơ. – Đặt được câu có từ “tươi” mang nghĩa chuyển. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
3. Ôn luyện tìm từ đồng nghĩa (08 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu a. (Đáp án: <i>hiền – lành; nhìn – trông; xanh – biếc.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS tra từ điển để tìm hiểu nghĩa các thành ngữ, tục ngữ, nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ đồng nghĩa và đặt được câu theo yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
4. Ôn luyện về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt (07 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện BT. (Gợi ý: <i>a. Cha già, Bác, Người.</i>)	– Xác định được các từ được viết hoa thể hiện	

<i>b. Việc sử dụng và viết hoa các danh từ đó nói lên tình cảm kính trọng, yêu thương, quý mến, xem Bác như người thân trong gia đình của tác giả và nhân dân Việt Nam đối với Bác.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	sự tôn trọng đặc biệt và tác dụng của chúng. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, viết 1 – 2 câu về tình cảm của nhân dân Việt Nam với Bác Hồ. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Viết được câu theo yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn tả phong cảnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Câu đố về mưa.
- Tranh, ảnh, video clip về những cơn mưa (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về những cơn mưa (nếu có).
- Giấy dán hình trái tim.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS giải câu đố: Khi nắng thì tôi bay lên Gió đưa tôi đến mọi miền xa xôi	Giải được câu đố để kết nối với nội dung bài.	

Khi lạnh hạt đã nặng rồi Tôi sà xuống đất về nơi cội nguồn. Là gì? (Đáp án: <i>Mưa</i>.) – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.		
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết bài văn tả phong cảnh (25 phút)		
– HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em tả cơn mưa theo trình tự nào? + Nhớ lại về cơn mưa: • Em nhìn thấy gì? • Em nghe thấy gì? • Em ngửi thấy gì? • ... + Em chọn từ ngữ, hình ảnh nào để tả những điều mình cảm nhận được? + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì về cơn mưa? + ... – HS viết bài văn vào VBT (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – HS chia sẻ bài viết trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét theo các tiêu chí: + Cấu tạo bài viết rõ ràng. + Trình tự miêu tả hợp lí. + Dùng từ, viết câu sáng tạo. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ bài viết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết được bài văn tả một cơn mưa. – Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chỉ của GV.	
2. Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa vào nhận xét.	Củng cố kĩ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS dán giấy dán hình trái tim vào bài viết mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết chương trình hoạt động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Tranh, ảnh hoặc video clip về các hoạt động đã tổ chức nhân ngày Nhà giáo Việt Nam ở những năm học trước (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về các hoạt động do lớp em đã tổ chức nhân ngày Nhà giáo Việt Nam ở những năm học trước (nếu có).
- Giấy dán hình ngôi sao.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Khung trời kỉ niệm</i>: Xem tranh, ảnh hoặc video clip về các hoạt động do lớp em đã tổ chức nhân ngày Nhà giáo Việt Nam ở những năm học trước và gọi tên các hoạt động. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Nhớ lại một số hoạt động đã thực hiện để kết nối với bài học.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết chương trình hoạt động (25 phút)		
– HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Lớp em dự kiến tổ chức hoạt động gì nhân ngày Nhà giáo Việt Nam?	– Viết được chương trình hoạt động do lớp em dự kiến tổ chức nhân ngày Nhà giáo Việt Nam.	

+ Bản chương trình của hoạt động đó gồm những nội dung gì? + ... – HS viết chương trình vào VBT (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – HS chia sẻ bài viết trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét theo các tiêu chí: + Cấu tạo bài viết rõ ràng. + Nội dung sắp xếp khoa học. + Dùng từ, viết câu hợp lí. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ chương trình trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chỉ của GV.	
2. Chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa vào nhận xét.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày chương trình đã viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS dán giấy dán hình ngôi sao vào bản chương trình mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

CHỦ ĐIỂM 3: CHUNG SỐNG YÊU THƯƠNG

Chủ điểm “Chung sống yêu thương” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận được những niềm vui, niềm hạnh phúc dù là nhỏ bé, biết trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; biết yêu thiên nhiên, vạn vật, con người; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân về cuộc sống, về tương lai...*

BÀI 1: TẾT NHỚ THƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được 2 – 3 điều ấn tượng về cảnh vật nơi em ở vào dịp Tết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những hoạt động gần gũi, quen thuộc của nhân vật tôi bên gia đình vào mỗi dịp Tết. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Khoảng thời gian bên gia đình, người thân chính là những niềm hạnh phúc ngọt ngào, có ý nghĩa, tạo nên sự gắn bó giữa những thành viên trong gia đình; là kỉ ức đẹp đẽ của mỗi người.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện và biết cách sử dụng đại từ.

2.3. Viết

Viết được báo cáo một công việc mà nhóm, tổ hoặc lớp em đã thực hiện.

3. Vận dụng

Tìm và đặt được tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về ngày Tết; mở được triển lãm “Sắc xuân”.
Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về gia đình hạnh phúc, mọi người sống chan hoà, thiên nhiên tươi đẹp (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh sinh hoạt gia đình vào dịp Tết ở miền Bắc (VD: *Rửa lá dong, gói bánh chưng, luộc bánh chưng...* – nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Khi nôi bánh chưng” đến “và xanh dịu”.
- Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về gia đình hạnh phúc, cảnh sinh hoạt vui vẻ ở trường cùng bạn bè, thầy cô (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về cảnh vật nơi em ở, hoạt động của gia đình em vào dịp Tết (nếu có).
- Tranh, ảnh về ngày Tết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Tết nhớ thương

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – Chuẩn bị: HS cùng GV trang trí lớp học bằng tranh, ảnh về gia đình hạnh phúc, mọi người sống chan hoà, thiên nhiên tươi đẹp. – HS bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc khi xem tranh, ảnh. – HS bày tỏ suy nghĩ về tên chủ điểm “Chung sống yêu thương”. (Gợi ý: <i>Những niềm vui, cảm xúc êm đềm, ngọt ngào bên người thân, bạn bè, thầy cô,...</i>) → Giới thiệu chủ điểm: “Chung sống yêu thương”. * Giới thiệu bài – HS hoạt động nhóm đôi, nói 2 – 3 điều em ấn tượng về cảnh vật nơi em ở vào dịp Tết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Tết nhớ thương”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>lùng bùng; héch; lép bép; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Khi nôi bánh chưng sôi lùng bùng trên bếp/ và canh đào chuẩn bị được châm gốc vào đồng lửa,/ lúc ấy/ lũ trẻ mới cảm thấy/ rộn ràng thực sự.//;</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài.	

• <i>Bước ra sân,/ tôi ngẩng đầu/ nhìn bầu trời cao vời vời,/ hít một hơi thật sâu/ để luồng gió đầu năm/ tràn vào lồng ngực.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>mũi héch</i> (đầu mũi ngẩng, vểch lên trên, không che được hết lỗ mũi),... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “thơm lòng”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “và xanh dịu”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Những dấu hiệu nào được tả trong đoạn đầu cho thấy Tết đã đến? (Gợi ý: <i>Dấu hiệu cho thấy Tết đã đến: Gió thoảng mùi lá rừng, mùi đất, những vườn đào đã bung nở hoa.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Những dấu hiệu báo Tết đã đến.</i> 2. Kể về mỗi việc làm của gia đình bạn nhỏ vào dịp Tết bằng 1 – 2 câu. Những việc làm đó giúp em hiểu điều gì về gia đình bạn nhỏ? (Gợi ý: Khuyến khích HS kể về mỗi việc làm của gia đình bạn nhỏ vào dịp Tết bằng lời của mình, VD: <i>Gần Tết, bạn nhỏ cùng mẹ đem lá dong ra suối rửa. Nước mát lạnh, mùi thơm của lá dong lùa vào mũi hai mẹ con</i> → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Gia đình bạn nhỏ rất đầm ấm, hạnh phúc, mọi người quan tâm đến nhau, bố mẹ và con cái cùng chuẩn bị để quây quần bên nhau đón Tết,...</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.) → Giải nghĩa từ: <i>vọc</i> (nghĩa trong bài: thọc bàn tay vào thúng gạo, nhấc tay lên cho gạo chảy xuống qua các kẽ ngón tay);... 3. Vào dịp Tết, bạn nhỏ cảm nhận được những hương vị gì? Mỗi hương vị ấy được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Vào dịp Tết, bạn nhỏ cảm nhận được nhiều hương vị: Mùi lá rừng, mùi đất – thoảng trong gió; nước –</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

<i>mát lạnh; mùi thơm của lá dong – lùa vào mũi; mùi nếp – thơm lừng; mùi chả sam – thoang thoảng theo gió ủa tới.)</i> → Rút ra ý đoạn 2: <i>Hoạt động quen thuộc của gia đình bạn nhỏ trong những ngày Tết.</i> 4. Theo em, vì sao những ngày Tết của tuổi thơ có ý nghĩa đối với bạn nhỏ? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Vì đó là những ngày tháng hạnh phúc, những ngày tháng bạn nhỏ được quây quần bên gia đình đầm ấm, thân thương của mình,...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Những việc làm ý nghĩa vào ngày đầu năm mới.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, trầm ấm.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật,...</i>) + Lời của chị Na và thằng Cún đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng chị Na khe khẽ, thể hiện niềm vui, háo hức; giọng thằng Cún ngây thơ, hồn nhiên,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Khi nôi bánh chưng sôi lừng bùng trên bếp/ và canh đào chuẩn bị được châm góc vào đồng lửa,/ lúc ấy/ lũ trẻ mới cảm thấy rộn ràng thực sự.// Chị Na nhấc ba đôi dép mới,/ khẽ nói://</i> – <i>Đây là đôi của anh cả,/ còn đây là của chị em mình.// Mẹ bảo/ mừng một mới được đi.// Nhưng giờ mình đi thử một tí/ rồi lại cất lên.//</i> <i>Sau khi đi thử,/ chúng tôi cầm dép lên/ và lấy tay phùi cho thật sạch.// Những điều mới mẻ,/ đẹp đẽ nhất/ phải để dành cho ngày đầu năm.//</i> <i>Ngày Tết ở làng tôi/ bao giờ cũng có món chả sam rất ngon.// Mùa lạnh,/ mùi chả thơm thoang thoảng/ theo gió ủa tới.// Thằng Cún/ vẫn thường vẽnh cái mũi héch để thuong lên/ hít hà://</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– <u>Ngon quá chị ơi!!!</u> <u>Từ tết Trung thu,</u>/ <u>lũ trẻ chúng tôi đã để dành hạt bưởi/</u> <u>xâu vào dây lat,/ phơi khô/ để đêm giao thừa đem ra đốt.//</u> <u>Tiếng nổ lép bép/ nghe thật vui tại.//</u> <u>Màu lửa bén nhanh/ và</u> <u>xanh dịu.//</u> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Giới thiệu với bạn về một hoạt động của gia đình em vào dịp Tết.</i> – HS hoạt động nhóm 3, thực hiện yêu cầu dựa vào gợi ý: + Hoạt động + Người tham gia + Ý nghĩa + ... – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Giới thiệu được với bạn về một hoạt động của gia đình vào dịp Tết. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Đại từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Hình thành khái niệm đại từ (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1, BT 2 và BT 3. – HS thảo luận theo nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Học theo trạm</i>, thực hiện yêu cầu BT: + Trạm 1: Một HS thực hiện BT 1. (Đáp án: <i>Để xưng hô.</i>) + Trạm 2: Một HS thực hiện BT 2. (Đáp án: <i>a. đâu; b. mấy; c. ai; d. nào.</i>) + Trạm 3: Hai HS thực hiện BT 3. (Đáp án: <i>a. thế – rất thông minh.</i> <i>b. vậy – rất thích hoa nhài.</i> <i>c. đó – cây xoài ở góc vườn.</i>)	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT theo nhóm. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Rút ra được khái niệm đại từ.	

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đại từ. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.		
2.2. Tìm và nêu tác dụng của đại từ (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS hoạt động nhóm đôi, làm bài vào VBT. (Đáp án: a. Đó → dùng để thay thế cho “xếp thứ nhất trên bảng tổng sắp huy chương”. b. tôi → dùng để xưng hô (chỉ người nói); đâu → dùng để hỏi.) – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được đại từ và nêu tác dụng của đại từ vừa tìm được. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt câu có sử dụng đại từ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 5. – HS nói câu nhóm 3, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài cá nhân vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trước lớp theo kĩ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đặt được 1 – 2 câu có đại từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Luyện tập viết báo cáo công việc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết báo cáo công việc dựa vào gợi ý (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý. – HS có thể nghe GV hướng dẫn thêm: + Dựa vào gợi ý, kết quả thảo luận nhóm và dàn ý đã làm ở tiết trước để viết báo cáo công việc. + Viết đầy đủ các phần của báo cáo, trình bày các nội dung chính kèm số thứ tự, kí hiệu hoặc bảng biểu. + Phần các hoạt động đã thực hiện có thể trình bày dưới dạng bảng với các cột như gợi ý ở trang 87 (<i>Tiếng Việt 5, tập một</i>) để nội dung trình bày rõ ràng và dễ theo dõi hơn.	Viết được báo cáo một công việc mà nhóm, tổ hoặc lớp em đã thực hiện dựa vào gợi ý và những ý kiến đã ghi chép.	

+ Trình bày thông tin cụ thể, rõ ràng với từ ngữ, câu ngắn gọn, đủ ý. + ... – HS có thể xem lại dàn ý đã làm để ghi nhớ các ý chính, thực hành viết báo cáo vào VBT. – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.		
3.2. Chia sẻ trong nhóm, hoàn chỉnh báo cáo công việc đã viết (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ bài viết trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>, nhận xét bài viết của bạn theo các tiêu chí: + Tên báo cáo + Nội dung + Hình thức trình bày + ... – 1 – 2 HS chia sẻ bài viết trước lớp (có thể kết hợp trình bày bảng phụ hoặc máy chiếu). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Biết chỉnh sửa, hoàn chỉnh báo cáo đã viết theo góp ý của bạn. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.3. Bình chọn bản báo cáo tốt (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS tiến hành bình chọn trong nhóm nhỏ theo các tiêu chí: + Cấu trúc báo cáo rõ ràng, trình bày khoa học. + Nội dung cụ thể, diễn đạt gãy gọn. + ... – HS chia sẻ kết quả và lí do bình chọn trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Bình chọn được bản báo cáo tốt theo các tiêu chí đã đề ra. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Tìm và đặt tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về ngày Tết.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách tìm tranh, ảnh ở nhà trước buổi học khoảng một tuần. – HS làm việc nhóm đôi, đặt tên cho 1 – 2 tranh, ảnh đã chuẩn bị. – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Cùng các bạn mở triển lãm “Sắc xuân”.</i> – HS triển lãm tranh, ảnh tại <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>, giới thiệu về tranh, ảnh đã chuẩn bị. – 1 – 2 HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc khi xem tranh, ảnh.	– Tìm và đặt được tên cho 1 – 2 tranh, ảnh. – Trưng bày và giới thiệu tranh, ảnh với chủ đề “Sắc xuân”.	

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.		
---	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: MẶN MÒI VỊ MUỐI BẠC LIÊU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Giải được câu đố và nói được 1 – 2 câu về hạt muối.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Hoạt động làm muối của diêm dân và vẻ đẹp của những cánh đồng muối ở Bạc Liêu khi vào vụ thu hoạch.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Nỗ lực vất vả của người nông dân “một nắng hai sương” để làm ra hạt muối. Hạt muối đậm đà tình nghĩa của diêm dân gửi gắm vào trong đó.*

2.2. Nói và nghe

Giới thiệu được về một làng nghề.

2.3. Viết

Nhận diện được bài văn kể chuyện sáng tạo (thêm vào một số chi tiết sáng tạo).

3. Vận dụng

Đóng vai, nói và đáp được lời cảm ơn một người lao động ở trường.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về hoạt động làm muối, cánh đồng muối; một vài mẫu muối biển ở dạng hạt và tinh thể (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Vào dịp tháng Ba” đến “nở hoa trong đêm”.

2. Học sinh

- Bảng con.
- Trang thông tin, tranh, ảnh, video clip, sản phẩm của một làng nghề đã tìm hiểu (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Mặn mòi vị muối Bạc Liêu

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS giải câu đố, ghi đáp án vào bảng con. (Đáp án: <i>Hạt muối.</i>) – HS hoạt động nhóm nhỏ, nói 1 – 2 câu về hạt muối. (Gợi ý: <i>Màu sắc, hình dáng, mùi vị, cách làm, công dụng,...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng vật thật đã chuẩn bị.) – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Mặn mòi vị muối Bạc Liêu”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>mặn mòi; lập loè; sột soạt;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Bạc Liêu đẹp nhất từ tháng Mười hai/ đến tháng Tư năm sau,/ khi từng cánh đồng trở nên sinh động và rộn vui/ cùng diêm dân tát bặt vào vụ thu hoạch muối.//;</i> • <i>Mặt ruộng lúc này/ tựa như những tấm gương khổng lồ/ phản chiếu ánh sáng và bóng của diêm dân,/ tạo nên khung cảnh thơ mộng/ mà sinh động/ như bức tranh sơn dầu nghệ thuật.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>mặn mòi</i> (nghĩa trong bài: vị đậm đà của hạt muối ở Bạc Liêu thấm	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

đắm tình cảm và công sức của những diêm dân đã ngày đêm không quản khó khăn, vất vả để làm ra);... + Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “vào vụ thu hoạch muối”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “nở hoa trong đêm”. • Đoạn 3: Tiếp theo đến “bức tranh sơn dầu nghệ thuật”. • Đoạn 4: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Vì sao nói Bạc Liêu đẹp nhất từ tháng Mười hai đến tháng Tư năm sau? (Gợi ý: <i>Nói Bạc Liêu đẹp nhất từ tháng Mười hai đến tháng Tư năm sau vì đây là thời điểm vào vụ thu hoạch muối.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu thời điểm thu hoạch muối.</i> 2. Cảnh diêm dân thu hoạch muối được tả bằng những hình ảnh, âm thanh nào? (Gợi ý: <i>Cảnh diêm dân thu hoạch muối được tả:</i> • <i>Hình ảnh: Những bóng đèn lập loè trong màn sương, những ô ruộng muối trải dài nối tiếp nhau, những cánh muối nở hoa trong đêm.</i> • <i>Âm thanh: Tiếng bước chân, tiếng gọi nhau í ới xen lẫn tiếng cười đùa, tiếng cào gỗ cà xuống mặt ruộng sột soạt.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị.) → Giải nghĩa từ: <i>rộ</i> (nghĩa trong bài: thu hoạch được nhiều muối nhất); <i>cà</i> (nghĩa trong bài: làm cho răng của những chiếc cào tiếp xúc với bề mặt ruộng để tạo ra hạt muối); <i>những cánh muối nở hoa trong đêm</i> (quá trình làm cho nước muối đóng tảng vỡ ra thành hạt, hạt muối có những hình thù khác nhau, sáng trắng trong bóng đêm giống như nở hoa);... → Rút ra ý đoạn 2: <i>Cảnh diêm dân làm muối lúc rạng sáng.</i> 3. Mặt trời lên, những đồng muối và mặt ruộng được so sánh với những gì? Cách so sánh đó có gì thú vị? (Gợi ý: <i>Mặt trời lên, những đồng muối và mặt ruộng được so sánh:</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu những điều em hiểu về nghề làm muối.	

• Những <u>đồng muối</u> được so sánh với những viên kim cương → Vì dưới ánh nắng, hạt muối trắng sáng lấp lánh như kim cương. • Mặt ruộng được so sánh với tấm gương khổng lồ → Vì mặt ruộng phẳng và rất rộng, sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời như tấm gương.) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Vẻ đẹp của cánh đồng muối khi mặt trời lên.</i> 4. Bài đọc giúp em hiểu điều gì về nghề làm muối? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Nghề làm muối rất vất vả, thu nhập thấp nên những người gắn bó với nghề phải là những người rất yêu nghề. Vì vậy, có thể nói hạt muối đậm đà như tấm lòng của người dân;...) → Rút ra ý đoạn 4: <i>Hạt muối được làm ở Bạc Liêu có hương vị riêng.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng tươi vui, đoạn nói về hoạt động của diêm dân đọc khẩn trương.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của cánh đồng muối, hoạt động của diêm dân,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Vào dịp <u>tháng Ba</u>,/ <u>tháng Tư</u> là lúc thu hoạch <u>rộ nhất</u>,/ diêm dân bắt đầu làm việc từ <u>ba giờ sáng</u>/ để tránh cái nắng <u>chói chang</u> đầu mùa khô.// Những bóng đèn/ <u>lập loè</u> trong màn sương,/ trong không gian <u>bao la</u>/ trái dài nối tiếp nhau của những <u>ô ruộng muối</u>.// Tiếng <u>bước chân</u>,/ tiếng <u>gọi nhau í ới</u>/ xen lẫn tiếng <u>cười đùa của diêm dân</u> làm muối đêm.// Tiếng những chiếc cào gỗ <u>cà xuống</u> mặt ruộng <u>sột soạt</u>,/ những người đàn ông <u>khoẻ mạnh nhất</u>/ đang dồn muối thành <u>đống</u>,/ những cánh muối/ <u>nở hoa trong đêm</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Giới thiệu về một làng nghề

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Chia sẻ những điều tìm hiểu được về một làng nghề (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ những điều đã tìm hiểu được về một làng nghề (có thể kết hợp sử dụng trang thông tin, tranh, ảnh, video clip hoặc sản phẩm đã chuẩn bị) dựa vào gợi ý: + Tên làng nghề + Địa chỉ + Sản phẩm + Cách làm ra sản phẩm + ... – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá để lựa chọn một số thông tin quan trọng.	– Tìm hiểu và chia sẻ được thông tin về một làng nghề. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá; kỹ năng ghi chép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về làng nghề đã tìm hiểu (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và BT 3. – HS đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về làng nghề đã tìm hiểu trong nhóm nhỏ. (Lưu ý: HS có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip, ... đã chuẩn bị.) – HS chơi trò chơi <i>Việt Nam kì thú</i> để đóng vai trước lớp: Đại diện mỗi nhóm đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu với du khách về làng nghề đã tìm hiểu. – HS ghi chép những thông tin chính về một làng nghề được giới thiệu (khuyến khích HS ghi chép bằng sơ đồ đơn giản). – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	

	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Bình chọn Hướng dẫn viên xuất sắc (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS nhận xét phần giới thiệu của bạn theo các tiêu chí: + Nội dung phong phú. + Hình thức hấp dẫn. + Giọng nói truyền cảm. + ... – HS bình chọn <i>Hướng dẫn viên xuất sắc</i> . – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Nhận xét, bình chọn được phần giới thiệu của bạn theo tiêu chí đã có.	

TIẾT 3

Viết: Bài văn kể chuyện sáng tạo

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Xác định các phần chính của câu chuyện “Ba lưỡi rìu” (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc câu chuyện. – HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT. (Gợi ý: + <i>Mở đầu:</i> Giới thiệu anh tiều phu. + <i>Diễn biến:</i> • Rìu của anh tiều phu bị gãy, lưỡi rìu văng xuống sông. • Tiên ông biến thành cụ già, hứa giúp anh tiều phu. • Cụ già vớt được lưỡi rìu bằng bạc, anh tiều phu không nhận. • Cụ già vớt được lưỡi rìu bằng vàng, anh tiều phu cũng không nhận. • Cụ già vớt được lưỡi rìu bằng sắt, anh tiều phu vui mừng nhận lại. + <i>Kết thúc:</i> Cụ già tặng anh lưỡi rìu vàng và bạc để làm phần thưởng cho sự trung thực của anh.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Xác định được các phần chính của câu chuyện. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

3.2. Nhận diện bài văn kể chuyện sáng tạo (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ. (Gợi ý: a. <i>Bạn Hạnh Nguyên chọn kể lại sự việc anh tiểu phu vui mừng nhận lại lưỡi rìu bằng sắt, sau đó, cụ già đã tặng cho anh cả ba lưỡi rìu.</i> b. <i>Những chi tiết bạn Hạnh Nguyên đã viết thêm vào:</i> + <i>Tả đặc điểm của người, vật: Lưỡi rìu cũ kĩ.</i> + <i>Kể hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật:</i> • <i>Hành động: (Anh tiểu phu) reo lên; cụ già vuốt chòm râu, mỉm cười; anh tiểu phu cúi xuống, đưa hai tay đón lấy ba lưỡi rìu và cúi đầu cảm ơn ông.</i> • <i>Lời nói: (Anh tiểu phu) Thưa cụ...</i> • <i>Ý nghĩ: (Cụ già) Chàng trai này quả đúng là người thật thà!</i> + <i>Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật hoặc người kể chuyện: Anh mừng rỡ, (cụ già) hài lòng.</i> c. <i>Những chi tiết viết thêm không những không làm thay đổi nội dung, ý nghĩa của câu chuyện mà còn giúp bài văn sinh động, hấp dẫn hơn, giúp người đọc cảm nhận rõ hơn về suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong truyện.)</i> – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bài văn kể chuyện sáng tạo. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Nhận diện được những chi tiết được thêm vào và tác dụng của nó khi kể lại một đoạn của câu chuyện. – Rút ra được điều cần ghi nhớ về bài văn kể chuyện sáng tạo. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.3. Luyện tập về cách thêm vào câu chuyện các chi tiết sáng tạo (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>, thực hiện các yêu cầu của BT. (Gợi ý: a. <i>Có thể chọn kể đoạn ông tiên vớt được lưỡi rìu vàng, lưỡi rìu bạc,...</i> b. <i>Có thể thêm vào các chi tiết tả ngoại hình của anh tiểu phu, ông tiên; tả suy nghĩ của anh tiểu phu khi ông tiên vớt lên hai lưỡi rìu vàng và bạc;...</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Chọn được một sự việc đã diễn ra trong câu chuyện, biết thêm vào các chi tiết về ngoại hình, lời nói, ý nghĩ,... để đoạn văn sinh động, hấp dẫn hơn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn một người lao động ở trường.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động: + Chọn một người lao động mà em biết. + Nêu ích lợi từ công việc của người đó. + Chọn tình huống có thể nói lời cảm ơn. (Gợi ý: <i>Gặp cô lao công khi đến trường sớm; trò chuyện với bác bảo vệ trước khi nghỉ lễ 01/5;...</i>) + Em sẽ nói gì để cảm ơn người đó? + ... – HS đóng vai trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý. – 1 – 2 HS đóng vai trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Đóng vai, nói và đáp được lời cảm ơn một người lao động ở trường. – Nội dung nói phù hợp với yêu cầu, ngữ điệu, thái độ ứng xử phù hợp với ngữ cảnh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: NỤ CƯỜI MANG TÊN MÙA XUÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn về ý nghĩa của tiếng cười đối với cuộc sống sau khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Nụ cười”.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những nụ cười của người thân, bạn bè, thầy cô,... mang đến niềm vui cho bạn nhỏ.* Từ đó, rút ra được

ý nghĩa: Mọi người hãy vui vẻ, thân ái, chan hoà với nhau để cuộc sống luôn tươi vui, tích cực.
Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một truyện viết về niềm vui trong học tập, lao động, niềm vui khi được yêu thương hay niềm vui khi làm việc tốt, viết được *Nhật kí đọc sách*.

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện được đại từ xưng hô.

2.3. Viết

Tìm được ý, lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

3. Vận dụng

Ghi lại được một tên gọi trong bài thơ “Nụ cười mang tên mùa xuân” mà em thích và lí do em thích.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Audio, video clip hoặc lời bài hát “Nụ cười” (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Chung sống yêu thương”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

Truyện phù hợp với chủ điểm “Chung sống yêu thương” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Nụ cười mang tên mùa xuân

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Chúng em biết 3</i>, đọc đoạn lời bài hát “Nụ cười” và chia sẻ về ý nghĩa của tiếng cười đối với cuộc sống. (Gợi ý: <i>Tiếng cười làm cho cuộc sống đẹp hơn, mọi người vui vẻ, chan hoà với nhau...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng audio, video clip hoặc lời bài hát đã chuẩn bị.) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc.	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động	

→ Nghe GV giới thiệu bài học: “ Nụ cười mang tên mùa xuân ”.	khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>dí dỏm; trong ngần; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Có những nụ cười/ mang tên mùa xuân/ Tươi mới,/ trong ngần/ Nụ cười em/ lấp lánh từ hiên nhà/ đến lớp/ Nụ cười/ như chồi non xanh mướt/ Dệt từ/ ngàn vạn tin yêu.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>trong ngần</i> (rất trong);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai. • Đoạn 3: Khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các dòng thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Việc làm của mỗi người trong gia đình bạn nhỏ được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? Những việc làm đó gọi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì? (Gợi ý: <i>Việc làm của mỗi người trong gia đình bạn nhỏ: Mẹ chuẩn bị bữa trưa, bà đan áo ấm, bố đi rẫy về, dí dỏm cất lời gọi con “con mèo lười”</i> → <i>Những người trong gia đình luôn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, ngôi nhà đó nhờ thế nên đầy ắp niềm vui.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Ngôi nhà mang tên yêu thương.</i> 2. Mỗi âm thanh trong ngôi trường mang tên niềm vui gọi cho em những cảm xúc gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ,	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

cảm nhận riêng, VD: <i>Giọng thầy đọc thơ gọi cho em cảm xúc ấm áp, gọi ra những không gian quen thuộc; tiếng reo cười trẻ nhỏ gọi cho em những cảm xúc ngọt ngào khi được học tập, vui chơi cùng các bạn ở trường;...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Ngôi trường mang tên niềm vui.</i> 3. Vì sao những nụ cười được tả ở khổ thơ cuối bài mang tên mùa xuân? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Nụ cười chứa những niềm vui, những gì tươi mới, trong ngần, lấp lánh; nụ cười ấy dệt từ niềm tin và tình yêu của người thân, thầy cô, bạn bè với em;...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Nụ cười mang tên mùa xuân.</i> 4. Cách đặt tên mỗi sự vật trong bài thơ có gì thú vị? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Cách đặt tên gọi ra những điều đẹp đẽ, tươi mới về ngôi nhà, ngôi trường, nụ cười,...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, tươi vui.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm,...</i>) + Lời của bố đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng dí dỏm, ấm áp,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại khổ thơ đầu: <i>Có một ngôi nhà/ mang tên yêu thương/ Góc bếp/ mẹ chuẩn bị bữa trưa/ Bên thềm/ bà đan áo ấm/ Bố vừa đi rẫy về,/ lưng áo còn ướt đầm/ Đã cất lời dí dỏm://</i> – <i>Con mèo lười của bố/ đi đâu?//</i> – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp khổ thơ đầu và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Chung sống yêu thương”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc truyện – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ điểm “Chung sống yêu thương” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên truyện, tên tác giả hoặc nguồn truyện: + Về niềm vui trong học tập, lao động,... (Gợi ý: <i>Tốt-tô-chan bên cửa sổ</i> – Ku-rô-ya-na-gi Tét-su-kô, <i>Chuyện một khu vườn nhỏ</i> – Vân Long, <i>Ngày như thế nào là đẹp?</i> – V. Ô-xê-ê-va,...) + Về niềm vui khi được yêu thương (Gợi ý: <i>Con gái</i> – Đỗ Thị Thu Hiền, <i>Buôn Chư Lênh đón cô giáo</i> – Hà Đình Cẩn, <i>Miền cỏ hát</i> – Nguyễn Thu Hằng,...) + Về niềm vui khi làm việc tốt (Gợi ý: <i>Người gác rừng tí hon</i> – Nguyễn Thị Cẩm Châu, <i>Chuỗi ngọc lam</i> – Phun-ton O-xlơ, Nguyễn Hiến Lê dịch, <i>Đi tìm việc tốt</i> – Phong Thu,...) + ... – HS chuẩn bị truyện để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện: tên truyện; tên tác giả; nội dung chính; tên nhân vật; ý nghĩa của truyện;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về truyện đã đọc (20 phút) – HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi	

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ sự việc chính, ý nghĩa của truyện, chi tiết em thích và giải thích lí do sau khi đọc truyện. – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	tiết yêu thích và giải thích lí do. – Phát triển kĩ năng lắng nghe, đặt câu hỏi,...	
1.2.4. Ghi chép lại các sự việc chính (05 phút) HS có thể ghi chép một vài thông tin chính về một truyện được bạn chia sẻ mà em thích: tên truyện; tên tác giả; tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa của truyện;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc một truyện được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc truyện. – HS thực hành tìm đọc truyện ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kĩ năng tìm đọc truyện được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Đại từ xưng hô

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Nhận diện đại từ xưng hô (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Đáp án: a. Từ chỉ người nói: ta. b. Từ chỉ người nghe: mi, ngươi. c. Từ chỉ người, vật được nhắc tới: nó.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. (Đáp án: <i>Để xưng hô</i>.) – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đại từ xưng hô. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu. – Rút ra được khái niệm đại từ xưng hô. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.2. Tìm đại từ xưng hô (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chơi trò chơi <i>Hái hoa tặng cô</i> để thực hiện yêu cầu: Chia số HS trong lớp thành bốn nhóm. Mỗi nhóm đọc đoạn văn, tìm đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô rồi viết vào thẻ từ hình bông hoa và dán lên bảng. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất là nhóm chiến thắng. (Đáp án: + <i>Đại từ xưng hô: tôi.</i> + <i>Danh từ dùng để xưng hô: bác.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm đại từ xưng hô, danh từ dùng để xưng hô. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết lời nói và lời đáp với một tình huống cho trước (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS chọn một tình huống và nói câu trong nhóm nhỏ, chỉ ra các đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô đã sử dụng, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS làm bài cá nhân vào VBT. – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được lời nói và lời đáp cho một tình huống cụ thể. Chỉ ra được đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô đã sử dụng. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm ý cho bài văn (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1a và đọc truyện. – HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT, kết hợp hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT (có thể sử dụng <i>Phiếu học tập</i> để hỗ trợ HS học nhóm). (Gợi ý: + <i>Mở đầu: Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra câu chuyện: Các loài cây đều chưa có tên.</i>	– Hiểu và xác định đúng các phần của câu chuyện. – Thêm được những chi tiết để câu chuyện sinh động, hấp dẫn.	

+ <i>Diễn biến:</i> • <i>Trời hợp cây cối lại để đặt cho mỗi loài một cái tên.</i> • <i>Nhành cây nhỏ đến muộn vì bạn chăm sóc bà đang bị bệnh.</i> • <i>Nhành cây cho rằng lời nói ngáp ngừng của Trời (thì là) chính là tên của mình.</i> + <i>Kết thúc: Muôn loài gọi nhành cây đó là thì là.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 1b. – HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: <i>Có thể thêm vào sự việc đầu tiên cảnh vật, tâm trạng, sự chuẩn bị,... của các loài cây; thêm vào sự việc tiếp theo suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật,...</i> Lưu ý: GV khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Tìm hiểu đề bài và xác định câu chuyện (03 phút) – HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: <i>Kể chuyện.</i>) + Đề bài yêu cầu kể câu chuyện gì? (Đáp án: <i>Sự tích cây thì là.</i>) + Em cần lưu ý gì khi kể lại câu chuyện? (Gợi ý: <i>Thêm vào câu chuyện những chi tiết sáng tạo.</i>) – 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu đề bài. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài.	
3.3. Lập dàn ý cho bài văn (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS dựa vào kết quả BT 1 và các gợi ý, làm bài cá nhân vào VBT, GV lưu ý HS chọn lọc, sắp xếp ý và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ, hình ảnh, có thể trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy. (Gợi ý: + <i>Mở bài: Giới thiệu câu chuyện:</i> • <i>Tên truyện.</i> • <i>Nhân vật.</i> • ...	– Phát triển kỹ năng lập dàn ý. – Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện với những chi tiết sáng tạo. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

+ <i>Thân bài: Ghi lại các sự việc chính ở phần diễn biến của câu chuyện. Chọn một sự việc, ghi chép cụ thể những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.</i> + <i>Kết bài: Nêu kết thúc của câu chuyện; bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về nội dung câu chuyện.</i>) – HS tự đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý đã lập. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại một tên gọi trong bài thơ “Nụ cười mang tên mùa xuân” mà em thích và lí do em thích.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà (khuyến khích HS ghi chép bằng sơ đồ đơn giản). – HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.	Ghi lại được một tên gọi trong bài thơ “Nụ cười mang tên mùa xuân” mà em thích và lí do em thích dựa vào hướng dẫn của GV.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: MÙA VƯỜN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về điều em hiểu qua câu tục ngữ.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bức kí họa về người mẹ gọi cho tác giả nhớ đến đồng quê, nhớ những kỉ niệm tuổi thơ và những cánh đồng nhuộm vàng màu vừng chín. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Những năm tháng tuổi thơ nơi quê nhà là kỉ niệm đẹp đẽ, êm đềm, theo mỗi người đến suốt cuộc đời.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng đại từ.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn kể lại một sự việc trong câu chuyện “Sự tích cây thi là” với những chi tiết sáng tạo.

3. Vận dụng

Thi hát, kể chuyện, đọc được thơ văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Chiều về” đến “còn vương sót lại”.
- Tranh, ảnh về hạt vùng, mùa vùng ở Nghệ An (nếu có).
- Một số câu chuyện, bài hát, bài thơ, bài văn về cảnh đẹp ở đồng quê.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

Một số câu chuyện, bài hát, bài thơ, bài văn về cảnh đẹp ở đồng quê.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Mùa vùng

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi, trao đổi với bạn về điều em hiểu qua câu tục ngữ. (Gợi ý: <i>Kinh nghiệm của nông dân về mùa màng – thời điểm phù hợp để tra hạt vùng, ...</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Mùa vùng”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>quanh co; nông nã;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Mùa thu/ dịu dàng dắt kí ức của tôi/ quay về với nỗi nhớ đồng quê/ – nhớ những cánh đồng/ nhuộm vàng màu vừng chín.//;</i> • <i>Một trưa xa nhà,/ chiêm ngưỡng bức kí hoạ/ về hình ảnh người mẹ/ lom khom gặt những khóm vừng trĩu bông/ mà đưa bạn thân về tặng,/ chợt muốn được là chú bé năm nào,/ ngồi vắt vẻo trên lưng trâu/ đi giữa cánh đồng vừng chín vàng,/ rộn ràng tiếng sẻ du ca...//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “nuộm vàng màu vừng chín”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “ấn tượng”. • Đoạn 3: Tiếp theo đến “còn vương sót lại”. • Đoạn 4: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Điều gì dắt kí ức của tác giả quay về với nỗi nhớ đồng quê? (Gợi ý: <i>Mùa thu dắt kí ức của tác giả quay về với nỗi nhớ đồng quê, vì tác giả có nhiều kỉ niệm với đồng quê vào khoảng thời gian này – khi mùa vừng chín.</i> Lưu ý: GV có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị, giải thích thêm: <i>Mùa vừng được tả trong bài ở Nghệ An – quê hương của tác giả. Vùng này thường trồng vừng đen, thời gian từ lúc tra hạt đến khi thu hoạch từ hai tháng rưỡi đến ba tháng.)</i> → Rút ra ý đoạn 1: <i>Mùa thu gợi cho tác giả nỗi nhớ đồng quê.</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được ấn tượng của em về mùa vừng được tả trong bài đọc.	

2. Bức tranh ngày mùa ở đoạn văn thứ hai được vẽ bằng những hình ảnh, màu sắc và âm thanh nào? (Gợi ý: <i>Bức tranh ngày mùa ở đoạn văn thứ hai được vẽ bằng những hình ảnh, màu sắc và âm thanh: Đàn sẻ nâu tíu tít chở nắng về; chân trời bừng ánh ban mai; cánh đồng vàng tươi vàng, lấp lánh; các bà, các mẹ cần mẫn gặt vàng; màu nón trắng nhấp nhô theo từng đợt sóng vùng gợn nhẹ.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Vẻ đẹp của cánh đồng vàng vào mùa thu hoạch.</i> 3. Hương vị và âm thanh được tả ở đoạn văn thứ ba giúp em cảm nhận được những gì về cuộc sống, con người ở quê hương tác giả? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Những hương vị và âm thanh được tả gợi khung cảnh nhộn nhịp của đồng quê vào mùa thu hoạch vùng thanh bình, yên vui nơi đây;...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Cảnh chiều đồng quê vào ngày mùa đầy sức sống.</i> 4. Tác giả mong muốn điều gì khi chiêm ngưỡng bức kí hoạ mà người bạn vẽ tặng? Vì sao? (Gợi ý: <i>Bức kí hoạ mà người bạn vẽ tặng gợi cho tác giả nhớ về tuổi thơ, ước muốn được trở lại tuổi thơ, được là chú bé năm nào ngồi vắt vẻo trên lưng trâu đi giữa cánh đồng vàng chín vàng, rộn ràng tiếng sáo du ca... Vì đó là những ngày tháng êm đềm, đông đầy kỉ niệm ngọt ngào của tuổi thơ.</i>) → Rút ra ý đoạn 4: <i>Những suy nghĩ của tác giả khi nhìn bức kí hoạ mà người bạn vẽ tặng.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. 5. Em ấn tượng những gì về mùa vàng được tả trong bài đọc? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Ấn tượng về hình ảnh những chiếc xe bò chất đầy những bó vàng tươi đang túc tắc về làng, vì hình ảnh này gợi lên một mùa vụ bội thu, sung túc,...</i>) → Rút ra ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, thiết tha.</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài.	

+ Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả hoạt động, trạng thái của con người, sự vật, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Chiều về,/ dọc những con đường nhỏ/ như dải lụa đỏ quanh co vắt ngang cánh đồng,/ những chiếc xe bò <u>chất đầy</u> những bó vừng <u>vàng tươi</u>/ đang <u>túc tắc về làng</u>.// Mùi dầu vừng mới gặt xong/ theo gió thoảng <u>toả ra hăng hăng</u>,/ <u>nồng nã</u>.// Trên lưng trâu,/ những chú bé có <u>chôm tóc trái đào</u>/ nở nụ cười <u>rang ngời</u> trong nắng,/ bỏ lại đằng sau bầy chim non <u>liu riu</u> gọi nhau về/<u>nhặt nhanh những hạt vừng còn vương sót lại</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
---	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Luyện tập phân biệt đại từ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>, thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: a. <i>Nhóm 1: gì, bao giờ, sao.</i> b. <i>Nhóm 2: đây, vậy, đó.</i> c. <i>đây – con vật; vậy – là một con kì đà; đó – bé cây của con.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để xếp đại từ vào nhóm thích hợp theo yêu cầu. – Xác định được từ ngữ được đại từ thay thế. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm và nêu tác dụng của đại từ (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: + <i>Đại từ xưng hô: tôi, chúng.</i> + <i>Đại từ nghi vấn: sao.</i>	– Hợp tác với bạn để tìm được đại từ và nêu tác dụng của đại từ vừa tìm được.	

Lưu ý: GV có thể giải thích với HS: “<i>bạn</i>” là danh từ dùng để xưng hô; “<i>chú</i>” là danh từ dùng để thay thế cho “<i>sóc nhỏ</i>”.) – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt câu có sử dụng đại từ nghi vấn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chơi trò chơi <i>Kết bạn</i> để tạo nhóm 3, đặt câu trong nhóm, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đặt được ba câu để hỏi những điều em muốn biết thêm về bạn, mỗi câu có sử dụng đại từ nghi vấn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu có sử dụng đại từ thay thế (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT. – HS trao đổi bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa câu. – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 2 – 3 câu giới thiệu về một nhân vật em thích trong một bài đọc đã học, trong đó có sử dụng đại từ thay thế. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn văn cho bài văn kể chuyện sáng tạo

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết đoạn văn kể lại một sự việc với những chi tiết sáng tạo (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em chọn kể lại sự việc nào? + Em có thể thêm vào sự việc đó các chi tiết nào để thể hiện sự sáng tạo? + ...	– Viết được đoạn văn kể lại một sự việc với những chi tiết sáng tạo. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	

– HS dựa vào dàn ý đã lập ở trang 97 (<i>Tiếng Việt 5, tập một</i>), thực hành viết đoạn văn vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 2 và tự thực hiện.		
3.2. Bình chọn đoạn văn có những chi tiết sáng tạo hấp dẫn (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>, bình chọn đoạn văn có những chi tiết sáng tạo hấp dẫn. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp và giải thích lí do. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Bình chọn được đoạn văn có những chi tiết sáng tạo hấp dẫn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Thi hát, kể chuyện, đọc thơ văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách tìm bài hát, câu chuyện, bài thơ, bài văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê trước buổi học khoảng một tuần. (Gợi ý: HS có thể tìm bài hát, câu chuyện, bài thơ, bài văn,... về cảnh thiên nhiên đẹp hoặc cảnh lao động,...) – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, kể các câu chuyện, hát hoặc đọc bài thơ, bài văn về cảnh đẹp ở đồng quê. – HS tham gia trò chơi <i>Tìm kiếm tài năng</i>, mỗi nhóm cử một HS thi hát, kể chuyện, đọc thơ văn,... trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hát, kể chuyện, đọc được thơ văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: TRƯỚC NGÀY GIÁNG SINH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn về một trò chơi mà em yêu thích.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Trò chơi ngoài tuyết và sự quan tâm, chăm sóc của người thân đã đem đến niềm vui cho lũ trẻ.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Niềm vui, niềm hạnh phúc có thể đến từ những điều tưởng như rất giản dị: một trò chơi, một bản nhạc,... cùng người thân.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng đại từ.

2.3. Viết

Viết được bài văn kể lại câu chuyện “Sự tích cây thi là” với những chi tiết sáng tạo.

3. Vận dụng

Kể được về một buổi sum họp của gia đình em.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về tuyết, trò chơi trên tuyết, cảnh sinh hoạt gia đình đầm ấm,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Cả bọn chơi đùa” đến hết.

2. Học sinh

Tranh, ảnh về buổi sum họp của gia đình em (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Trước ngày Giáng sinh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ về một trò chơi mà em yêu thích. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

– HS chơi trò chơi <i>Người quản trò</i>: 2 – 3 HS lần lượt làm quản trò để tổ chức cho các bạn chơi trò chơi mà mình yêu thích. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Trước ngày Giáng sinh”.	– Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
--	---	--

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc (60 phút)

1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>Lô-ra; Me-ri; A-lít-xơ; trần trọc</i>;... + Cách ngắt nghỉ một số câu dài miêu tả hoạt động của nhân vật: • <i>Hai chị em Lô-ra và Me-ri nghe tiếng chuông khua rộn rã,/ rồi một cỗ xe trượt tuyết lớn/ xuất hiện từ phía khu rừng/ và tiến đến cổng.//;</i> • <i>Mỗi đứa tự leo lên một góc cây,/ dang rộng hai tay,/ rồi cùng lúc,/ buông mình xuống lớp tuyết dày mịn.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “những tấm da bò”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “để giữ ấm”. • Đoạn 3: Tiếp theo đến “những hình rất dễ thương”. • Đoạn 4: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (25 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Trong đoạn đầu, sự xuất hiện của những vị khách được tả như thế nào? (Gợi ý: <i>Sự xuất hiện của những vị khách được tả bằng âm thanh tiếng chuông khua rộn rã, một cỗ xe</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa	

<i>trượt tuyết lớn xuất hiện, mọi người được trùm kín bởi những tấm chăn, áo choàng dài và những tấm da bò.)</i> → Rút ra ý đoạn 1: <i>Sự xuất hiện của những vị khách.</i> Câu hỏi phụ: Má chuẩn bị như thế nào để bạn trẻ có thể ra ngoài tham gia trò chơi? (Gợi ý: <i>Mặc áo choàng, găng tay và áo khoác vai để giữ ấm.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Lũ trẻ chuẩn bị chơi trò chơi.</i> 2. Kể lại tóm tắt trò chơi của các bạn nhỏ và bày tỏ suy nghĩ của em về trò chơi đó. (Gợi ý: Khuyến khích HS kể tóm tắt trò chơi của các bạn nhỏ bằng lời của mình, VD: <i>Mỗi đứa tự leo lên một gốc cây, dang rộng hai tay, rồi buông mình xuống tuyết. Chúng ngã úp mặt xuống đất. Sau đó, chúng cố đứng lên mà không làm hỏng hình thù đã in trên tuyết</i> → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Trò chơi rất mới mẻ, thú vị,...</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) 3. Tìm những chi tiết nói lên niềm vui, sự náo nức của các bạn nhỏ khi tham gia trò chơi. (Gợi ý: <i>Chi tiết nói lên niềm vui, sự náo nức của các bạn nhỏ khi tham gia trò chơi: Chưa bao giờ được chơi vui đến thế; mãi mê chơi đùa ngoài tuyết suốt cả ngày.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Trò chơi ngoài tuyết của lũ trẻ.</i> 4. Cách người cha giúp đám trẻ đi vào giấc ngủ có gì đặc biệt? (Gợi ý: <i>Cách người cha giúp đám trẻ đi vào giấc ngủ rất đặc biệt: Ông đàn và hát khe khẽ.</i>) 5. Hình ảnh gia đình bạn nhỏ trong câu chuyện gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Hình ảnh gia đình đầm ấm, yên bình, hạnh phúc,...</i>) → Rút ra ý đoạn 4: <i>Người cha giúp lũ trẻ đi vào giấc ngủ.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được suy nghĩ, cảm xúc của em về hình ảnh gia đình bạn nhỏ.
---	--

1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, vui tươi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật, ...</i>) + Lời của má đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng nhẹ nhàng, trầu mến, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 4: <i>Cả bọn chơi đùa vui đến nỗi/ khi đêm xuống chúng vẫn còn phấn khích,/ cứ nằm trần trọc mãi.//</i> <i>Đám trẻ xì xào/ cho đến khi má nghe được.// Má nói:// “Sác-lơ ạ, bọn trẻ sẽ chẳng ngủ được/ nếu anh không chơi đàn cho chúng nghe.”// Thế nên ba lại lấy cây đàn vĩ cầm xuống.// Căn phòng ấm áp/ và đầy ánh lửa sáng.// Những chiếc bóng to lớn của ba má/ và di dượng/ in trên vách trong ánh lửa bập bùng.//</i> <i>Bọn trẻ thiếp đi/ trong lúc ba và cây đàn cùng hát khe khẽ...//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 4 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 4 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.4. Cùng sáng tạo (10 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tưởng tượng, kể về giấc mơ của một bạn nhỏ trong truyện.</i> – HS trao đổi trong nhóm theo hình thức <i>Chúng em biết 3</i>, nói về những điều bạn nhỏ có thể gặp trong giấc mơ. (Gợi ý: <i>Về những hoạt động trong ngày Giáng sinh; về những món quà Giáng sinh; ...</i>) – HS tưởng tượng, kể về giấc mơ của một bạn nhỏ trong nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Hợp tác với bạn, kể được về những điều bạn nhỏ có thể gặp trong giấc mơ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm đại từ và xếp vào nhóm thích hợp (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm 3, mỗi HS tìm một nhóm đại từ. (Đáp án: + Đại từ xưng hô: <i>ngươi, ta, tôi.</i> + Đại từ nghi vấn: <i>ai.</i> + Đại từ thay thế: <i>thế.</i> Lưu ý: “ông” là danh từ dùng để xưng hô.) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT theo nhóm. – Tìm được các đại từ theo yêu cầu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô phù hợp thay cho ☼ (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> . (Gợi ý: Khuyến khích HS dùng danh từ dùng để xưng hô: <i>a. bà; cháu/ con; bà; bà; cháu/ con.</i> <i>b. cô/ bác/...; cháu/ em/...; cháu/ em/...; cô/ bác/...; cháu/ em/...)</i> – HS chơi trò chơi <i>Xây nhà</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô phù hợp thay cho ☼. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu có sử dụng đại từ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Long sẽ trả lời như thế nào? + Tuấn sẽ nói gì tiếp theo? + Em sẽ sử dụng đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô nào? – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết tiếp được 2 – 3 câu để hoàn thành đoạn hội thoại, trong đó có sử dụng đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài viết số 1)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý – HS đọc và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại gì? (Đáp án: <i>Kể chuyện.</i>) + Đề bài yêu cầu kể câu chuyện gì? (Đáp án: <i>Sự tích cây thì là.</i>) + Em sẽ thêm vào chi tiết nào để thể hiện sự sáng tạo? – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS có thể xem lại dàn ý đã làm để ghi nhớ các ý chính. – HS thực hành viết bài văn vào VBT. – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.	Viết được bài văn kể lại câu chuyện “Sự tích cây thì là” với những chi tiết sáng tạo.	
3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi bài trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Kể về một buổi sum họp của gia đình em.</i> – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Kể được về một buổi sum họp của gia đình em. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: BUỔI SÁNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được 2 – 3 câu về hoạt động quen thuộc của người dân ở địa phương em vào buổi sáng.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh vật của Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng thật đẹp, đầy sức sống. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình yêu, niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp của thành phố mang tên Bác.*

2.2. Nói và nghe

Thảo luận được theo chủ đề *Ý nghĩa của sự chia sẻ.*

2.3. Viết

Tìm được ý, lập được dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo.

3. Vận dụng

Chia sẻ được với người thân những điều em ấn tượng về một tỉnh hoặc thành phố mà em biết. *Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Một số video clip, hình ảnh về cảnh vật, hoạt động của con người ở Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng, xe lam, xe xích lô máy,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Ánh đèn từ muôn vòm ô vuông cửa sổ” đến hết.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh hoặc video clip về hoạt động quen thuộc của người dân ở địa phương em vào buổi sáng (nếu có).
- Tranh, ảnh về sự chia sẻ trong cuộc sống (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS trưng bày tranh, ảnh hoặc video clip về hoạt động quen thuộc của người dân ở địa phương em vào buổi sáng theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – 2 – 3 HS nói về hoạt động quen thuộc của người dân ở địa phương em vào buổi sáng trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>rạng đông; muôn vàn; nườm nượp;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Mặt trời chưa xuất hiện/ nhưng tầng tầng lớp lớp bụi hồng ánh sáng/ đã tràn lan khắp không gian/ như thoa phấn/ trên những toà nhà cao tầng của thành phố,/ khiến chúng trở nên nguy nga,/ đậm nét.//;</i> • <i>Những chiếc xe tải nhỏ,/ xe lam,/ xích lô máy/ nườm nượp chở hàng hoá/ và thực phẩm/ từ những vùng ngoại ô/ về các chợ Bến Thành,/ Cầu Muối,.../ đánh thức cả thành phố dậy/ bởi những tiếng máy nổ giòn.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>xe lam</i> (xe có ba bánh, chạy bằng động cơ giống ô tô, nhưng nhỏ hơn, dùng để chở người, chở hàng);...	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

+ Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “mềm mại”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Sự thay đổi của thành phố trong bước chuyển huyền ảo của rặng đông được tả bằng những hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Sự thay đổi của thành phố trong bước chuyển huyền ảo của rặng đông được tả bằng những hình ảnh:</i> • <i>Những toà nhà cao tầng như được thoa phấn bởi tầng tầng lớp lớp bụi hồng ánh sáng tràn lan khắp không gian, khiến chúng trở nên nguy nga, đậm nét.</i> • <i>Những vùng cây xanh oà tươi trong nắng sớm.</i> • <i>Ánh đèn từ muôn vòm ô vuông cửa sổ loang đi rất nhanh và thừa thớt tất.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) 2. Em thích hình ảnh so sánh nào trong đoạn văn thứ hai? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Em thích hình ảnh ba ngọn đèn đỏ trên tháp phát sóng Đài Truyền hình Thành phố có vẻ như bị hạ thấp và kéo gần lại, vì nó miêu tả chuyển động của thời gian (mặt trời) một cách thú vị,...</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Vẻ đẹp của Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng.</i> 3. Những hình ảnh, âm thanh được nhắc đến ở đoạn văn thứ ba giúp em cảm nhận điều gì về Thành phố Hồ Chí Minh? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Thành phố vào buổi sáng rất nhộn nhịp và huyền ảo: Không gian ngập tràn tiếng máy nổ giòn của những chiếc xe tải nhỏ, xe lam, xích lô máy nườm nượp chở hàng hoá và thực phẩm từ những vùng ngoại ô về các chợ Bến Thành, Cầu Muối,...</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) → Giải nghĩa từ: <i>huyền ảo</i> (nghĩa trong bài: ồn ào, náo nhiệt);...	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được cảm nhận của em về Thành phố Hồ Chí Minh.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Những âm thanh huyền ảo ở Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng.</i> 4. Hai câu văn cuối bài thể hiện tình cảm gì của tác giả với Thành phố Hồ Chí Minh? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Hai câu văn cuối bài thể hiện tình yêu tha thiết và niềm tự hào về Thành phố Hồ Chí Minh của tác giả.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, tươi vui, câu cuối đọc với giọng tự hào.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của cảnh, gọi tả âm thanh,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ” đến hết: <i>Ánh đèn từ <u>muôn vàn</u> ô vuông cửa sổ/ loăng đi rất nhanh/ và <u>thưa thớt tắt</u>.// Ba ngọn đèn đỏ/ trên tháp phát sóng Đài Truyền hình Thành phố/ có vẻ như bị <u>hạ thấp</u>/ và <u>kéo gần lại</u>.// Mặt trời dâng <u>chầm chậm</u>,/ lơ lửng như một quả bóng bay <u>mềm mại</u>.//</i> <i>Đường phố bắt đầu <u>hoạt động</u>/ và <u>huyền ảo</u>.// Những chiếc xe tải nhỏ,/ xe lam,/ xích lô máy/ <u>nườm nượp</u> chở hàng hoá/ và thực phẩm/ từ những <u>vùng ngoại ô</u>/ về các <u>chợ Bến Thành</u>,/ <u>Cầu Muối</u>, .../ <u>đánh thức</u> cả thành phố dậy/ bởi những tiếng máy <u>nổ giòn</u>.//</i> <i>Thành phố mình <u>đẹp quá</u>!!! <u>Đẹp quá</u> đi!!!</i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ” đến hết trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn từ “Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ” đến hết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Nói và nghe: Thảo luận theo chủ đề *Ý nghĩa của sự chia sẻ*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Trao đổi về những việc làm thể hiện sự chia sẻ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và quan sát tranh. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, trả lời các câu hỏi. (Gợi ý: + <i>Tranh 1: Bạn nhỏ đang gửi hộp cơm 0 đồng cho bà cụ với thái độ lễ phép (đưa bằng hai tay), thân thiện,...</i> + <i>Tranh 2: Các bạn nhỏ đang quây quần xung quanh để hỏi thăm, động viên cụ già với thái độ gần gũi, thân thiện,...</i> + <i>Tranh 3: Thầy giáo đang cùng HS quyên góp sách vở với thái độ vui vẻ, tích cực,...</i> → HS chia sẻ theo suy nghĩ, cảm nhận riêng về việc làm của những người trong tranh, VD: <i>Mang lại niềm vui, lan toả tình yêu thương, thể hiện lòng nhân ái, ...)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Trao đổi được về nội dung tranh. – Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nói đơn thoại, nói thành bài. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Thảo luận theo chủ đề (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý. – HS thảo luận trong nhóm nhỏ theo hình thức toạ đàm <i>Tiếng nói trẻ thơ</i>. (Gợi ý: + <i>Đem đến niềm vui cho nhiều người.</i> + <i>Giúp mọi người gần gũi với nhau hơn.</i> + <i>Lan toả tình thân ái.</i> + ... Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Thảo luận được theo chủ đề. – Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Phát triển kĩ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ.	

TIẾT 3

Viết: Luyện tập tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu đề bài và xác định câu chuyện (03 phút) – HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: <i>Kể chuyện.</i>) + Đề bài yêu cầu kể câu chuyện gì? (Đáp án: <i>Một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích.</i>) + Em cần lưu ý gì khi kể lại câu chuyện? (Gợi ý: <i>Thêm vào câu chuyện những chi tiết sáng tạo.</i>) – 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu đề bài. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài.	
3.2. Tìm ý cho bài văn (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để kể tên câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích. (Gợi ý: <i>Tích Chu; Sự tích hoa mào gà; ...</i>) – HS thảo luận nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu b và c, khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản. (Gợi ý: <i>Có thể thêm vào sự việc đã chọn những chi tiết tả ngoại hình của nhân vật, kể hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật hoặc người kể chuyện, ...</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được một sự việc, xác định được những chi tiết muốn thêm vào để câu chuyện sinh động hơn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.3. Lập dàn ý cho bài văn (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc gợi ý. – HS dựa vào kết quả BT 1 và các gợi ý, làm bài vào VBT hoặc vở nháp, GV lưu ý HS chọn lọc, sắp xếp ý và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ, hình ảnh, có thể trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy. (Gợi ý: + <i>Mở bài: Giới thiệu câu chuyện:</i> • <i>Tên truyện.</i> • <i>Nhân vật.</i> • ...	– Phát triển kỹ năng lập dàn ý. – Lập được dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo.	

+ <i>Thân bài: Ghi lại các sự việc chính ở phần diễn biến của câu chuyện. Chọn một sự việc, ghi chép cụ thể những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.</i> + <i>Kết bài: Nêu kết thúc của câu chuyện; bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về nội dung câu chuyện.</i> – HS tự đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý đã lập. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và tự điều chỉnh.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Chia sẻ với người thân những điều em ấn tượng về một tỉnh hoặc thành phố mà em biết.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: + Suu tầm tranh, ảnh về tỉnh hoặc thành phố. + Tìm thêm thông tin về tỉnh hoặc thành phố. + Chia sẻ với người thân. (Gợi ý: <i>Cảnh vật, con người, ...</i>) + ... – HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.	Chia sẻ được với người thân những điều em ấn tượng về một tỉnh hoặc thành phố mà em biết dựa vào hướng dẫn của GV.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 7: VỀ NGÔI NHÀ ĐANG XÂY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn những điều em quan sát được trong tranh minh hoạ của bài đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp của ngôi nhà đang xây được so sánh với một đứa trẻ đang lớn. Từ đó, rút ra được ý nghĩa:*

Mỗi bạn nhỏ giống như một ngôi nhà đang xây, đang dần hoàn thiện với bao điều đẹp đẽ. Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được bản tin về một hoạt động thiện nguyện, một trải nghiệm thú vị, trường học xanh – sạch – đẹp, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về thông tin em hiểu biết thêm, suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bản tin.

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện và biết cách sử dụng kết từ.

2.3. Viết

Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn.

3. Vận dụng

Trao đổi được với bạn về một việc có ích mà em có thể làm cho cộng đồng.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về một số ngôi nhà đang xây (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Bản tin phù hợp với chủ điểm “Chung sống yêu thương” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Tranh, ảnh về việc làm có ích cho cộng đồng (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Về ngôi nhà đang xây

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS xem tranh, ảnh, video clip về một số ngôi nhà đang xây, trao đổi với bạn những điều em quan sát được. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “ Về ngôi nhà đang xây ”.	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		

1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>nhú; hươu hươu; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ miêu tả ngôi nhà: <i>Ngôi nhà/ tựa vào nền trời sẫm biếc/</i> <i>Thở ra/ mùi vôi vữa nồng hăng/</i> <i>Ngôi nhà/ giống bài thơ/ sắp làm xong/</i> <i>Là bức tranh/ còn nguyên màu vôi, gạch.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Hai khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Trong hai khổ thơ đầu, ngôi nhà đang xây được tả bằng những hình ảnh nào? Cách tả đó có gì độc đáo? (Gợi ý: <i>Trong hai khổ thơ đầu, ngôi nhà đang xây được tả:</i> • <i>Hình ảnh nhân hoá: Tựa vào nền trời sẫm biếc, thở ra mùi vôi vữa nồng hăng.</i> • <i>Hình ảnh so sánh: Ngôi nhà giống như bài thơ sắp làm xong, là bức tranh còn nguyên màu vôi gạch.</i> → <i>Nhờ những hình ảnh so sánh, nhân hoá, ngôi nhà hiện lên thật sinh động, giống như con người, đầy sức sống.)</i> 2. Hình ảnh bác thợ nề được tả ở khổ thơ đầu gợi cho em suy nghĩ gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Hình ảnh bác thợ nề ra về còn hươu hươu cái bay để chào tạm biệt ngôi nhà nói lên sự gắn bó của bác với ngôi nhà, tinh thần vui vẻ, yêu lao động, hài lòng khi nhìn thấy thành quả lao động của mình và đồng nghiệp; ...)</i> → <i>Rút ra ý đoạn 1: Vẻ đẹp của ngôi nhà đang xây.</i> 3. Tìm những hình ảnh nói về sự gắn bó của mỗi sự vật sau với ngôi nhà đang xây:	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

• Bầy chim (Gợi ý: <i>Bầy chim đi ăn về, hót nơi ô cửa.</i>) • Nắng (Gợi ý: <i>Nắng chiếu trên tường.</i>) • Gió (Gợi ý: <i>Gió mang hương ủ vào những bức tường.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Sự gắn bó của thiên nhiên với ngôi nhà đang xây.</i> 4. Theo em, tác giả muốn gửi gắm điều gì qua hai câu thơ cuối bài? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Từ hình ảnh ngôi nhà đang xây, tác giả muốn gửi gắm suy nghĩ: Cũng giống như một ngôi nhà đang xây, trẻ em đang dần hoàn thiện qua từng ngày, lớn lên với bao niềm hi vọng, mơ ước,...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, tươi vui.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái của các sự vật,...</i>): – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Bầy chim đi ăn về/ Rót vào ô cửa chưa sơn/ <u>vài nốt nhạc</u>./</i> <i>Nắng/ <u>đứng ngủ quên</u>/</i> <i>Trên những <u>bức tường</u>./</i> <i><u>Làn gió</u> nào về/ <u>mang hương</u>/</i> <i><u>Ủ đầy</u> những <u>rãnh tường</u>/ <u>chưa trát vữa</u>./</i> <i>Bao ngôi nhà/ <u>đã hoàn thành</u>/</i> <i>Đều qua/ <u>những ngày xây dựng</u>./</i> <i>Ngôi nhà <u>như trẻ nhỏ</u>/</i> <i><u>Lớn lên</u>/ với trời xanh...//</i> – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Chung sống yêu thương”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc bản tin – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin phù hợp với chủ điểm “Chung sống yêu thương” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bản tin phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên bản tin: + Về một hoạt động thiện nguyện + Về một trải nghiệm thú vị + Về trường học xanh – sạch – đẹp + ... – HS chuẩn bị bản tin để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin: tên bản tin; tên tác giả; thông tin chính; suy nghĩ; cảm xúc;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về bản tin đã đọc (20 phút) – HS đọc bản tin hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i> . – HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về những điều em hiểu biết thêm và bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bản tin. – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i> .	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Ghi chép về bản tin được bạn chia sẻ (05 phút) HS có thể ghi chép lại một vài thông tin quan trọng về một bản tin được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên bản tin; tên tác giả; các thông tin chính;...	Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm	

(Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	tất thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc bản tin được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bản tin. – HS thực hành tìm đọc bản tin ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kĩ năng tìm đọc bản tin được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Kết từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Hình thành khái niệm kết từ (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn. – HS thực hiện BT trong nhóm đôi. (Đáp án: + Từ “và” dùng để nối “các loài chim bạn” với “vườn cây”. + Từ “nhưng” dùng để nối câu 2 với câu 1. + Từ “của” dùng để nối “chú” với “trí nhớ thơ ngây”. + Từ “để” dùng để nối “báo trước mùa xuân tới” với “một cành hoa mận trắng, biết nở cuối đông”.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm đôi, trả lời câu hỏi. (Gợi ý: Các từ in đậm có tác dụng nối các từ ngữ (các ý) trong câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ đó với nhau.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về kết từ. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu. – Rút ra được khái niệm kết từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập nhận diện kết từ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thực hiện yêu cầu BT theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> . (Đáp án: a. của, của, nhưng, rồi. b. và, như, nhưng, thì, và.)	– Hợp tác với bạn để tìm được kết từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.3. Luyện tập sử dụng cặp kết từ (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: a. Nhờ ... nên ...; b. Nếu ... thì ...; c. Tuy ... nhưng ...) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, có thể giải thích lí do vì sao chọn cặp kết từ đó. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được cặp kết từ phù hợp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Đặt câu với kết từ cho trước (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 5. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em muốn giới thiệu bài hát nào? + Em sẽ giới thiệu những gì về bài hát đó? (Gợi ý: Tên bài hát, tên tác giả, năm sáng tác,...) + Em dự định sử dụng kết từ nào trong câu? + ... – HS làm bài vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Chuyên hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Đặt được câu giới thiệu về một bài hát mà em thích, trong đó có sử dụng kết từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Trả bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài viết số 1)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe GV nhận xét chung về bài văn kể lại câu chuyện “Sự tích cây lả” với những chi tiết sáng tạo. – HS ghi chép nhanh những ưu điểm, hạn chế,... chung về các bài viết để rút kinh nghiệm.	Lắng nghe, nhận ra được ưu điểm, hạn chế chung.	
3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc bài viết của mình, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của GV để chỉnh sửa bài viết theo gợi ý: + Cấu tạo	Biết lắng nghe những lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết cho phù hợp.	

+ Trình tự kể + Dùng từ + Viết câu + ... – HS chỉnh sửa lại bài viết vào VBT (nếu cần).		
3.3. Trao đổi với bạn về bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài viết trong nhóm theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS trao đổi dựa vào các gợi ý: + Những điều em học được ở bài viết của bạn. + Những điều em có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được bài viết của mình và của bạn, giúp nhau bổ sung, hoàn thiện. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, tham gia đóng góp ý kiến,...	
3.4. Viết lại một đoạn trong bài (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ về những từ ngữ em có thể thay thế hoặc một số chi tiết sáng tạo có thể thêm vào để bài viết hay hơn. – HS chọn một đoạn trong bài viết của mình và viết lại cho hay hơn vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn bằng cách thay thế từ ngữ hoặc thêm vào một số chi tiết sáng tạo. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Trao đổi với bạn về một việc có ích mà em có thể làm cho cộng đồng.</i> – HS trao đổi trong nhóm đôi theo một số gợi ý: + Đó là việc gì? + Vì sao việc đó có ích cho cộng đồng? + Em sẽ làm việc đó như thế nào? + ... (Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Trao đổi được về một việc có ích mà em có thể làm cho cộng đồng. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 8: HÃY LẮNG NGHE

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn cảm xúc của em khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Bạn ơi hãy lắng nghe”.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những âm thanh ta nghe được xung quanh chính là món quà quý báu của thiên nhiên ban tặng. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Chúng ta hãy lắng nghe những âm thanh xung quanh để không uổng phí món quà quý báu từ thiên nhiên diệu kì, để cảm nhận rõ hơn về cuộc sống giàu màu sắc.*

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Hạnh phúc*.

2.3. Viết

Viết được bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo.

3. Vận dụng

Ghi lại được các từ ngữ gọi tả âm thanh có trong bài “Hãy lắng nghe”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Lời bài hát hoặc audio bài hát “Bạn ơi hãy lắng nghe” (nếu có).
- Audio âm thanh trong tự nhiên (VD: *Tiếng gió, tiếng sóng, tiếng chim,...* – nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “náo nức, tí tách,...”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Giấy màu.
- Từ điển Tiếng Việt.
- Từ điển thành ngữ, tục ngữ (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Hãy lắng nghe

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, nghe audio hoặc đọc lời bài hát “Bạn ơi hãy lắng nghe” và ghi lại cảm xúc của em vào giấy màu. (Gợi ý: <i>Âm thanh trong tự nhiên đầy sức sống, làm lòng vui vẻ,...</i>) – HS gấp máy bay giấy, phi máy bay để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Hãy lắng nghe”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>khắc khoải; ngái ngủ; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu miêu tả cảnh, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Tiếng con chim tu hú/ báo hiệu mùa hè khắc khoải,/ con chim vút vọt/ gọi mưa giữa khi trời trong sáng,/ con cu cườm/ đánh thức những buổi trưa im vắng/ đầy ngái ngủ.//;</i> • <i>Bạn ơi,/ nếu bạn lắng nghe,/ bạn sẽ tìm ra được bao điều mới lạ,/ giống như được nghe một bản hoà nhạc,/ mỗi âm thanh của mỗi cây đàn/ đều mang cá tính riêng của mình.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “náo nức, tí tách,...”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Cách tả tiếng sóng, tiếng gió, tiếng mưa ở đoạn đầu có gì thú vị? (Gợi ý: <i>Tiếng gió, tiếng sóng, tiếng mưa được tả bằng cảm nhận rất tinh tế: Tiếng gió trên bãi mía là tiếng xào xạc nhẹ nhẹ của không gian, tiếng gió trên trà lúa là tiếng thì thầm của ẩm no; tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá cần cù suốt ngày này qua tháng khác; tiếng mưa rào rào như bước chân người đi vội.</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng audio đã chuẩn bị.) 2. Tiếng của mỗi loài chim được nhắc đến ở đoạn đầu được tả bằng những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Tiếng của mỗi loài chim được nhắc đến ở đoạn đầu được tả bằng những từ ngữ:</i> • <i>Tiếng con chim tu hú khắc khoải.</i> • <i>Tiếng con chim vút vút gọi mưa.</i> • <i>Tiếng con cu cườm đánh thức những buổi trưa im vắng đầy ngái ngủ.</i> • <i>Tiếng con cuốc gõ vào mùa hè buồn thắm.</i> • <i>Tiếng con chim sơn ca hát véo von, lanh lút, rộn rã.</i> Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng audio đã chuẩn bị.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Những âm thanh thú vị trong tự nhiên.</i> 3. “Tiếng của thiên nhiên, của quê hương” được tả ở đoạn 2 gợi cho em cảm xúc gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>“Tiếng của thiên nhiên, của quê hương” được tả ở đoạn 2 gợi cho em cảm xúc rộn rã, náo nức, vui tươi bởi những âm thanh sinh động,...</i>) 4. Tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì đến người đọc qua đoạn 3? (Gợi ý: <i>Tác giả muốn nhắn nhủ rằng mỗi một âm thanh xung quanh ta đều mang vẻ đẹp, nét độc đáo riêng, tất cả hoà vào nhau tạo nên âm thanh tươi đẹp của cuộc sống.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Khuyến chúng ta hãy lắng nghe để không uổng phí món quà quý báu từ thiên nhiên diệu kì.</i> 5. Em thích âm thanh nào được tả trong bài? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Em thích tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá, vì âm thanh đó nghe rất thanh bình, sáng khoái,...</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được âm thanh em thích trong bài và lí do em thích.	
--	--	--

→ Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, náo nức.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả âm thanh, đặc điểm, trạng thái của sự vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 1: <i>Hãy lắng nghe/ <u>tiếng gió trên bãi mía.</u>// Đó là tiếng <u>xào xạc nhẹ</u>/ của không gian.// Hãy lắng nghe/ <u>tiếng gió trên trà lúa,</u>/ đó là tiếng <u>thì thầm</u> của <u>ám no.</u>// <u>Tiếng sóng</u> vỗ vào <u>ghềnh đá</u>/ <u>cần cù suốt ngày này sang tháng khác.</u>// <u>Tiếng mưa rào rào</u>/ như <u>bước chân người đi vội.</u>// <u>Tiếng con chim tu hú</u>/ báo hiệu mùa hè <u>khắc khoải</u>,/ <u>con chim vút vút</u>/ <u>gọi mưa giữa khi trời trong sáng</u>,/ <u>con cu cườm</u>/ <u>đánh thức</u> những <u>buổi trưa im vắng</u>/ <u>đầy ngái ngủ.</u>// <u>Con cuốc</u>/ gõ vào mùa hè <u>buồn thảm</u> bao nhiêu/ thì <u>con chim sơn ca</u> <u>hót véo von</u>,/ <u>lạnh lót</u>,/ <u>rộn rã</u> bấy nhiêu...//</i> <i>Hãy lắng nghe/ <u>tiếng của thiên nhiên</u>,/ <u>của quê hương</u>/ <u>cứ reo lên</u>,/ <u>hát lên</u> hằng ngày quanh ta.// <u>Cây cỏ</u>,/ <u>chim muông</u>,/ <u>cả tiếng mưa</u>,/ <u>tiếng nắng</u>,.../ lúc nào cũng <u>thầm thì</u>,/ <u>lao xao</u>,/ <u>náo nức</u>,/ <u>tí tách</u>,...//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 1 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 1 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Hạnh phúc*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm hiểu từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với từ “hạnh phúc” (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1a. – HS thực hiện nhóm 4 theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: + <i>Từ đồng nghĩa: sung sướng, vui sướng, mãn nguyện,...</i> + <i>Từ có nghĩa trái ngược: bất hạnh, đau khổ, tuyệt vọng,...</i> – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 1b. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm được từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa với từ “hạnh phúc”. – Đặt được câu với từ “hạnh phúc”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm hiểu nghĩa của các từ chứa tiếng “phúc” (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2a. – HS hoạt động nhóm nhỏ, tra từ điển để thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: <i>phúc hậu, phúc lợi, phúc đức, phúc lộc.</i>) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp, kết hợp giải nghĩa một số từ. – HS xác định yêu cầu của BT 2b. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm được từ chứa tiếng “phúc” có nghĩa là “tốt lành, may mắn”. – Đặt được câu với hai từ đã tìm được. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.3. Tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ có nội dung nói về những biểu hiện của gia đình hạnh phúc (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3a. – HS thảo luận nhóm đôi, sử dụng từ điển để thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: <i>Trên thuận, dưới hoà; Kính già, yêu trẻ; Chị ngã, em nâng; Trong ấm ngoài êm.</i>) – HS chơi trò chơi <i>Ai nhanh tay hơn?</i> để chia sẻ kết quả trước lớp: Chia số HS trong lớp thành sáu nhóm. Sau khi tìm hiểu nghĩa của thành ngữ, đại diện mỗi nhóm dán thẻ câu có ghi đáp án đúng lên bảng. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất là nhóm chiến thắng. – HS xác định yêu cầu của BT 3b. – HS làm bài cá nhân vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để hiểu thành ngữ, tục ngữ có nội dung nói về gia đình hạnh phúc. – Đặt được câu với một thành ngữ, tục ngữ tìm được. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết đoạn văn chia sẻ niềm vui khi làm được một việc tốt (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em sẽ chia sẻ về việc làm nào? + Việc đó xảy ra vào lúc nào? Ở đâu? + Cảm xúc của em khi làm được việc tốt như thế nào? + ... – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trước lớp theo kĩ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn chia sẻ niềm vui của em khi làm được một việc tốt. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài viết số 2)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý – HS đọc và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:	Viết được bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích	

+ Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại gì? (Đáp án: <i>Kể chuyện.</i>) + Đề bài yêu cầu kể câu chuyện gì? (Đáp án: <i>Một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích.</i>) + Em sẽ thêm vào chi tiết nào để thể hiện sự sáng tạo? – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS có thể xem lại dàn ý đã làm để ghi nhớ các ý chính. – HS thực hành viết bài văn vào VBT. – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.	đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo.	
3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi bài trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại các từ ngữ gợi tả âm thanh có trong bài “Hãy lắng nghe”.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học và chủ điểm.	Ghi lại được các từ ngữ gợi tả âm thanh có trong bài “Hãy lắng nghe” dựa vào hướng dẫn của GV.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

CHỦ ĐIỂM 4: CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ

Chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của mối quan hệ giữa cá nhân và những người xung quanh, biết trân trọng tình cảm của người thân, bạn bè, xóm giềng,...; biết sống đoàn kết, nghĩa tình,... Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; tôn trọng và đối xử bình đẳng với mọi người xung quanh; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân với cộng đồng, xã hội*...

BÀI 1: TIẾNG RAO ĐÊM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Kể được về một việc làm của bạn bè, người thân,... để giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Anh thương binh đã không ngại nguy hiểm lao vào đám cháy và cứu một gia đình.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh của anh thương binh.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng kết từ.

2.3. Viết

Nhận diện được bài văn kể chuyện sáng tạo (kể lại bằng lời của một nhân vật).

3. Vận dụng

Kể lại được câu chuyện “Tiếng rao đêm” cho người thân.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Hình ảnh, video clip về sự gắn kết của mọi người trong cộng đồng.
- Tranh, ảnh về một số việc làm giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Người ta lần tìm” đến hết.

2. Học sinh

Tranh, ảnh về một số việc làm giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn của bạn bè, người thân,... (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Tiếng rao đêm

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – HS xem hình ảnh, video clip về sự gắn kết của mọi người trong cộng đồng, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em. – HS bày tỏ suy nghĩ về tên chủ điểm “Cộng đồng gắn bó”. (Gợi ý: <i>Sự gắn kết, tương trợ lẫn nhau giữa bạn bè, hàng xóm, cộng đồng,...</i>) → Giới thiệu chủ điểm: “Cộng đồng gắn bó”. * Giới thiệu bài – HS hoạt động nhóm, kể về một việc làm của bạn bè, người thân,... để giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn mà em biết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). (Gợi ý: <i>Nội dung việc làm, thời gian, địa điểm, người thực hiện, cảm xúc sau khi tham gia hoạt động,...</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Tiếng rao đêm”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>tĩnh mịch; thăm thiết; đen nhẻm; thất thần;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Tiếng rao đều đều,/ khàn khàn/ kéo dài trong đêm khuya tĩnh mịch,/ nghe buồn não ruột.//;</i> • <i>Trong ánh lửa,/ tôi thấy một bóng người cao,/ gầy,/ khập khiễng/ chạy tới ngôi nhà cháy,/ xô cánh cửa đổ rầm.//;</i> • <i>Rời từ trong nhà,/ vãn cái bóng cao,/ gầy,/ khập khiễng ấy/ lom khom như đang che chở vật gì,/ phóng thẳng ra đường.//;...</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>tĩnh mịch</i> (yên lặng và vắng vẻ, không có những biểu hiện hoạt động); <i>thất thần</i> (mất hết tinh thần do quá sợ hãi);... + Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “não ruột”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “ra đường”. • Đoạn 3: Tiếp theo đến “cái chân gỗ”. • Đoạn 4: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: Câu hỏi phụ: Tác giả nghe thấy âm thanh gì vào mỗi đêm? Âm thanh ấy như thế nào? (Gợi ý: <i>Tác giả nghe thấy tiếng rao bán bánh giò. Âm thanh đều đều, khàn khàn, kéo dài trong đêm, buồn não ruột.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu âm thanh tiếng rao đêm.</i> 1. Đám cháy xảy ra vào lúc nào? Ở đâu? (Gợi ý: <i>Đám cháy xảy ra ở ngôi nhà đầu hẻm vào giữa đêm khuya.</i>) 2. Người bán bánh giò đã làm những gì khi phát hiện ra đám cháy? Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào? (Gợi ý: <i>Khi phát hiện ra đám cháy, người bán bánh giò đã la lên để báo động, sau đó xông vào ngôi nhà đang bốc cháy phùng phùng để phá cửa, cứu đứa bé ra ngoài → Dũng cảm quên mình, cứu sống cả một gia đình.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Người bán bánh giò đã phát hiện ra đám cháy, báo hiệu và xông vào cứu người.</i> 3. Những chi tiết nào gây bất ngờ cho mọi người? (Gợi ý: <i>Chi tiết gây bất ngờ: Phát hiện người bán bánh giò đeo một cái chân gỗ, tìm thấy trong túi áo của anh một tấm thẻ thương binh.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>tung tích</i> (nghĩa trong bài: thông tin cá nhân của một người); <i>thương binh</i> (người lính bị thương trong khi chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu);... → Rút ra ý đoạn 3: <i>Mọi người phát hiện ra người bán bánh giò đeo một cái chân gỗ.</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được suy nghĩ của em về ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân đối với cộng đồng.	

4. Câu chuyện gợi ra cho em những suy nghĩ gì về ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân đối với cộng đồng? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Mỗi công dân đều cần có ý thức bảo vệ cộng đồng, có tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi khó khăn, hoạn nạn,...</i>) → Rút ra ý đoạn 4: <i>Mọi người bất ngờ vì người bán bánh giò là một thương binh.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. 5. Đặt một tên khác cho bài đọc và giải thích lí do em chọn tên đó. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Chọn tên “Người thương binh dũng cảm” vì người thương binh trong câu chuyện đã dũng cảm cứu sống một gia đình,...</i>) → Rút ra ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng chậm rãi, hơi trầm.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc của các nhân vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 4: <i>Người ta/ <u>lần tìm tung tích</u> nạn nhân.// Anh công an lấy ra từ <u>túi áo</u> nạn nhân/ <u>một mớ giấy tờ</u>.// Ai nấy <u>bàng hoàng</u>/ khi thấy trong xấp giấy một tấm <u>thẻ thương binh</u>.// Bấy giờ/ người ta mới để ý tới <u>chiếc xe đạp</u>/ <u>nằm lẩn lóc</u> ở góc tường/ và những chiếc bánh giò <u>tung toé</u>...// <u>Thì ra</u>/ người <u>bán bánh giò</u>/ là <u>một thương binh</u>.// <u>Chính anh</u>/ đã <u>phát hiện</u> ra đám cháy,/ đã <u>báo động</u>/ và <u>cứu</u> một gia đình.//</i> <i>Vừa lúc đó,/ chiếc xe cấp cứu <u>ào tới</u>/ chở nạn nhân đi...//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 4 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 4 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết tóm tắt câu chuyện bằng 4 – 5 câu.</i> – HS kể tóm tắt câu chuyện trong nhóm 3, sau đó làm bài cá nhân vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Viết được tóm tắt câu chuyện bằng 4 – 5 câu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về kết từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Luyện tập sử dụng kết từ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS chơi trò chơi <i>Ai nhanh? Ai đúng?</i> để thực hiện yêu cầu: HS làm bài vào VBT, mười HS làm nhanh và đúng nhất là người chiến thắng. (Đáp án: <i>a. của, như, và.</i> <i>b. nhưng, vì, và, để, của.</i>) – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được kết từ phù hợp thay cho ☼. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm kết từ phù hợp thay cho ☼ (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm 4: Mỗi HS thực hiện một yêu cầu. (Gợi ý: <i>a. và; b. như; c. của, và; d. Với/ Bằng, và.</i>) – HS chơi trò chơi <i>Truyền điện</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm được kết từ phù hợp cho mỗi câu văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Thay ☼ bằng từ ngữ phù hợp (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm 3 theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> : Mỗi HS thực hiện một yêu cầu. (Gợi ý: <i>a. xem phim/ nghe nhạc/...</i> <i>b. biết thêm nhiều điều thú vị/...</i> <i>c. Nhà xuất bản Kim Đồng/ nhà văn Trần Hoài Dương/...</i>)	– Tìm từ ngữ phù hợp để hoàn chỉnh mỗi câu văn. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp.	

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Đặt câu có sử dụng kết từ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS viết câu vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Đặt được 2 – 3 câu giới thiệu về một bài thơ mà em thích, trong đó có sử dụng kết từ. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Xác định các sự việc chính của truyện (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc truyện “Sự tích hoa bìm bịp” và bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu. – HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện yêu cầu của BT, kết hợp hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT (có thể sử dụng <i>Phiếu học tập</i> để hỗ trợ HS học nhóm). (Gợi ý: a. Cách bạn Hương Thu kể lại câu chuyện: + Bạn xưng là “tôi” khi kể chuyện. + Khi đặt mình vào vai nhân vật: • Lời nói: <i>Cháu thích lắm, nhất là màu tím ạ!</i> • Ý nghĩ: <i>Nếu những đám mây có màu xanh thì thật tuyệt!</i> • Hành động: <i>Vươn mình đón những tia nắng đầu tiên; cố vươn mình lên để nhìn ngắm; rụt rè (trả lời); nói lời cảm ơn cô tiên rồi vươn lên cao; tự nhủ sẽ dùng những viên ngọc này vào việc có ích; dành tặng anh mướp viên ngọc màu vàng; ghé thăm mấy chị mào gà sắp nở hoa; ...</i> • Tình cảm, cảm xúc: <i>Hân hoan; sung sướng; vui sướng ngẩng đầu lên; ...</i> Lưu ý: GV có thể cho HS thực hiện theo kỹ thuật <i>Mảnh ghép</i>.	– Hợp tác với bạn để xác định được các sự việc chính của truyện. – Phát triển kỹ năng phân tích nội dung đoạn văn để nhận diện điểm giống và khác nhau giữa hai cách kể chuyện thông qua hai bài viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Hợp tác với bạn để rút ra ghi nhớ về cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách mượn lời của nhân vật trong truyện.	

+ Những lời nói, ý nghĩ, hành động,... đó phù hợp với nhân vật bạn mượn lời để kể, vì bạn đã đặt mình vào nhân vật và chọn những lời nói, ý nghĩ, hành động, ... của riêng bìm bịp. b. So sánh hai bài viết: + Người kể chuyện: • Truyện “Sự tích hoa bìm bịp”: Không rõ người kể chuyện. • Bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu: Người kể chuyện là hoa bìm bịp. + Nội dung của câu chuyện: Truyện “Sự tích hoa bìm bịp” và bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu có nội dung giống nhau (cùng giải thích lí do vì sao hoa bìm bịp có màu tím). + Ý nghĩa của câu chuyện: Truyện “Sự tích hoa bìm bịp” và bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu có ý nghĩa giống nhau (cùng ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách mượn lời một nhân vật trong câu chuyện. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.		
3.2. Tìm ý cho bài văn kể lại câu chuyện bằng lời nhân vật (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi trong nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: + Có thể mượn lời nhân vật cô tiên, mướp, hoặc mào gà để kể lại câu chuyện. + Khi kể cần chú ý cách xưng hô, thể hiện lời nói, ý nghĩ, hành động, ... phù hợp với nhân vật.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS làm bài vào VBT. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để tìm ý cho bài văn kể lại câu chuyện bằng lời nhân vật, rút ra được những lưu ý khi mượn lời nhân vật để kể lại câu chuyện. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Kể lại câu chuyện “Tiếng rao đêm” cho người thân.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: HS có thể quay video clip khi thực hiện hoạt động và chia sẻ	– Kể lại được câu chuyện “Tiếng rao đêm” cho người thân	

cùng bạn, kết hợp phiếu đánh giá của người thân sau khi nghe HS kể chuyện. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	dựa vào hướng dẫn của GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: MỘT NGÀY Ở ĐÊ BA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Giới thiệu được về một trung tâm hoặc một nhà văn hoá dành cho thiếu nhi mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp thiên nhiên và cảnh sinh hoạt của người dân ở Đê Ba*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên ở Đê Ba và cuộc sống đầm ấm, thanh bình, gắn kết của người dân nơi đây*.

2.2. Nói và nghe

Trao đổi ý kiến được với người thân theo chủ đề *Chung tay vì cộng đồng*.

2.3. Viết

Tìm được ý, lập được dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.

3. Vận dụng

Kể được tên và nêu được ý nghĩa của 1 – 2 hoạt động cộng đồng ở nơi em sống.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “khung cử dật vãi”.
- Tranh, ảnh, video clip về một số hoạt động cộng đồng (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh, video clip về trung tâm hoặc một nhà văn hoá dành cho thiếu nhi (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về hoạt động cộng đồng ở nơi em sống (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Một ngày ở Đê Ba

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, giới thiệu về một trung tâm hoặc một nhà văn hoá dành cho thiếu nhi mà em biết dựa vào gợi ý: + Tên trung tâm hoặc nhà văn hoá (Gợi ý: <i>Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh; ...</i>) + Địa chỉ (Gợi ý: <i>36 Lê Quý Đôn, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; ...</i>) + Hoạt động chính (Gợi ý: <i>Phát hiện, bồi dưỡng và phát triển năng khiếu, khả năng sáng tạo cho thiếu nhi, tổ chức thực hiện các phong trào hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; ...</i>) + ... – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Một ngày ở Đê Ba”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó, VD: <i>lượn lờ; sừng sững; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên hoặc cảnh người dân sinh hoạt: <i>Nắng nhạt dần/ làm sáng lên những cụm bông lau trong gió.// Trên những bắp ngô,/ mớ râu non trắng như cước...//</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng, ... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của	

<i>Sương lam/ nhẹ bò trên các sườn núi.// Mặt trời gác bóng,/ những tia nắng hắt lên các vòm cây...//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “khung cử dật vải”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “chiều mới về”. • Đoạn 3: Tiếp theo đến “các vòm cây...”. • Đoạn 4: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Đỉnh Đê Ba vào sáng sớm được so sánh với sự vật nào? Vì sao? (Gợi ý: <i>Sáng sớm, đỉnh Đê Ba như một hòn đảo, vì sương ở đây phủ dày như nước biển, bao quanh đỉnh núi.</i>) 2. Tác giả dùng những từ ngữ, hình ảnh nào để tả sự thay đổi của sương và nắng vào các buổi trong ngày? (Gợi ý: <i>Tác giả sử dụng các từ ngữ, hình ảnh:</i> • <i>Tả sương: Sáng sớm, sương dày đặc, lượn lờ dưới các chân núi như những dải lụa; chiều đến, sương nhẹ bò trên các sườn núi.</i> • <i>Tả nắng: Buổi trưa, nắng to nhưng không gay gắt; chiều về, nắng nhạt dần làm sáng lên những cụm bông lau trong gió; mặt trời gác bóng, những tia nắng hắt lên các vòm cây.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>tranh thủy mặc</i> (tranh vẽ về chủ đề thiên nhiên, người ta mài thỏi mực màu đen pha với nước và sử dụng bút lông để vẽ lên giấy hoặc lụa);... → Rút ra ý: <i>Thiên nhiên tươi đẹp ở Đê Ba.</i> 3. Cuộc sống, sinh hoạt của những người dân ở Đê Ba vào mỗi buổi trong ngày diễn ra như thế nào? (Gợi ý: <i>Những hoạt động của người dân ở Đê Ba: Vào buổi sáng và trưa, thanh niên ra rừng gỡ bắp gà, bắt chim; phụ nữ quây quần giặt giũ bên những giếng nước mới đào; các em nhỏ đùa vui trước nhà sàn; các cụ già trong làng chụm đầu bên những ché rượu cần; các bà, các chị sửa soạn khung cử dật vải;</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu cảm nhận của em về cuộc sống, sinh hoạt của người dân ở Đê Ba.	

<i>đồng bào đi làm ruộng, làm rẫy tập thể. Vào buổi tối, lớp thanh niên ca hát, nhảy múa.)</i> 4. Nêu cảm nhận của em về cuộc sống, sinh hoạt của người dân ở Đê Ba. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Cuộc sống, sinh hoạt của người dân ở Đê Ba thật thanh bình, ban ngày, mọi người đều làm việc, tối đến, mọi người quây quần ca hát để xua tan mệt mỏi,...</i>) → Rút ra ý: <i>Cuộc sống của người dân ở Đê Ba.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, thông thả, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của thiên nhiên và hoạt động của người dân vào buổi sáng sớm ở Đê Ba, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 1: <i>Sáng sớm,/ sương phủ <u>dày như nước biển</u>./ <u>Đỉnh Đê Ba</u> nổi lên <u>như một hòn đảo</u>./ Sương tan dần./ Các chóp núi <u>lần lượt hiện lên</u>./ Sương <u>lượn lờ</u> dưới các chân núi <u>như những dải lụa</u>./ Cả thung lũng/ như <u>một bức tranh thủy mặc</u>./ Làng mới định cư/ <u>bừng lên</u> trong nắng sớm./ Những <u>sinh hoạt đầu tiên</u> của một ngày/ bắt đầu./ Thanh niên ra rình gõ <u>bẫy gà</u>,/ <u>bẫy chim</u>./ Phụ nữ <u>quây quần</u> giặt giũ/ bên những giếng nước <u>mới đào</u>./ Các em nhỏ <u>đùa vui</u> trước nhà sàn./ Các cụ già trong làng/ <u>chụm đầu</u> bên <u>những ché rượu cần</u>./ Các bà,/ các chị/ <u>sửa soạn</u> khung cửi dệt vải./</i> – HS luyện đọc lại đoạn 1 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 1 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Nói và nghe: Trao đổi ý kiến với người thân Chung tay vì cộng đồng

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Xác định đề tài trao đổi (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc lời các nhân vật. – HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trả lời câu hỏi. (Gợi ý: <i>a. Bạn Dũng xin phép bố mẹ tham gia một số hoạt động thiện nguyện chủ đề Thắp sáng ước mơ.</i> <i>b. Bố mẹ không phản đối nhưng họ cho rằng bạn cần phải suy nghĩ kĩ vì nếu tham gia hoạt động này, bạn sẽ phải cắt hoặc giảm thời gian của các hoạt động khác.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để xác định được đề tài trao đổi. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Đóng vai, thực hiện cuộc trao đổi ý kiến với người thân (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm để hình dung các khó khăn và đề xuất các phương án giải đáp cho bố mẹ. (Gợi ý: + Chưa có nhiều kinh nghiệm về việc tham gia các hoạt động thiện nguyện → Đọc sách, tham khảo kinh nghiệm từ thầy cô, bạn bè,... + Tốn nhiều thời gian → Sắp xếp lại thời gian biểu hợp lí. + Khó tập trung vào việc học → Hoàn thành BT trước khi tham gia các hoạt động.) – HS thực hành đóng vai theo kĩ thuật <i>Lẩu băng chuyên</i> dựa trên các tiêu chí: + Nội dung phù hợp, thuyết phục. + Kết hợp yếu tố phi ngôn ngữ (ánh mắt, hành động, cử chỉ,...). + Trình bày tự tin, mạch lạc. + ... – 2 – 3 nhóm HS đóng vai trước lớp. – HS bình chọn phần đóng vai yêu thích nhất dựa vào các tiêu chí đã đặt ra. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Đóng vai được theo yêu cầu. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi đóng vai trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kĩ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Luyện tập tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu đề bài và xác định câu chuyện (03 phút) – HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: <i>Kể chuyện.</i>) + Đề bài yêu cầu kể câu chuyện gì? (Đáp án: <i>Câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích.</i>) + Em cần lưu ý gì khi kể lại câu chuyện? (Gợi ý: <i>Kể lại bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.</i>) – 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu đề bài. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài.	
3.2. Tìm ý cho bài văn (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS làm bài cá nhân vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, có thể ghi chép kết quả thảo luận bằng sơ đồ đơn giản vào vở nháp hoặc <i>Phiếu học tập</i> . – HS nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa từ ngữ, mở rộng, phát triển ý, hoàn thiện phần ghi chép. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng ghi chép tóm tắt các ý chính. – Chọn được một câu chuyện và nhân vật cần mượn lời, tìm được ý cho bài văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.3. Lập dàn ý cho bài văn (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các gợi ý. – HS dựa vào kết quả BT 1, BT 2 và các gợi ý, làm bài vào VBT hoặc vở nháp, GV lưu ý HS chọn lọc, sắp xếp ý và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ, hình ảnh, có thể trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy. (Gợi ý: + <i>Mở bài: Giới thiệu câu chuyện:</i> • Tên truyện. • Nhân vật. • ... + <i>Thân bài: Ghi lại các sự việc chính ở phần diễn biến của câu chuyện. Chọn một nhân vật trong câu chuyện, ghi lại</i>	– Phát triển kỹ năng lập dàn ý. – Lập được dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và tự điều chỉnh.	

<i>những lưu ý khi đặt mình vào vai nhân vật đó để kể lại câu chuyện.</i> + <i>Kết bài: Đặt mình vào vai nhân vật để bày tỏ tình cảm, cảm xúc với các nhân vật, sự việc.)</i> – HS tự đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý đã lập. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Kể tên và nêu ý nghĩa của 1 – 2 hoạt động cộng đồng ở nơi em sống.</i> – HS hoạt động nhóm nhỏ, kể tên và nêu ý nghĩa của 1 – 2 hoạt động cộng đồng (có thể tìm thêm thông tin trên internet, kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). (Gợi ý: + <i>Hoạt động cùng tổng vệ sinh khu phố → Bảo vệ môi trường.</i> + <i>Tổ chức “Vui Trung thu” cho các em bé trong khu phố → Tăng cường tình đoàn kết, tinh thần giao lưu và tạo niềm vui cho các em.</i> + ...) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Kể được tên và nêu được ý nghĩa của 1 – 2 hoạt động cộng đồng ở nơi em sống. – Phát triển kỹ năng tìm kiếm và chọn lọc thông tin. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: CA DAO VỀ LỄ HỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn về một lễ hội truyền thống mà em biết hoặc đã từng tham dự.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài ca dao; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Giới thiệu các lễ hội truyền thống của Việt Nam. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Khơi gợi lòng tự hào về nét đẹp của các lễ hội truyền thống của Việt Nam. Qua đó, nhắc nhở chúng ta cần ghi nhớ, giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hoá này.* Học thuộc lòng được 3 – 4 bài ca dao em thích.
- Tìm đọc được một bài thơ, đồng dao, ca dao,... về tình cảm gia đình, tình bạn, tình thầy trò, về mối quan hệ với cộng đồng, viết được *Nhật kí đọc sách*, chia sẻ được với bạn về điều tâm đắc khi đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... và giải thích được lí do.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng cặp kết từ.

2.3. Viết

Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện cho hay hơn.

3. Vận dụng

Sưu tầm được 1 – 2 bài ca dao về lễ hội; tìm hiểu được thêm thông tin về lễ hội được nhắc đến trong bài ca dao.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
 - Tranh, ảnh về các lễ hội truyền thống (nếu có).
 - Tranh, ảnh hoặc video clip về các lễ hội được nhắc đến trong bài (nếu có).
 - Bảng phụ/ máy chiếu ghi hai bài ca dao đầu.
 - Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.
2. Học sinh
- Tranh, ảnh, video clip về một lễ hội truyền thống mà em biết hoặc đã từng tham dự (nếu có).
 - Bài thơ, đồng dao, ca dao,... phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Ca dao về lễ hội

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một lễ hội truyền thống mà em biết hoặc đã từng tham dự (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). (Gợi ý:	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

<i>Lễ hội Đền Hùng, lễ hội Chùa Hương,...)</i> – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Ca dao về lễ hội”.	– Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc các bài ca dao (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng bài ca dao hoặc toàn bài, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách đọc một số bài ca dao: <i>1. Ai về Phú Thọ/ cùng ta,/</i> <i>Vui ngày Giỗ Tổ/ tháng Ba mừng mười.//</i> <i>Dù ai/ đi ngược về xuôi,/</i> <i>Nhớ về Giỗ Tổ/ mừng mười tháng Ba.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>lễ Nghinh Ông</i> (lễ hội cúng cá Ông (còn gọi là cá voi) của ngư dân các tỉnh vùng ven biển Việt Nam từ Quảng Bình trở vào các tỉnh miền Nam để cầu cho biển lặng gió hoà, ngư dân may mắn, làm ăn phát đạt, an khang);... – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các dòng thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm các bài ca dao, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Hai bài ca dao đầu tiên nói về những lễ hội nào? Mỗi lễ hội này gọi cho em nhớ về những vị vua nào? (Gợi ý: <i>Hai bài ca dao đầu tiên nói về những lễ hội: Lễ Giỗ Tổ – gọi nhớ đến các vị vua Hùng; lễ hội Trường Yên – gọi nhớ đến vua Đinh Tiên Hoàng, vua Lê Đại Hành.</i>) 2. Hội đua thuyền trong bài ca dao 3 được tổ chức ở đâu?	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài đọc.	

Cuộc đua được mô tả có gì thú vị? (Gợi ý: <i>Hội đua thuyền trong bài ca dao 3 được tổ chức ở các làng thuộc xã Thiệu Châu (nay là xã Tân Châu), huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Điểm thú vị của cuộc đua: Chèo từ làng Phú đến làng Hồng, mọi người nỗ lực hết sức mình để chèo thuyền về đích, các đội tập trung dồn sức khiến nước hai bên mái chèo bắn lên như cánh chim tung, những người trên bờ náo nhiệt không kém, họ hò reo, cổ vũ nhiệt tình để tiếp thêm sức mạnh cho các đội.</i>) 3. Lễ Nghinh Ông được miêu tả như thế nào? Lễ này thường được tổ chức ở những vùng miền nào của nước ta? (Gợi ý: <i>Lễ Nghinh Ông được miêu tả rất rộn ràng, náo nhiệt với sự tham dự của rất nhiều du khách cũng như người dân, kéo dài trong khoảng ba ngày, không khí vui tươi với đèn hoa, pháo nổ ngập sông. Lễ hội thường được tổ chức ở vùng biển.</i>) 4. Hội đua bò được tổ chức ở đâu? Quan sát tranh, nói 1 – 2 câu về không khí ngày hội. (Gợi ý: <i>Hội đua bò được tổ chức ở Châu Đốc → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Không khí ngày hội vô cùng náo nhiệt, sôi động. Mọi người hò reo cổ vũ, ...</i>) → Rút ra nội dung của bài đọc. 5. Những lễ hội được nói đến trong bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về đất nước, con người Việt Nam? (Gợi ý: <i>HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Những lễ hội được nói đến trong bài đọc giúp em biết thêm về các lễ hội ở khắp mọi miền đất nước, thêm tự hào về truyền thống, văn hoá của đất nước ta, ...</i>) → Rút ra ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Biết liên hệ bản thân: Nêu những điều hiểu thêm về đất nước, con người Việt Nam.	
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng đọc tươi vui, thông thả, tha thiết, tình cảm.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện thời gian, địa điểm, vẻ đẹp của cảnh vật, ...</i>)	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.	

– HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại hai bài ca dao đầu: 1. Ai về <u>Phủ Tho</u>/ cùng ta,/ Vui ngày <u>Giỗ Tổ</u>/ <u>tháng Ba</u> <u>mùng mười</u>.// Dù ai/ <u>đi ngược về xuôi</u>,/ Nhớ về <u>Giỗ Tổ</u>/ <u>mùng mười tháng Ba</u>.// * 2. Ai/ là con cháu <u>Rồng Tiên</u>,/ <u>Tháng Hai</u>/ mở hội <u>Trường Yên</u>/ thì về.// Về thăm đất cũ <u>Đình</u>/ <u>Lê</u>,/ Non <u>xanh</u>,/ nước <u>biếc</u>/ bốn bề <u>như xưa</u>.// – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp hai bài ca dao đầu và toàn bài (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài.	
---	---	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Cộng đồng gắn bó”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ, đồng dao, ca dao,... phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ, đồng dao, ca dao,... phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên bài thơ, đồng dao, ca dao,....: + Về tình cảm gia đình (Gợi ý: <i>Đồng dao tặng mẹ tặng ba</i> – Nguyễn Trọng Tạo, <i>Bầm ơi</i> – Tố Hữu, <i>Con yêu mẹ</i> – Xuân Quỳnh,...) + Về tình bạn, tình thầy trò (Gợi ý: <i>Buổi học cuối cùng</i> – Nguyễn Thị Mai, <i>Mây và gió</i> – Minh Huệ, <i>Gọi bạn</i> – Định Hải,...) + Về mối quan hệ với cộng đồng (Gợi ý: <i>Gà trống và cáo</i> – La Phong-ten, Nguyễn Minh lược dịch, <i>Hành trình của bầy ong</i> – Nguyễn Đức Mậu, <i>Cháu nghe câu chuyện của bà</i> – Nguyễn Văn Thắng,...) + ... – HS chuẩn bị bài thơ, đồng dao, ca dao,... để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kĩ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,...: tên bài thơ, đồng dao, ca dao,...; tên tác giả; điều tâm đắc;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao,...	Hình thành kĩ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kĩ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i>.	
1.2.3. Chia sẻ về bài thơ, đồng dao, ca dao,... đã đọc (20 phút) – HS đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... hoặc trao đổi bài thơ, đồng dao, ca dao,... cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về từ ngữ dùng hay, những điều em tâm đắc sau khi đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... và giải thích lí do. – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kĩ năng hợp tác nhóm, kĩ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về từ ngữ dùng hay, điều tâm đắc khi đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... và giải thích lí do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Ghi chép lại một đoạn trong bài thơ, đồng dao, ca dao,... (05 phút) HS có thể ghi chép lại một vài thông tin quan trọng về một bài thơ, đồng dao, ca dao,... được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên bài thơ, đồng dao, ca dao,...; tên tác giả; từ ngữ dùng hay; điều tâm đắc;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc một bài thơ, đồng dao, ca dao,... được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... – HS thực hành tìm đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kĩ năng tìm đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về kết từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Luyện tập nhận diện cặp kết từ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS chơi trò chơi <i>Ai nhanh? Ai đúng?</i> để thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>a. Hễ ... thì ...</i> <i>b. Không những ... mà ... còn ...</i> <i>c. Vì ... nên ...</i> <i>d. Tuy ... nhưng ...</i>) – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm được cặp kết từ trong mỗi câu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng cặp kết từ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS làm bài cá nhân vào VBT. (Đáp án: <i>a. Tuy ... nhưng ...</i> <i>b. Giá mà ... thì ...</i> <i>c. Nhờ ... nên ...</i>) – HS hoạt động nhóm 4, thống nhất kết quả. – HS chơi trò chơi <i>Mảnh ghép hoàn hảo</i> để chữa bài trước lớp: GV treo các thẻ câu có chừa chỗ trống trên bảng. HS dán các thẻ từ ghi cặp kết từ thích hợp vào chỗ trống. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất là nhóm chiến thắng. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được cặp kết từ phù hợp với mỗi câu. – Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm cặp kết từ nối các vế với nhau (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận nhóm 4 theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> . – HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm 4. (Gợi ý: + <i>Các cặp kết từ có thể sử dụng: Vì ... nên .../ Do ... nên .../ Nhờ ... nên .../ Nếu ... thì .../ Hễ ... thì .../...</i> + <i>Cặp kết từ Vì ... nên .../ Do ... nên .../ Nhờ ... nên ... biểu thị mối quan hệ nguyên nhân – kết quả giữa hai vế câu; cặp kết từ Nếu ... thì .../ Hễ ... thì ... biểu thị mối quan hệ điều kiện, giả thiết – kết quả giữa hai vế câu;...</i> Lưu ý: HS có thể sử dụng các cặp kết từ khác miễn hợp lý về nghĩa.)	– Tìm được cặp kết từ nối các vế với nhau và nêu được mối quan hệ về nghĩa giữa hai vế câu khi sử dụng cặp kết từ đó. – Hợp tác với bạn để chia sẻ, thống nhất kết quả.	

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu có sử dụng cặp kết từ (13 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em giới thiệu về lễ hội nào? + Em giới thiệu những gì về lễ hội đó? (Gợi ý: Thời gian, địa điểm, số người tham gia, ...) + Em sẽ sử dụng cặp kết từ nào? + ... – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 2 – 3 câu giới thiệu về một lễ hội mà em biết, trong đó có câu sử dụng cặp kết từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Trả bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài viết số 2)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe GV nhận xét chung về bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo. – HS ghi chép nhanh những ưu điểm, hạn chế, ... chung về các bài viết để rút kinh nghiệm.	Lắng nghe, nhận ra được ưu điểm, hạn chế chung.	
3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc bài viết của mình, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của GV để chỉnh sửa bài viết theo gợi ý: + Cấu tạo + Sắp xếp ý + Diễn đạt + Chính tả + ... – HS chỉnh sửa lại bài viết vào VBT (nếu cần).	Biết lắng nghe những lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết cho phù hợp.	

3.3. Viết lại đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ về những từ ngữ em có thể thay thế hoặc một số chi tiết sáng tạo có thể thêm vào để bài viết hay hơn. – HS chọn một đoạn trong bài viết của mình và viết lại cho hay hơn vào VBT. (Gợi ý: + <i>Thêm vào chi tiết tả ngoại hình của nhân vật.</i> + <i>Thêm vào lời nói, ý nghĩ, hành động,... phù hợp với sự việc.</i> + <i>Bày tỏ tình cảm, cảm xúc với nhân vật, sự việc.</i> + ...) – HS chia sẻ bài viết trước lớp theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.4. Bình chọn bài văn kể chuyện có nhiều chi tiết hấp dẫn (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS tham quan <i>Phòng tranh</i>, bình chọn bài văn kể chuyện có nhiều chi tiết hấp dẫn. – 1 – 2 HS chia sẻ lí do bình chọn trước lớp. – HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, tham gia đóng góp ý kiến. – Chia sẻ được với bạn lí do bình chọn bài văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Sưu tầm 1 – 2 bài ca dao về lễ hội.</i> – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Tìm hiểu thêm thông tin về lễ hội được nhắc đến trong bài ca dao.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà trước buổi học một tuần. – HS có thể thiết kế thành trang giới thiệu và trưng bày ở lớp theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – 1 – 2 HS giới thiệu trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Sưu tầm được 1 – 2 bài ca dao về lễ hội và tìm hiểu thông tin về lễ hội được nhắc đến trong bài ca dao. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: NGÀY XUÂN PHỐ CÁO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Cùng bạn trao đổi được về nội dung tranh minh hoạ bài đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp thiên nhiên của Phố Cáo vào mùa xuân*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm của tác giả trước khung cảnh thiên nhiên quá đổi nên thơ và cuộc sống thanh bình ở bản Lán Xì, xã Phố Cáo*.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng kết từ.

2.3. Viết

Viết được bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.

3. Vận dụng

Chia sẻ được với người thân những điều thú vị ở Phố Cáo vào ngày xuân.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về bản Lán Xì, xã Phố Cáo (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Mùa này” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

Tranh, ảnh hoặc video clip về ngày xuân ở xã Phố Cáo (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Ngày xuân Phố Cáo

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Ô bi</i> hoặc <i>Băng chuyền</i>, chia sẻ phán đoán về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Tranh vẽ cảnh ở khu vực miền núi, vào mùa xuân; cảnh vật trong tranh rất đẹp, rất nên thơ, rực sắc vàng của hoa; ...</i>) – 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Ngày xuân Phố Cáo”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>bảng lảng; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, miêu tả vẻ đẹp của cảnh: • <i>Khói đốt rơm rạ buổi chiều/ dường như khiến khung cảnh trở nên gần gũi.//;</i> • <i>Xa xa,/ những dãy sa mộc xanh thẫm/ đang vươn dọc bầu trời/ như tường thành hiên ngang/ che chở cho bản làng xứ núi.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “bùng sắc nắng”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “bản làng xứ núi”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng, ... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên ở bản Lán Xi vào ngày xuân. (Gợi ý: <i>Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên ở bản Lán Xi vào ngày xuân: Nương cái mào hoa nở vàng tươi khắp lối đi, màu nâu của đất mới, gió xuân mang khói trắng về trời, dãy núi như đang nằm lặng chờ thời khắc lộc biếc chồi non bừng sắc nắng,...</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Vẻ đẹp của thiên nhiên Phố Cáo vào ngày xuân.</i> 2. Những đôi thông và những dãy sa mộc được tả có gì đẹp? (Gợi ý: <i>Những đôi thông và những dãy sa mộc được tả theo nét riêng: Khói đốt bốc lên làm mờ nhoè, băng lạnh cả những đôi thông chọc thẳng bầu trời; dãy sa mộc xanh thẫm đang vươn dọc bầu trời như tường thành hiên ngang che chở cho bản làng xứ núi.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Vẻ đẹp của những đôi thông và những dãy sa mộc.</i> 3. Tìm trong đoạn 3 những hình ảnh làm nên sự yên bình của bản Lán Xi? (Gợi ý: <i>Những hình ảnh làm nên sự yên bình của bản Lán Xi:</i> • <i>Thiên nhiên: Củ cải đã to tướng nằm vùi xuống đất nâu, trở mình nhô lên đón nắng xuân hiền hoà; vài đụn rơm đã chất cao hơn cả bờ rào đá; chẳng rõ là mây hay là khói đang bay ngang tay.</i> • <i>Con người: Vài người đàn ông đang lo dắt bò cày xới; một người đàn bà cúi húi đốt nương.</i> → Giải nghĩa từ: <i>thên thang</i> (nghĩa trong bài: không bị bó hẹp về thời gian, không gian);... → Rút ra ý đoạn 3: <i>Khung cảnh thiên nhiên hoà với cảnh người dân sinh hoạt yên bình.</i> 4. Đặt một tên khác cho bài đọc và giải thích lí do em chọn tên đó. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Chọn tên “Khung cảnh phố núi” vì bài văn miêu tả khung cảnh bản làng phố núi thanh bình,...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	
---	--	--

1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, tình cảm, tha thiết.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm cảnh vật, hoạt động, trạng thái của con người, cảm xúc của tác giả, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Mùa này,/ củ cải đã to tướng/ nằm yui xuống đất nâu,/ rồi trở mình/ nhô lên đón nắng xuân hiền hoà.// Vài người đàn ông đang lo dất bò cày xới.// Một người đàn bà lúi húi đốt nương.// Cạnh nhà,/ vài đụn rơm/ đã chất cao hơn cả bờ rào đá.// Thỉnh thoảng,/ tôi cũng chẳng rõ là mây hay là khói/ đang bay ngang tay mình.// Khung cảnh cứ yên bình đến thế,/ nhẹ nhàng đến thế.// Tôi chỉ muốn ngồi lại bên hiên căn nhà vắng,/ nhìn ngắm mãi buổi chiều thênh thang.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
---	---	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Luyện tập về kết từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Luyện tập sử dụng kết từ (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>và, của.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để chọn kết từ phù hợp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Luyện tập sử dụng cặp kết từ (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: <i>a. Tuy (Mặc dù, Cho dù) ... nhưng ...</i>	– Hợp tác với bạn để tìm cặp kết từ phù hợp thay thế cho hai 🌀.	

<i>b. Nếu ... thì .../ Vì (Nhờ) ... nên ...</i> <i>c. Nếu ... thì ...)</i> – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt câu với cặp kết từ cho trước (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS nói câu nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS chơi trò chơi <i>Đoàn tàu kì thú</i>: Chia số HS trong lớp thành tám nhóm. Mỗi HS viết câu vào thẻ, xếp các thẻ thành hình các toa tàu lửa. Nhóm nào có đoàn tàu dài nhất là nhóm chiến thắng. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đặt được câu có sử dụng cặp kết từ. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu về ngày xuân ở xã Phố Cáo (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trả lời 1 – 2 câu hỏi để nhớ lại nội dung của bài “Ngày xuân Phố Cáo”, nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 2 – 3 câu về ngày xuân ở xã Phố Cáo, trong đó có sử dụng ít nhất một cặp kết từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài viết số 3)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý – HS đọc và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại gì? (Đáp án: <i>Kể chuyện.</i>) + Đề bài yêu cầu kể câu chuyện gì? (Đáp án: <i>Một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích.</i>) + Em cần lưu ý gì khi kể chuyện? (Đáp án: <i>Kể lại bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.</i>) – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS có thể xem lại dàn ý đã làm để ghi nhớ các ý chính.	Viết được bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.	

– HS thực hành viết bài văn vào VBT. – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.		
3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi bài trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Chia sẻ với người thân những điều thú vị ở Phố Cáo vào ngày xuân.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách tìm hiểu thông tin về ngày xuân ở xã Phố Cáo trước buổi học khoảng một tuần. – HS hoạt động nhóm nhỏ, nhớ lại nội dung của bài “Ngày xuân Phố Cáo”, ghi lại các thông tin chính bằng sơ đồ đơn giản (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Phát triển kĩ năng tóm tắt thông tin. – Chia sẻ được với người thân về những điều thú vị ở Phố Cáo vào ngày xuân dựa vào hướng dẫn của GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: NHỮNG LÁ THU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Kể được tên 2 – 3 việc làm thể hiện sự quan tâm đến người cao tuổi.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bức thư của bác Ao-ki đã giúp cho cụ Ya-e-nô không còn cảm thấy cô đơn. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình cảm đáng quý, đáng trân trọng giữa những con người trong cùng một cộng đồng.*

2.2. Luyện từ và câu
 Luyện tập sử dụng đại từ và kết từ.

2.3. Viết
 Nhận diện được đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.

3. Vận dụng
 Đóng được vai cụ Ya-e-nô trong truyện “Những lá thư” để nói lời cảm ơn khi đọc xong bức thư do bác Ao-ki viết.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. Giáo viên**
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
 - Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Thế rồi” đến hết.
 - Tranh, ảnh về bộ phim hoạt hình “Bữa bồi thần kì” và nhân vật Pi-ka-chu (nếu có).
 - Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- 2. Học sinh**
- Tranh, ảnh về việc làm thể hiện sự quan tâm đến người cao tuổi (nếu có).
 - Tranh, ảnh, video clip về nhân vật em thích trong một bộ phim hoạt hình đã xem (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Những lá thư

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Phóng viên nhí</i> theo nhóm nhỏ, kể tên 2 – 3 việc làm thể hiện sự quan tâm đến người cao tuổi. (Gợi ý: <i>Thăm hỏi các cụ già trong viện dưỡng lão; quan tâm, chăm sóc cho ông bà; ...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Những lá thư” .	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>Mát-xu-đa Ya-e-nô; Ao-ki Dai-ki-chi; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Kể từ đó,/ cứ tới nhà cụ Ya-e-nô phát thư,/ bác lại dùng bữa/ và nói chuyện với bà cụ.//;</i> • <i>Nhìn thấy tên người gửi là/ Ao-ki Dai-ki-chi,/ cụ vội vàng mở phong bì,/ rút lá thư ra.//;</i> • <i>Từ mắt cụ Ya-e-nô,/ những giọt nước mắt đã rơi.//</i> <i>Bác Ao-ki ngượng ngùng nhìn cụ.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “mới về”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “của bưu điện”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (25 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Hoàn cảnh của cụ Ya-e-nô có gì đặc biệt? (Gợi ý: <i>Cụ Ya-e-nô đã lớn tuổi, sống một mình ở rìa làng.</i>) 2. Kể lại cuộc trò chuyện giữa cụ Ya-e-nô và bác Ao-ki vào lần đầu tiên bác đến phát thư. (Gợi ý: Khuyến khích HS kể lại cuộc trò chuyện bằng lời của mình, VD: <i>Bác bưu tá vừa đánh tiếng: “Cụ ơi, cụ có thư!” thì cụ Ya-e-nô từ trong nhà bước ra. Vừa gặp bác bưu tá, cụ Ya-e-nô đã mời bác vào nhà dùng trà. Cụ mang rất nhiều món ra để đãi khách. Bác Ao-ki ăn đến khi no mới ra về.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Cuộc trò chuyện giữa cụ Ya-e-nô và bác Ao-ki vào lần đầu gặp nhau.</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được suy nghĩ của em về mỗi nhân vật trong truyện.	

3. Vì sao cụ Ya-e-nô thường viết thư gửi cho mình? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Cụ Ya-e-nô thường viết thư gửi cho mình vì cụ sống một mình, rất cô đơn nên viết thư để tự đem lại niềm vui cho bản thân, giúp cụ tìm được người để trò chuyện và cảm thấy lúc nào cũng có người quan tâm, nhớ đến cụ,...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: Niềm vui của cụ Ya-e-nô. 4. Việc làm của bác Ao-ki sau khi trò chuyện với đồng nghiệp có ý nghĩa gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Việc làm của bác Ao-ki sau khi trò chuyện với đồng nghiệp nói lên rằng bác Ao-ki rất đồng cảm, thương cụ Ya-e-nô và muốn giúp cụ không còn cảm thấy cô đơn nữa,...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Việc làm ý nghĩa của bác Ao-ki.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. 5. Em có suy nghĩ gì về mỗi nhân vật trong truyện? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Cụ Ya-e-nô rất cô đơn, cụ cũng rất thân thiện và mến khách. Bác Ao-ki rất dễ thương, có trách nhiệm với công việc; nhờ đồng cảm, bác đã giúp cụ Ya-e-nô không còn thấy cô đơn nữa,...</i>) → Rút ra ý nghĩa của bài đọc. (Lưu ý: GV có thể nói thêm về nguồn của tác phẩm: Truyện được trích trong tuyển tập tác phẩm đoạt giải “Giải thưởng truyện đồng thoại JXTG” lần thứ 48.) – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng chậm rãi, thông thả.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật,...</i>) + Lời bác Ao-ki đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng vui vẻ, tình cảm.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Thế rồi,/ hôm sau,/ bác Ao-ki tới chỗ cụ Ya-e-nô.//</i> <i>– Cụ ơi,/ cụ có thư!//</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>Cụ Ya-e-nô đi ra,/ về mặt <u>lấy làm lạ</u>.// Hôm nay/ <u>chắc hẳn</u> không có thư tới cơ mà...//</i> <i>Nhìn thấy tên người gửi là/ <u>Ao-ki Đại-ki-chi</u>,/ cụ <u>vội vàng</u> mở phong bì,/ rút lá thư ra.//</i> <i>“Cháu chào cụ Ya-e-nô.// Lúc nào cháu cũng được <u>uống trà</u>/ và <u>ăn món ngon</u> của cụ.// Món ăn cụ làm <u>ngon lắm</u>.// Từ giờ,/ cho cháu lại được <u>tiếp tục làm phiên</u> cụ.// Cụ nhớ <u>giữ gìn sức khỏe</u>/ để <u>sống thật lâu</u>/ cụ nhé!”.//</i> <i>Từ mắt cụ Ya-e-nô,/ những giọt nước mắt <u>lã chã rơi</u>.// Bác Ao-ki <u>ngượng ngùng</u> nhìn cụ.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
1.4. Cùng sáng tạo (10 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Viết 4 – 5 câu giới thiệu truyện “Những lá thư”.</i> – HS làm bài cá nhân vào VBT. – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Trang trí đoạn viết của em.</i> – HS trang trí đoạn viết và chia sẻ trong nhóm theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Viết được 4 – 5 câu giới thiệu truyện “Những lá thư”. – Trang trí bài làm phù hợp với nội dung. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ và kết từ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm và nêu tác dụng của kết từ (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn. – HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu: Mỗi HS tìm và nêu tác dụng của kết từ trong một câu. (Đáp án:	– Hợp tác với bạn để tìm và nêu tác dụng của kết từ trong câu.	

+ <i>bởi</i> → nói “hai màu chủ đạo” với “được dệt”. + <i>và</i> → nói “màu xanh biêng biếc” với “màu vàng ươm”. + <i>như</i> → nói “nặng” với “vàng ươm”. + <i>còn</i> → nói “được điểm” với “bức tranh đơn sắc ấy”. + <i>bởi</i> → nói “màu trắng của cánh cò hoặc màu đen bóng mượt của đàn trâu ra đồng sớm” với “được điểm”. + <i>của</i> → nói “cánh cò” với “màu trắng”; “đàn trâu ra đồng sớm” với “màu đen bóng mượt”.) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Chữa lỗi lặp từ trong đoạn văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn. – HS hoạt động nhóm đôi, chỉ ra lỗi lặp từ. (Đáp án: <i>cá đuôi cò</i>.) – HS thảo luận nhóm đôi theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: <i>Thay cụm từ “cá đuôi cò”:</i> + Ở câu 2, 4 bằng đại từ: <i>nó</i>. + Ở câu 5 bằng danh từ dùng để xưng hô: <i>bạn/ cậu</i>. + Ở câu 7 bằng đại từ xưng hô: <i>tôi/ tớ</i>.) – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để chữa lỗi lặp từ trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu có sử dụng kết từ (13 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trả lời 1 – 2 câu hỏi để nhớ lại nội dung của bài “Những lá thư”. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Phóng viên nhí</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 3 – 4 câu giới thiệu một nhân vật trong bài đọc “Những lá thư”, trong đó có sử dụng kết từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp.	

TIẾT 4

Viết: Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu cấu tạo đoạn văn giới thiệu một nhân vật (13 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn. – HS thảo luận trong nhóm 4: Mỗi HS trả lời một câu hỏi. (Gợi ý: a. Đoạn văn giới thiệu nhân vật <i>Pi-ka-chu</i>. b. Câu văn đầu tiên cho biết <i>Pi-ka-chu</i> là nhân vật trong bộ phim “<i>Bừu bối thần kì</i>”. c. Các câu văn tiếp theo giới thiệu đặc điểm ngoại hình, tính cách, đặc trưng,... của nhân vật. d. Câu cuối đoạn văn nói về ý nghĩa của nhân vật. Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu. – Phát triển kĩ năng phân tích nội dung đoạn văn để nhận diện cấu tạo đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Chia sẻ về nhân vật em thích trong phim hoạt hình (17 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý: + Em đã xem bộ phim hoạt hình nào? + Em muốn chia sẻ về nhân vật nào trong phim? + Lí do em thích nhân vật đó? + ... (Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Chia sẻ được về nhân vật em thích trong một bộ phim hoạt hình đã xem. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi chia sẻ trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Đóng vai cụ Ya-e-nô trong truyện “Những lá thư” để nói lời cảm ơn khi đọc xong bức thư do bác Ao-ki viết.</i>	– Đóng vai được theo yêu cầu.	

– HS hoạt động nhóm đôi, thực hành đóng vai và nói lời cảm ơn. (Lưu ý: GV hướng dẫn HS chú ý sử dụng cử chỉ, điệu bộ, giọng nói phù hợp.) – 1 – 2 nhóm HS thực hành đóng vai trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: NGÔI NHÀ CHUNG CỦA BUÔN LÀNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được với bạn điều em biết về những ngôi nhà ở Tây Nguyên.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Biết thêm thông tin về nhà rông ở Tây Nguyên cũng như các giá trị về văn hoá, sinh hoạt cộng đồng của người dân Tây Nguyên.*

2.2. Nói và nghe

Giới thiệu được về một hoạt động cộng đồng.

2.3. Viết

Tìm được ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.

3. Vận dụng

Sưu tầm được tranh, ảnh về một hoạt động cộng đồng của đồng bào Tây Nguyên; nói được 1 – 2 câu về hoạt động của con người trong tranh, ảnh đã sưu tầm.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về nhà rông ở Tây Nguyên (nếu có).

- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “cồng, chiêng, ché,...”.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về hoạt động cộng đồng (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về một hoạt động cộng đồng (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về nhân vật trong phim hoạt hình em thích (nếu có).
- Hình ảnh, video clip về một hoạt động cộng đồng của đồng bào Tây Nguyên.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Ngôi nhà chung của buôn làng

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, nói với bạn điều em biết về những ngôi nhà ở Tây Nguyên. (Gợi ý: <i>Nhà ở Tây Nguyên chủ yếu là nhà sàn; mỗi dân tộc có thiết kế nhà sàn khác nhau; hầu hết nhà được xây dựng bởi người dân trong làng; vật liệu tạo nên nhà sàn đều là vật liệu tự nhiên đơn sơ như tre, nứa, tranh và dây mây; ...</i>) Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.) – HS xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Ngôi nhà chung của buôn làng”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV hoặc HS khá, giỏi đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó, VD: <i>nhà gươl</i>;... + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện vẻ đẹp, ý nghĩa của nhà rông: • <i>Nóc nhà gươl của người Cơ-tu/ tạc hình hai con gà trống đang vươn cổ gáy,/ hoặc hình hai con trâu đực/ nằm nói đuôi nhau.//;</i> • <i>Cuộc sống có nhiều đổi thay,/ nhưng nhà rông,/ nhà gươl/ vẫn là nơi nuôi dưỡng,/ neo đậu tình cảm quê nhà,/ nơi gắn kết cộng đồng,/ nơi quyện hoà cùng thiên nhiên/ của bà con các dân tộc Tây Nguyên.//;...</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “cồng, chiêng, ché,...”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “quả bầu đựng nước,...”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Hai đoạn đầu giới thiệu những gì về nhà rông của đồng bào Tây Nguyên? (Gợi ý: <i>Hai đoạn đầu cho biết nhà rông tọa lạc ở trung tâm buôn làng, là không gian sinh hoạt chung, nơi tổ chức lễ hội, tiếp đón khách quý,... Đây cũng là nơi lưu giữ báu vật, của cải chung của buôn làng.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu một số thông tin về nhà rông.</i> 2. Tìm những hình ảnh miêu tả nhà rông của các dân tộc Tây Nguyên. • Gia-rai (Gợi ý: <i>Mái nhà rông như một lưỡi rìu khổng lồ hướng lên trời xanh, trên đầu cầu thang tạc hình quả bầu đựng nước.</i>) • Ba-na (Gợi ý: <i>Nhà rông cao lớn, sừng sững, nóc nhà được trang trí bằng dải hoa tiết chính là hình cây rau dớn.</i>) • Cơ-tu (Gợi ý: <i>Nóc nhà tạc hình hai con gà trống đang vươn cổ gáy, hoặc hình hai con trâu đực nằm nối đuôi nhau.</i>) • Gié-Triêng (Gợi ý: <i>Trên đầu cầu thang chạm hình nùm chiêng, hình mũi thuyền.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Nhà rông của mỗi dân tộc Tây Nguyên đều có nét đặc trưng riêng.</i> 3. Đoạn cuối của bài đọc nói lên điều gì? (Gợi ý: <i>Dù trải qua bao năm tháng, nhà rông vẫn là nơi có ý nghĩa quan trọng, thiêng liêng đối với bà con các dân tộc ở Tây Nguyên.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Sự gắn kết giữa nhà rông với thiên nhiên, cộng đồng người dân Tây Nguyên.</i> 4. Tóm tắt nội dung của mỗi đoạn văn bằng một câu. (Gợi ý: <i>Nội dung của mỗi đoạn văn:</i> • Nhà rông ở Tây Nguyên tọa lạc ở trung tâm buôn làng.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Phát triển kỹ năng tóm tắt thông tin.	

• Nhà rông là không gian sinh hoạt chung, nơi tổ chức lễ hội, tiếp đón khách quý và lưu giữ báu vật, của cải chung của buôn làng. • Mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có cách tạo dáng và trang trí hoa văn nhà rông riêng biệt. • Nhà rông có ý nghĩa quan trọng đối với đồng bào ở Tây Nguyên.) → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ công dụng của nhà rông, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 1: <i>Đồng bào Tây Nguyên thường có <u>ngôi nhà chung</u>,/ gọi là “<u>nhà rông</u>”/ hoặc “<u>nhà gươl</u>”,/ <u>uy nghi</u>/ <u>toạ lạc ở trung tâm</u> <u>buôn làng</u>./</i> <i>Nhà rông được xây dựng bằng <u>trí tuệ</u>,/ <u>tâm sức</u>/ và <u>đôi tay tài hoa</u> của <u>cả cộng đồng</u>./ <i>Đây/ là không gian <u>sinh hoạt chung</u>,/ nơi tổ chức <u>lễ hội</u>,/ tiếp đón <u>khách quý</u>,...// Đây/ cũng là nơi <u>lưu giữ báu vật</u>,/ <u>của cải chung</u> của <u>buôn làng</u>,/ như <u>cồng</u>,/ <u>chiêng</u>,/ <u>ché</u>,...//</i></i> – HS luyện đọc lại đoạn 1 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 1 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Nói và nghe: Giới thiệu về một hoạt động cộng đồng

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Giới thiệu về một hoạt động cộng đồng (23 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.		

– HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ (có thể sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – HS chơi trò chơi <i>Em là hướng dẫn viên</i> để giới thiệu trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét phần giới thiệu theo các tiêu chí: + Nội dung giới thiệu. + Trình tự giới thiệu. + Hình thức giới thiệu (tốc độ, âm lượng nói; yếu tố phi ngôn ngữ,...). + Sử dụng phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu. + ...	– Phát triển kỹ năng sắp xếp ý, nói thành đoạn, bài theo chủ đề; kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được nội dung nói của mình và của bạn dựa trên các tiêu chí đã đưa ra.	
2.2. Trao đổi về ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, nói về ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. – Mỗi nhóm HS trình bày một ý nghĩa tìm được trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong phim hoạt hình (13 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chia sẻ được về một nhân vật em thích dựa trên các gợi ý. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

3.2. Ghi lại các ý chính cho đoạn văn (17 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS làm bài cá nhân vào VBT (khuyến khích HS ghi chép bằng các từ ngữ vắn tắt). – HS chia sẻ bài viết trước lớp theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS tham quan <i>Phòng tranh</i>, nghe bạn chia sẻ về các ý muốn viết trong đoạn văn. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Ghi lại được các ý chính cho đoạn văn. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Sưu tầm tranh, ảnh về một hoạt động cộng đồng của đồng bào Tây Nguyên</i>. – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà trước buổi học khoảng một tuần: + Sưu tầm tranh, ảnh theo đề bài. + Tìm hiểu thêm một vài thông tin về hoạt động cộng đồng đó (có thể tìm kiếm trên internet). – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Nói 1 – 2 câu về hoạt động của con người trong tranh, ảnh đã sưu tầm</i>. – HS hoạt động nhóm nhỏ, nói về hoạt động của con người trong tranh, ảnh đã sưu tầm. – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Sưu tầm được tranh, ảnh về một hoạt động cộng đồng của đồng bào Tây Nguyên. – Phát triển kỹ năng tìm kiếm và chọn lọc thông tin. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 7: DÁNG HÌNH NGỌN GIÓ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được về điểm thú vị của hình ảnh gió trong đoạn thơ.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những việc làm âm thầm của gió đã giúp ích bao điều cho cuộc sống này.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi những người ngày đêm âm thầm cống hiến công sức cho cộng đồng, quê hương, đất nước.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bài văn về một lễ hội, về mối quan hệ cộng đồng, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về hình ảnh đẹp, câu văn sinh động.

2.2. Luyện từ và câu

Biết cách sử dụng từ ngữ trong câu văn, đoạn văn.

2.3. Viết

Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện cho hay hơn.

3. Vận dụng

Viết được 2 – 3 câu về gió, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về gió (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi ba khổ thơ cuối.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Bài văn phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Hình ảnh về sự gắn bó giữa các thành viên trong tổ hoặc lớp em (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Dáng hình ngọn gió

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi về hình ảnh gió hiện lên trong đoạn thơ. (Gợi ý: <i>Gió đi khắp nơi, làm việc chăm chỉ không nghỉ,...</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Dáng hình ngọn gió”.	– Hợp tác với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa	

	vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn, cả bài, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó, VD: <i>oi bức; lượn; ...</i> + Cách đọc một số câu thơ miêu tả hoạt động của gió: <i>Gió/ khô ô muối trắng/</i> <i>Gió/ đẩy cánh buồm đi/</i> <i>Gió/ chẳng bao giờ mệt!//</i> <i>Nhưng/ đổ ai biết được/</i> <i>Hình dáng gió/ thế nào.//; ...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba. • Đoạn 3: Hai khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút)		
– HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Trong khổ thơ đầu, căn nhà của gió được miêu tả bằng hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Căn nhà của gió được miêu tả bằng hình ảnh “bầu trời rộng thênh thang”, “chân trời như cửa ngõ”.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Miêu tả ngôi nhà của gió.</i> 2. Nét đáng yêu của gió được thể hiện trong khổ thơ 2 và 3 như thế nào? (Gợi ý: <i>Nét đáng yêu của gió được thể hiện qua các hành động: Hát rầm rì trong vòm lá, dạo nhạc lao xao trên sóng biển, nép vào vành nón, quạt dịu những ngày hè oi bức.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ. – Biết liên hệ bản thân: Nói được 2 – 3 câu về gió theo hình dung của em.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Nét đáng yêu, hồn nhiên của gió.</i> 3. Nêu suy nghĩ, cảm nhận của em về những việc làm của gió được nhắc đến trong bài. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Gió luôn âm thầm làm việc, đem lại những điều có ích cho cuộc sống;...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Gió đem lại những điều có ích cho cuộc sống.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. 4. Từ những hình ảnh nhân hoá trong bài thơ, nói 2 – 3 câu về gió theo hình dung của em. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Gió giống như một cô gái xinh đẹp và tài năng. Cô gái ấy biết đánh đàn, biết hát, biết làm dịu những trưa hè nắng nóng. Cô cũng luôn chăm chỉ làm những điều có ích cho cuộc sống;...</i>) → Rút ra ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng đọc trong sáng, tha thiết.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, đặc điểm, hoạt động của các sự vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc ba khổ thơ cuối: <i>Những ngày hè/ <u>oi bức</u>/</i> <i>Cứ tưởng/ <u>gió đi đâu</u>/</i> <i>Gió/ <u>nép</u> vào vành nón/</i> <i>Quạt <u>dịu</u>/ trưa ve sầu.//</i> <i>Gió/ còn <u>lượn</u> lên cao/</i> <i>Vượt <u>sông dài</u>/ <u>biển rộng</u>/</i> <i>Công <u>nước</u>/ làm mưa rào/</i> <i>Cho/ <u>xanh tươi</u> đồng ruộng.//</i> <i>Gió/ <u>khô</u> ô muối trắng/</i> <i>Gió/ <u>đẩy</u> cánh buồm đi/</i> <i>Gió/ <u>chẳng</u> bao giờ mệt!//</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	

<i>Nhưng/ đối ai biết được/ Hình dáng gió/ thế nào.//</i> – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp ba khổ thơ cuối và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Cộng đồng gắn bó”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc bài văn – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài văn phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên bài văn: + Về một lễ hội (Gợi ý: <i>Hội vật – Kim Lân, Rước đèn ông sao – Nguyễn Thị Ngọc Tú, Hội đua voi ở Tây Nguyên – Lê Tấn,...</i>) + Về mối quan hệ cộng đồng (Gợi ý: <i>Buổi sáng mùa hè trong thung lũng – Hoàng Hữu Bội, Miền Tây gặt lúa – Nguyễn Minh Châu, Đường đi Sa Pa – Nguyễn Phan Hách,...</i>) + ... – HS chuẩn bị bài văn để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên bài văn; tên tác giả; hình ảnh đẹp; câu văn sinh động;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc (20 phút) – HS đọc bài văn hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin.	

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về những hình ảnh đẹp, câu văn sinh động trong bài văn đã đọc. – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Ghi chép về bài văn được bạn chia sẻ (05 phút) HS có thể ghi chép lại một vài thông tin quan trọng về một bài văn được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên bài văn; tên tác giả; câu văn có hình ảnh đẹp; câu văn có sử dụng biện pháp nghệ thuật hay;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
1.2.5. Đọc bài văn được bạn chia sẻ mà em thích – HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài văn. – HS thực hành tìm đọc bài văn ở nhà. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kỹ năng tìm đọc bài văn được bạn chia sẻ.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập sử dụng từ ngữ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ đa nghĩa (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1a. – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để thực hiện yêu cầu trước lớp. (Đáp án: <i>Nghĩa 1 là nghĩa gốc, nghĩa 2, 3 là nghĩa chuyển.</i>) – HS xác định yêu cầu của BT 1b. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để xác định được nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ. – Đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc và một nghĩa chuyển của từ “lưng”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chơi trò chơi <i>Mảnh ghép hoàn hảo</i> để thực hiện yêu cầu: Chia số HS trong lớp thành bốn nhóm. Các nhóm dán thẻ có ghi từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong đoạn văn. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất là nhóm chiến thắng. (Đáp án: <i>trong veo, chói chang, mang, quỳên, mận mòi, ban tặng.</i>) – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được từ ngữ phù hợp nhất để thay cho ☼. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm từ đồng nghĩa với từ cho trước (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: + <i>gắn bó, kết đoàn, đùm bọc,...</i> + <i>thân tình, thân ái, thân thương,...</i>) – HS chơi trò chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được 2 – 3 từ đồng nghĩa với từ cho trước. – Hợp tác với bạn để chia sẻ, thống nhất kết quả. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu nói về sự gắn bó giữa các thành viên trong tổ hoặc lớp em (13 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Tổ hoặc lớp em có bao nhiêu thành viên? + Sự gắn bó giữa các thành viên như thế nào? + Em sẽ sử dụng từ nào tìm được ở BT 3? + ... (Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị.) – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được 3 – 4 câu nói về sự gắn bó giữa các thành viên trong tổ hoặc lớp em, trong đó có sử dụng từ tìm được ở BT 3. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Trả bài văn kể chuyện sáng tạo (Bài viết số 3)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe GV nhận xét chung về bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó. – HS ghi chép nhanh những ưu điểm, hạn chế,... chung về các bài viết để rút kinh nghiệm.	Lắng nghe, nhận ra được ưu điểm, hạn chế chung.	
3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc bài viết của mình, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của GV để chỉnh sửa bài viết theo gợi ý: + Cấu tạo + Ngôi kể + Dùng từ + Viết câu + ... – HS chỉnh sửa lại bài viết vào VBT (nếu cần).	Biết lắng nghe những lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết cho phù hợp.	
3.3. Viết lại đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ về những từ ngữ có thể thay thế, cảm xúc của nhân vật hoặc một số chi tiết sáng tạo có thể thêm vào để bài viết hay hơn. – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài viết trước lớp theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i> . – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết lại được đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện cho hay hơn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.4. Bình chọn bài văn kể chuyện hay (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS tham quan <i>Phòng tranh</i> , bình chọn bài văn kể chuyện hay theo các tiêu chí: + Bài văn kể chuyện giàu cảm xúc.	– Bình chọn được bài văn hay dựa vào các tiêu chí đã có.	

+ Bài văn kể chuyện hấp dẫn. – 1 – 2 HS chia sẻ lí do bình chọn trước lớp. – HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Chia sẻ được với bạn lí do bình chọn bài văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết 2 – 3 câu về gió, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Viết được 2 – 3 câu về gió, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 8: TỪ NHỮNG CÁNH ĐỒNG XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Giới thiệu được mỗi đồ vật bằng 1 – 2 câu.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Từ những cánh đồng xanh, có hàng trái qua nhiều công đoạn xử lí thú vị để trở thành sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi sự thanh bình của cảnh vật và nét đẹp lao động của con người.*

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Cộng đồng*.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.

3. Vận dụng

Trao đổi được với bạn suy nghĩ, cảm xúc của em về ý nghĩa của những sản phẩm làm từ cỏ bàng đối với cuộc sống.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về các sản phẩm làm từ cỏ bàng; cánh đồng cỏ bàng, cảnh người dân thu hoạch cỏ bàng (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Cũng giống như thu hoạch lúa” đến “của người dân”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Từ điển thành ngữ, tục ngữ (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về nhân vật trong phim hoạt hình (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Đọc: Từ những cánh đồng xanh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh và giới thiệu về mỗi đồ vật. (Gợi ý: <i>Đây là những sản phẩm làm từ cỏ (thường gọi là cói). Vì thế, các sản phẩm này rất thân thiện với môi trường;...</i>) – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Từ những cánh đồng xanh”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>tắm tấp; giữ; bà con chòm xóm; ...</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài, miêu tả cảnh vật, hoạt động của con người: • <i>Đến Tân Hoà Thành/ vào những ngày tháng Tám,/ chúng tôi bắt gặp những cánh đồng cỏ bàng/ xanh ngút ngàn.//;</i> • <i>Dưới ánh nắng,/ những hạt nước sáng lấp lánh tung lên/ làm sáng bừng gương mặt của các “vũ công”.//;</i> • <i>Sau khi phơi khô/ rồi giã cho tôi,/ nhờ bàn tay khéo léo/ cùng sự sáng tạo của con người,/ cỏ được đan thành đệm,/ túi,/ nón,.../ để phục vụ thị trường trong nước/ và xuất khẩu.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “thu hoạch cỏ”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “của người dân”. • Đoạn 3: Tiếp theo đến “xuất khẩu”. • Đoạn 4: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tìm trong đoạn văn đầu hình ảnh nói lên vẻ đẹp của cánh đồng cỏ bàng vào mùa thu hoạch. (Gợi ý: <i>Hình ảnh nói lên vẻ đẹp của cánh đồng cỏ bàng: Những cánh đồng cỏ bàng xanh ngút ngàn.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu thời điểm thu hoạch cỏ bàng.</i> 2. Trong quá trình thu hoạch, công đoạn nào được gọi là “vũ điệu giữ cỏ”? Theo em, vì sao tác giả lại gọi như vậy? (Gợi ý: <i>Công đoạn giữ cỏ được gọi là “vũ điệu giữ cỏ”, vì ở công đoạn này, hàng chục nắm cỏ đồng loạt được giữ mạnh, theo tay người tung xoè ra như múa, lúc này, những người nông dân chẳng khác gì những vũ công đang biểu diễn tiết mục đặc sắc của mình.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Giới thiệu các công đoạn thu hoạch cỏ bàng, nổi bật là “vũ điệu giữ cỏ”.</i> Câu hỏi phụ: Cỏ bàng có thể được làm thành những sản phẩm nào? (Gợi ý: <i>Cỏ được đan thành đệm, túi, nón,...</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Phát triển kĩ năng tóm tắt thông tin.	

→ Rút ra ý đoạn 3: <i>Sản phẩm làm từ cỏ bàng được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.</i> 3. Tìm trong bài đọc những chi tiết nói về vẻ đẹp của những người nông dân trong lao động. (Gợi ý: <i>Chi tiết nói về vẻ đẹp của những người nông dân trong lao động: Người dân cắt và xếp cỏ bàng; thực hiện “vũ điệu giữ cỏ”; chất cỏ lên thuyền để vận chuyển về làng; bà con chòm xóm háo hức cùng nhau ra đồng, cùng nhau san sẻ công việc trong chân tình, cởi mở.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>thị trường</i> (nơi thường xuyên tiêu thụ hàng hoá); <i>xuất khẩu</i> (đưa hàng hoá ra nước ngoài để buôn bán, kinh doanh);... → Rút ra ý đoạn 4: <i>Vẻ đẹp lao động của người nông dân.</i> 4. Tìm đoạn văn tương ứng với mỗi nội dung sau: • Giới thiệu những cánh đồng cỏ bàng. (Đáp án: <i>Đoạn 1.</i>) • Làm sản phẩm từ cỏ. (Đáp án: <i>Đoạn 3.</i>) • Niềm vui của bà con nông dân. (Đáp án: <i>Đoạn 4.</i>) • Thu hoạch và vận chuyển cỏ. (Đáp án: <i>Đoạn 2.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, tươi vui.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động của con người, hình ảnh so sánh, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Cũng giống như thu hoạch lúa,/ họ dùng liềm <u>cắt từng nắm cỏ</u>/ rồi xếp thành hàng <u>đều tăm tắp</u> trên mặt ruộng.// <u>Thú vị nhất</u> trong các công đoạn thu hoạch/ chính là “<u>vũ điệu giữ cỏ</u>”.// Như <u>hẹn trước</u>,/ hàng chục nắm cỏ/ <u>đồng loạt</u> được <u>giữ mạnh</u>,/ theo tay người tung <u>xoè ra như múa</u>.// Dưới ánh nắng,/ những hạt nước <u>sáng lấp lánh</u> tung lên/ làm <u>sáng bừng</u> gương mặt của các “<u>vũ công</u>”.// Cỏ cắt và giữ xong/ được <u>phân thành từng loại</u> ngắn dài/ rồi <u>cột thành từng bó</u>,/ chuyển ra bờ kênh.// Từ đây,/ chúng được <u>chất lên thuyền</u>/ <u>chở về làng</u>,/ mang theo <u>niềm vui</u> được mùa của người dân.//</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Cộng đồng*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm hiểu nghĩa của từ “cộng đồng” (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1a. – HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>Những người sống thành một xã hội, gắn bó thành một khối.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 1b. – HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: + <i>đỡ đần, giúp đỡ, hỗ trợ, ...</i> + <i>kết đoàn, đùm bọc, chia sẻ, ...</i>) – HS chơi trò chơi <i>Xây nhà</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được đúng nghĩa của từ “cộng đồng”. – Tìm được từ ngữ theo chủ đề cho trước. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ nói về sự quan tâm, gắn bó (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2a. – HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về ý nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ. (Đáp án: <i>Lá lành đùm lá rách; Nhường cơm sẻ áo; Mối hở, răng lạnh.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 2b. – HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, mở rộng câu. – HS làm bài vào VBT. – HS chơi trò chơi <i>Truyền điện</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được thành ngữ, tục ngữ nói về sự quan tâm, gắn bó giữa mọi người trong cộng đồng. – Đặt được câu với một thành ngữ, tục ngữ tìm được. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.3. Viết đoạn văn nói về một việc em hoặc bạn bè đã làm để giúp đỡ người khác (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em hoặc bạn bè đã làm gì để giúp đỡ người khác? + Việc làm ấy xảy ra vào lúc nào? Ở đâu? + Cảm xúc của em hoặc bạn bè sau khi giúp đỡ người khác như thế nào? + ... – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn nói về một việc em hoặc bạn bè đã làm để giúp đỡ người khác. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	--	--

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý – HS đọc và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết đoạn văn gì? (Đáp án: <i>Đoạn văn giới thiệu một nhân vật.</i>) + Đề bài yêu cầu giới thiệu nhân vật nào? (Đáp án: <i>Giới thiệu nhân vật em thích trong một bộ phim hoạt hình.</i>) + Em sẽ giới thiệu những gì về nhân vật đó? – HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần). – HS dựa vào kết quả BT 2, trang 139 (<i>Tiếng Việt 5, tập một</i>), thực hành viết đoạn văn vào VBT (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip về nhân vật đã chuẩn bị). – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nhận xét bài làm của bạn dựa vào các tiêu chí gợi ý. – 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	Viết được đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.	

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS tự đọc lại và chỉnh sửa bài viết theo góp ý của bạn và GV. – HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Cùng bạn trao đổi: Bài đọc “Từ những cánh đồng xanh” gợi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì về ý nghĩa của những sản phẩm làm từ cỏ bàng đối với cuộc sống?</i> – HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: + <i>Đem lại sự no ấm cho người nông dân.</i> + <i>Tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường.</i> + <i>Tự hào về một trong những sản phẩm vươn tầm quốc tế của Việt Nam.</i> + ...) – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.	– Nêu được suy nghĩ, cảm xúc của em về ý nghĩa của những sản phẩm làm từ cỏ bàng đối với cuộc sống. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Tuần *Ôn tập cuối học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn luyện kiến thức tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã hình thành qua các chủ điểm “Chung sống yêu thương” và “Cộng đồng gắn bó” kết hợp với kiểm tra, đánh giá cuối học kì I.

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Tranh ảnh SGK phóng to, video clip về buổi chiều ở làng quê (nếu có).
- Tranh, ảnh về hoa mướp, nước giếng trong, hàng cau, vòng khoai lang (nếu có).

2. Học sinh

Giấy màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (03 phút)		
– HS xem video clip về buổi chiều ở làng quê → chia sẻ cảm xúc của em. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Cảm nhận và chia sẻ cảm xúc, liên tưởng gợi ra khi xem video clip.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS bắt thăm, đọc và trả lời câu hỏi trên phiếu đọc trong nhóm 4. – HS nghe bạn nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ: + Đọc đoạn từ đầu đến “xoè cánh ấp con” và trả lời câu hỏi: • Khu vườn chiều thu được tả bằng những màu sắc nào? (Đáp án: <i>Khu vườn chiều thu được tả bằng nhiều màu sắc: Màu xanh nhưng của lá mía, màu vàng rực</i>	– Ôn luyện kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp với đọc hiểu. – Đọc to, rõ ràng, đúng nhịp thơ; giọng trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả. – Nhận xét được cách đọc của mình và của	

<i>của hoa mướp cuối mùa, màu trong lẻo của nước giếng, màu xanh thăm thẳm của trời chiều, màu nắng vàng như tơ, màu chiều vàng rọi.)</i> - Những âm thanh trong vườn thu gợi cho em cảm giác gì? (Đáp án: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Những âm thanh trong vườn thu (tiếng lá múa quạt vào mái rạ lao xao như ai ngã nón chào, tiếng chiều vàng rọi) gợi cho em cảm giác cảnh vật thật đẹp; cảnh vật và con người rạo rực, náo nức, xôn xao trong chiều thu; cuộc sống nơi quê hương tác giả thật trù phú, đầm ấm;...)</i> → Giải nghĩa từ: <i>trong lẻo</i> (rất trong, trong đến mức nhìn đến tận đáy, không có một chút gợn, vẩn); <i>vàng rọi</i> (màu vàng ngời sáng, rực rỡ, đều khắp);... + Đọc đoạn từ “Hoa mướp” đến hết và trả lời câu hỏi: - Hai câu thơ: “Vòng khoai lang xoè lá ra nằm sười/ Cùng với mẹ gà xoè cánh ấp con.” giúp em hình dung điều gì về cuộc sống ở quê hương tác giả? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Hai câu thơ: “Vòng khoai lang xoè lá ra nằm sười/ Cùng với mẹ gà xoè cánh ấp con.” giúp em hình dung cuộc sống ở quê hương tác giả rất đầm ấm, thanh bình;...)</i> - Bài thơ thể hiện tình cảm gì của tác giả đối với quê hương? (Gợi ý: <i>Bài thơ thể hiện tình yêu, niềm tự hào của tác giả với quê hương.</i>) → Xác định giọng đọc toàn bài, nhịp thơ, từ ngữ cần nhấn giọng. – HS có thể đổi phiếu đọc cho bạn để tiếp tục ôn luyện (nếu còn thời gian). – 2 – 3 nhóm HS đọc và trả lời câu hỏi trước lớp. → Rút ra nội dung bài đọc: <i>Cảnh vật quê hương trong buổi chiều thật nên thơ và tình cảm yêu quý, tự hào về quê hương của tác giả.</i> – HS nghe GV và bạn nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.	bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Hiểu nội dung bài đọc trên cơ sở trả lời câu hỏi đọc hiểu.	
2. Trao đổi về hình ảnh em thích (12 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.	– Trao đổi được với bạn về những hình ảnh so	

– HS gấp máy bay giấy, ghi một hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá có trong bài thơ vào thân máy bay, phi máy bay để chia sẻ chung cả lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	- sánh, nhân hoá trong bài. – Tích cực tham gia trò chơi phi máy bay để tìm hiểu ý kiến của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS thi đọc thuộc lòng một khổ thơ em thích trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Tranh, ảnh, video clip về một vườn rau hoặc vườn hoa (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Từ điển Tiếng Việt.
- Tranh, ảnh về một vườn rau hoặc vườn hoa (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (03 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Xây nhà</i>: Chia số HS trong lớp thành bốn nhóm. Mỗi nhóm tìm các từ đồng nghĩa với từ “cần cù” rồi viết vào thẻ từ. Nhóm nào tìm được nhiều từ nhất là nhóm chiến thắng. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Tìm được các từ đồng nghĩa với từ “cần cù”.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện về từ đồng nghĩa (04 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – 1 – 2 HS thực hiện yêu cầu a trước lớp. (Đáp án: <i>siêng năng – chuyên cần.</i>) – HS hoạt động nhóm đôi, trao đổi về tác dụng của việc sử dụng cặp từ đồng nghĩa. (Gợi ý: <i>Sử dụng từ đồng nghĩa có thể tránh được việc lặp từ; nhấn mạnh đặc điểm của sự vật được nói đến.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được cặp từ đồng nghĩa trong đoạn thơ và nêu được tác dụng của việc sử dụng cặp từ đồng nghĩa đó. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa (07 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Mảnh ghép và Khăn trải bàn</i>: + 1/2 số nhóm trong lớp thực hiện yêu cầu a. (Gợi ý: • <i>xuyên/ chiếu/ len lỏi/...</i> • <i>tạo/ kết/ biến/...</i>) + 1/2 số nhóm trong lớp thực hiện yêu cầu b. (Gợi ý: • <i>nóng bức/ nóng nực/ nóng như đổ lửa/...</i> • <i>giá rét/ rét buốt/ rét căm căm/...</i>) – 2 – 3 nhóm HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ đồng nghĩa theo yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
3. Ôn luyện về từ đa nghĩa (09 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS tìm các từ tương ứng với mỗi nghĩa theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: a. <i>bờ vai rộng, khoác túi lên vai, đau vai,...</i> b. <i>vai áo, áo hở vai,...</i>) – HS chơi trò chơi <i>Chuyển hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đặt được câu có từ “vai” với mỗi nghĩa cho trước. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
4. Ôn luyện viết đoạn văn có sử dụng từ đồng nghĩa (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em sẽ tả vườn rau hay vườn hoa?	– Viết được đoạn văn tả một vườn rau hoặc vườn hoa, trong đó có dùng	

+ Cảnh vật ở đó có gì đẹp? + Em sẽ sử dụng các từ đồng nghĩa chỉ màu sắc hay hương thơm? + ... – HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – HS đổi vở trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn. – 1 – 2 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	2 – 3 từ đồng nghĩa chỉ màu sắc hoặc hương thơm. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
C. VẬN DỤNG (02 phút)		
– HS trưng bày kết quả BT 4 theo kĩ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS tham quan <i>Phòng tranh</i>, bình chọn đoạn văn mà mình thích. – 1 – 2 HS chia sẻ lí do bình chọn trước lớp. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Bình chọn được đoạn văn em thích và nêu lí do bình chọn. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ, đại từ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Tranh, ảnh của bài đọc “Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc”.
- Thẻ câu cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

Mô hình micro hoặc vật thật (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS trả lời 1 – 2 câu hỏi để nhớ lại nội dung bài “Quà sinh nhật”. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Nhớ lại được nội dung bài “Quà sinh nhật” để kết nối với nội dung tiết ôn tập.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện về từ loại (10 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm nhỏ, chơi trò chơi <i>Ong về tổ</i>: Mỗi nhóm xếp các từ vào nhóm thích hợp. Nhóm nào hoàn thành nhanh và đúng nhất là nhóm chiến thắng. (Đáp án: + <i>Danh từ</i>: vườn, ao, ổi, măng, quả, hoa. + <i>Động từ</i>: dẫn, vít, phát hiện, nổ. + <i>Tính từ</i>: xa, trắng muốt, dày, giòn, thơm. + <i>Đại từ</i>: tớ, tôi.) – Mỗi nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Xếp được các từ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp. – Cùng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
2. Ôn luyện sử dụng đại từ (07 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>ta, nó, ai, đó</i>.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được đại từ phù hợp để thay cho . – Cùng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
3. Ôn luyện về đại từ nghi vấn (18 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: <i>a. Hội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?</i> <i>Hội có bao nhiêu đội viên?</i> <i>Bí danh của các đội viên là gì?</i> <i>Bạn thích nhất bí danh nào? Vì sao?</i> <i>b. Các đại từ được sử dụng: nào, đâu, bao nhiêu, gì, nào, sao</i>.)	– Thay  bằng các câu hỏi phù hợp để hoàn chỉnh đoạn phỏng vấn. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Cùng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

– HS chơi trò chơi <i>Phóng viên nhí</i> để chữa bài trước lớp (có thể sử dụng tranh, ảnh, mô hình hoặc vật thật đã chuẩn bị). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, viết 1 – 2 câu nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Viết được câu theo yêu cầu. – củng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn kể chuyện với những chi tiết sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Tranh, ảnh về các câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về những câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật mà em thích (nếu có).
- Giấy dán hình trái tim.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Truyền điện</i>, kể tên các câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật. – 1 – 2 HS chia sẻ về câu chuyện mình thích (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Kể được tên các câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết bài văn kể chuyện sáng tạo (25 phút)		
– HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em chọn kể câu chuyện nào? + Câu chuyện có những nhân vật nào? + Câu chuyện có các sự việc chính nào? + Em sẽ thêm vào những chi tiết nào để thể hiện sự sáng tạo? + Em sẽ viết mở bài và kết bài theo cách nào? + ... – HS viết bài văn vào VBT (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – HS chia sẻ bài viết trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét theo các tiêu chí: + Cấu tạo bài viết rõ ràng. + Kể được các sự việc chính của câu chuyện. + Các chi tiết sáng tạo hợp lí, hấp dẫn. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ bài viết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết được bài văn kể lại một câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật với những chi tiết sáng tạo. – Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chí của GV.	
2. Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa vào nhận xét.	Củng cố kĩ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS dán giấy dán hình trái tim vào bài viết mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Tranh, ảnh về các câu chuyện trong chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về các câu chuyện trong chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” mà em thích (nếu có).
- Giấy dán hình ngôi sao.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Mảnh ghép</i>: + 1/2 số nhóm trong lớp trao đổi về các sự việc chính của truyện “Tiếng rao đêm”. + 1/2 số nhóm trong lớp trao đổi về các sự việc chính của truyện “Những lá thư”. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Nhớ lại nội dung các câu chuyện trong chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” để kết nối với bài học.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng lời của một nhân vật (25 phút)		
– HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý. – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV: + Em chọn kể câu chuyện nào? + Em muốn mượn lời của nhân vật nào để kể lại câu chuyện? + Khi mượn lời của nhân vật, em cần lưu ý điều gì? + ... – HS viết bài văn vào VBT (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – HS chia sẻ bài viết trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét theo các tiêu chí: + Cấu tạo bài viết rõ ràng. + Kể đủ các sự việc chính của câu chuyện.	– Viết được bài văn kể lại một câu chuyện đã học trong chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” bằng lời của một nhân vật trong truyện. – Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chỉ của GV.	

+ Sử dụng ngôi kể hợp lí. + Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc bằng lời của nhân vật đã mượn lời. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ bài viết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2. Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa vào nhận xét.	Củng cố kĩ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS dán giấy dán hình ngôi sao vào bài viết mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: HOÀNG THỊ MINH TÂM

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: HOÀNG THỊ MINH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5, TẬP MỘT

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa Tiếng Việt 5 – Bộ sách Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In bản, (QĐ in số) khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:

Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB:, ngày tháng năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1:

Tập 2: